

LECTIO DIVINA ĐỌC SÁCH THÁNH

Hướng Dẫn Cầu Nguyện Với Kinh Thánh

Marc Sévin

LA LECTURE SAINTE
Guide pour une lecture croyante de la Bible
Cahier N° 1 Hors série
PRIONS EN EGLISE

NỘI DUNG

- Dẫn nhập: “Đọc Sách Thánh” là gì?
- Chương 1: Tìm kiếm đức tin
- Chương 2: Những cách thể đọc Sách Thánh
- Chương 3: Đọc Sách Thánh qua ba giai đoạn
- Chương 4: Giai đoạn đọc hay quan sát
 - Những chiều kích của Tân Ước
 - Những chiều kích của Cựu Ước
- Chương 5: Giai đoạn suy niệm
 - chặng 1: một sứ điệp hạnh phúc
 - chặng 2: thời sự hóa và sở hữu hóa
- Chương 6: Giai đoạn chiêm niệm

Những trang chen kẽ trong nội dung:

Hai lời khuyên nên theo năm cái bẫy nên tránh khi đọc Sách Thánh
Những xác tín cần phải có trong tâm trí Khi cầu nguyện với Kinh Thánh
Ba, bốn hay tám giai đoạn?
Những phần của Kinh Thánh trình bày những xác tín về đức tin
Thực hành Đọc Sách Thánh theo nhóm.

Bản dịch các chương 3 - 6: **Tri Ân**, nguồn internet
(chân thành tri ân dịch giả Tri-Ân. Chúng tôi sử dụng tài liệu của bạn để giúp các tâm hồn, hoàn toàn không có mục đích kinh doanh)
Bản dịch các trang còn lại: Fr. Marie Bảo Tịnh Ocist

DẪN NHẬP

ĐỌC SÁCH THÁNH LÀ GÌ?

Theo một truyền thống cổ xưa mà ngày nay đang lấy lại một sức sống mới. Giáo Hội kêu gọi các tín hữu thường xuyên tự đọc Kinh Thánh.

Theo cùng chủ đích này, tập sách nhỏ bạn cầm trên tay đây mời bạn “Đọc Sách Thánh”, có nghĩa là làm quen với việc yêu mến đọc Kinh Thánh trong bầu khí cầu nguyện. Tập sách đề nghị những hướng ý để đọc Kinh Thánh với niềm tin.

Kinh Thánh rất quan trọng cho Giáo Hội

“Giáo Hội luôn tôn kính Thánh Kinh như chính Thân Thể Chúa, nhất là trong Phụng Vụ Thánh, Giáo Hội không ngừng lấy bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Chúa cũng như từ bàn tiệc Mình Chúa Kitô để ban phát cho các tín hữu. Cùng với Thánh Truyền, Thánh Kinh đã và đang được Giáo Hội xem như là quy luật tối cao hướng dẫn đức tin, được Thiên Chúa linh ứng và đã được ghi chép một lần cho muôn đời” (Dei Verbum 21)

Bản văn được trích dẫn trên đây của Công Đồng Vaticanô II đã đủ để cho thấy tầm quan trọng của Kinh Thánh đối với các cộng đoàn kitô. Người ta không thể sống nếu không ăn. Các kitô hữu không thể giữ đức tin của mình sống động nếu không được nuôi dưỡng nơi bàn tiệc Lời Chúa và Thánh Thể Chúa Kitô. Đọc Kinh Thánh là việc sống còn của Giáo hội và của các tín hữu là những người lập thành Giáo Hội.

Một nơi đặc biệt để đọc Kinh Thánh trong Giáo Hội là phụng vụ và đặc biệt phụng vụ Chúa Nhật.

Tuy nhiên còn có những nơi khác, những thời gian khác không nên bỏ qua, ví dụ như đọc trong các nhóm Kinh Thánh, trong các gia đình hoặc trong những cuộc hội họp của các kitô hữu.

Cuối cùng cũng còn việc đọc cá nhân hoặc mỗi người cố gắng theo nhịp độ riêng tư dành thời gian lắng nghe Lời Chúa bằng cách đọc Kinh Thánh với tinh thần cầu nguyện. Việc đọc này có thể thực hiện theo các bản văn phụng vụ và đặc biệt suy niệm mỗi ngày các bản văn Kinh Thánh trong phụng vụ Thánh Lễ.

“Lectio divina” và “Đọc Sách Thánh”

“Thánh Công Đồng cũng tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu, cách riêng các tu sĩ hay năng đọc Thánh Kinh để học biết "khoa học siêu việt của Chúa Giêsu Kitô" (Ph 3,8). "Vì không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Kitô" (T. Hiêrônimô, Comm. In Is. Prol. : PL 24, 17. - Benedictô XV, Tđ. Spiritus Paraclitus: EB 475-480. - Piô XII, Tđ. Divino Afflante Spiritu : EB 521). Vậy ước gì họ hăng hái tiếp xúc với chính bản văn Thánh Kinh, nhờ Phụng Vụ Thánh dồi dào lời Thiên Chúa, hoặc nhờ sốt sắng đọc Thánh Kinh hay nhờ những tổ chức học hỏi thích hợp, hoặc bất cứ phương thế nào mà ngày nay đã được các Chủ Chăn trong Giáo Hội chấp thuận và ân cần phổ biến khắp nơi. Nhưng mọi người cũng nên nhớ rằng kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì "chúng ta ngỏ lời với Ngài khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Ngài nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn thần linh"(Dei Verbum 25).

Việc giáo dân thường xuyên đọc Sách Thánh như Công Đồng ước muốn không phải là một điều mới trong Giáo Hội. Việc đọc này đã luôn được áp dụng xuyên suốt lịch sử của Giáo Hội, đặc biệt do các tu sĩ. Việc đọc này có tên gọi là Lectio divina. Kiểu nói này đã trở thành từ kỹ thuật. Nó nói đến một phương thế khá chính xác về việc thường xuyên đọc Kinh Thánh. Ngày nay lối thực hành này đang tìm lại sức sinh động.

Chúng tôi sẽ bàn đến trong tập sách này về việc “Đọc Sách Thánh”. Đây là kiểu dịch từ truyền thống la tinh Lectio divina ra từ tiếng Pháp. Quả thực tính từ divina của tiếng la tinh nhắc đến việc đọc có liên hệ tới điều “thần thánh”, liên quan tới Lời Thiên Chúa, chứ không phải là việc đọc có tính cách “thần thánh”. Nếu không dùng từ la tinh Lectio divina, chúng ta có thể dùng từ dịch ra (theo tinh thần tiếng Pháp) “Đọc Sách Thánh”.

Mục tiêu của tập sách

Kinh Thánh là một sách thánh của tất cả mọi tín hữu. Kinh Thánh không phải để dành riêng cho một số người đặc tuyển. Các sách trong Kinh Thánh là để cho mọi tín hữu dùng để đọc. Người ta nhận ra trong các sách này những dấu tích của một trải nghiệm tôn giáo làm nền cho đức tin kitô giáo.

Mục tiêu của tập sách nhỏ này là giúp cho việc cầu nguyện với Kinh Thánh được dễ dàng, để việc đọc đem lại việc làm quen với các từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng và nhờ đó đức tin được nuôi dưỡng.

Do đây trong tập sách nhỏ này không bàn đến việc dẫn vào Kinh Thánh, dù rất cần thiết, nhưng bàn đến những hướng dẫn để giúp đi vào việc đọc sách thánh.

Việc “đọc Sách Thánh” tự nó đòi phải dẫn thân. Đó là việc đọc đòi hỏi niềm tin kitô, đọc trong đức tin và vì đức tin.

Một ý kiến bác bỏ thường gặp

“Những văn bản Kinh Thánh thì khó hiểu. Việc đọc Kinh Thánh không là việc chỉ nên dành riêng cho các chuyên gia thôi sao?”

Quả thực trong Giáo Hội có một “dịch vụ”, “chú giải”, cố tìm giải thích và giúp hiểu những bản văn cổ của Kinh Thánh. Ủy Ban Giáo Hoàng về Kinh Thánh vừa nhắc lại việc cần thiết của dịch vụ này. Nói như thế, việc đọc Kinh Thánh không bao giờ chỉ được dành riêng cho các chuyên gia. Công Đồng cuối cùng đã nhắc rằng:

Phải làm sao để giúp tất cả các tín hữu đọc được Kinh Thánh. Công Đồng không đòi hỏi phải biến các tín hữu thành những nhà thông thái!

Mỗi kitô hữu đều có thể thực hành đọc Kinh Thánh với niềm tin. Đây là những lý do:

- Trước hết các sách Kinh Thánh lược kể đức tin, và đức tin của bất cứ kitô hữu nào cũng đều có một phương tiện tốt để nghe chứng từ trong Kinh Thánh. Theo một nghĩa nào đó, mỗi kitô hữu đều là một nhà chú giải. Đức tin của kitô hữu giúp họ có khả năng đọc hiểu những bản văn về đức tin trong Kinh Thánh.

- Tiếp đến kitô hữu không đơn độc khi đọc Kinh Thánh. Kitô hữu cầu nguyện trong “Giáo Hội”, hay nói khác đi Giáo Hội đồng hành với kitô hữu trong việc đọc và đặc biệt trong cử hành phụng vụ.

- Cuối cùng hiện nay có rất nhiều phương thể tuyệt vời thuộc đủ loại (sách, tập san, báo chí...) giúp tiếp cận Kinh Thánh.
- Nhất là không quên vai trò của Chúa Thánh Thần đến trợ giúp sự yếu kém của chúng ta.

CHƯƠNG I

TÌM KIẾM ĐỨC TIN

Trước khi đi vào thực hành cầu nguyện với Kinh Thánh, cần phải có được phản xạ tự nhiên cho việc đọc, đó là: **“tìm kiếm đức tin”** trong tất cả các bản văn Kinh Thánh.

Đọc sách Thánh hệ tại ở việc lắng nghe lịch sử thánh. Kinh Thánh trình bày những biến cố nêu lên. Mục đích của Kinh Thánh không phải là mang lại những sự kiện lịch sử chính xác của các biến cố này. Kinh Thánh là một lịch sử thánh nói về đức tin của những người đã viết, đã xuất bản, và đã chuyển đạt lại.

Một so sánh

Tại trạm métro “Bastille” ở Paris, người ta có thể chiêm ngưỡng bản sao của một bản khắc diển tả cuộc chiếm nhà tù Bastille. Một đám người đông vô kể, cầm những chĩa nhọn, đinh ba, không sợ hãi tiến vào tấn công thành, trong khi đó từ trên cao các tháp canh nhiều quân phòng vệ với súng, đại pháo tìm cách ngăn chặn đám đông, nhưng vô ích. Những cụm khói đen tỏa bay mù mịt. Bức vẽ thật hoành tráng, nhưng theo các sử gia chẳng đúng với sự thật những gì đã xảy ra ngày hôm đó. Cuộc tấn công chiếm ngục nhẹ nhàng hơn nhiều. Tuy nhiên, trên bình diện ý nghĩa, bức vẽ diển tả đúng tầm rộng của biến cố đã trở thành biểu tượng cho tất cả giai đoạn cách mạng Pháp. Sự quan trọng của cuộc cách mạng này xứng đáng để người ta vẽ một bức họa cuộc chiếm ngục Bastille kỳ diệu như thế.

Những người tin chứng tá đức tin của mình

Một hiện tượng cũng giống như thế trong các bản văn Kinh Thánh. Khi những người tin của dân Ít-ra-en bắt đầu viết lịch sử của mình, điều quan trọng không phải là tường thuật qua chi tiết những thăng trầm của tổ tiên họ hoặc những biến cố chính của quê hương họ, nhưng là muốn chứng tá đức tin của họ. Trong lịch sử của họ, họ nhận ra được sự hiện diện của một Thiên Chúa ngã vị, một Thiên Chúa luôn muốn giải phóng họ khỏi những cảnh nô lệ, một Thiên Chúa cứu độ. Tiếng kêu vang đức tin này trải dài từ trang đầu tới trang cuối của Cựu Ước: Thiên Chúa là duy nhất, Ngài yêu thương dân Ngài và yêu thương tất cả mọi dân tộc, Ngài muốn mọi người được cứu độ và Ngài đứng về phía họ.

Các tác giả của Kinh Thánh giữ lại trong văn khô và trong kỷ niệm những nhân vật, những biến cố, những bản văn giúp họ trình bày niềm tin của họ. Họ miêu tả đức tin trước khi miêu tả những sự kiện lịch sử của dân tộc họ.

Một lịch sử thánh

Trong kiểu nói “lịch sử thánh”, chính hình dung từ “thánh” có tầm quan trọng hơn và cho lịch sử một chiều kích khác.

Vấn đề cũng thế đối với Tân Ước và Cựu Ước. Vào những năm sau Phục Sinh, những người đã viết Tin Mừng muốn chứng tá đức tin của họ nơi Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, Đấng đã hiến thân mình,

đã sống lại, hiện tại đang ban Thần Khí của Ngài cho các môn đệ và sẽ đến trong vinh quang. Các vị này không bận tâm đến chuyện viết một tác phẩm của nhà khảo cổ hoặc của sử gia, nhưng là chuyển giao đức tin vào Đấng Kitô luôn sống động bên Thiên Chúa và ở giữa các môn đệ. Đối với các vị, Chúa Giêsu là Đấng đã đến “hoàn tất Kinh Thánh”, hoàn tất những lời Thiên Chúa hứa về việc giải phóng và cứu độ. Các Tin Mừng ghi lại lịch sử thánh cũng như vậy. Các sách này kể lại đức tin của các cộng đồng Kitô hữu tiên khởi. Chỉ tiêu đầu tiên của các Tin Mừng là giúp khám phá và chia sẻ đức tin của những cộng đồng Kitô giáo tiên khởi.

Lắng nghe những kẻ tin của ngày xưa

Chính do vậy, đi vào việc đọc Sách Thánh, trước hết lắng nghe, lắng nghe để biết bằng cách nào những người tin của ngày xưa đã dần dần khám phá ra Thiên Chúa là một Thiên Chúa ngã vị đầy yêu thương, và được như thế là nhờ khởi đi từ cuộc sống của họ, khởi đi từ lịch sử của họ; chính nhờ lắng nghe các môn đệ của Chúa Giêsu đã nhận biết Ngài là Đấng được Thiên Chúa sai đến, là Chúa của mọi người.

Kinh Thánh đã được những người tin viết cho những người tin. Kinh Thánh nói lên đức tin của những người đã viết. Chúng từ đức tin này đã được coi như có thể và phải giúp, khích lệ, củng cố và hướng dẫn đức tin của các cộng đồng Kitô hữu. Việc đọc Sách Thánh đề nghị lắng nghe chứng từ này về đức tin.

HAI LỜI KHUYÊN NÊN THEO

Vì Kinh Thánh là một cuốn sách được những người tin viết cho những người tin, nên khi đi vào thực hành đọc Sách Thánh này, người ta nên theo hai lời khuyên sau đây:

1. Hòa mình vào đức tin của Giáo Hội

Kinh Thánh được viết, được chuyển trao trong các cộng đồng những kẻ tin. Đối với một Kitô hữu, Sách Thánh được trao ban cho từ cộng đồng, từ Hội Thánh. Như vậy người ta hòa nhập vào đức tin của Hội Thánh.

Việc đọc Sách Thánh đòi hỏi người ta phải vượt qua những khó khăn riêng của cá nhân mình trong vấn đề đức tin, dù đó là rất chính đáng. Cần nên giục lòng tin cậy vào cộng đồng những kẻ tin thuộc Cựu Ước hay Tân Ước, là những người đã uôn nắn và chuyển trao những bản văn thánh này. Tại sao chúng ta lại không nghĩ đến những người tin của các thế hệ sau này Sách Thánh cũng sẽ được chuyển trao cho họ?

2. Trước hết nên tìm chứng từ đức tin của những người đã viết và chuyển trao Kinh Thánh

Kinh Thánh là một chứng từ của đức tin, được viết do những người tin cho những người tin khác. Sách này không phải là một cuốn sách viết về những giai thoại của quá khứ. Sách này là một “lịch sử thánh” viết cho chúng ta biết về lịch sử của sự thánh thiện, có nghĩa là của đức tin. Phản xạ đầu tiên là tìm kiếm chứng từ đức tin có trong những trang sách Kinh Thánh. Nếu không có phản xạ này người ta sẽ gặp nhiều khó khăn khi đọc Kinh Thánh.

Vấn đề là khơi dậy trong mình sự tò mò về vấn đề thiêng liêng chứ không phải tò mò về vấn đề văn hóa. Tò mò về khía cạnh văn hóa rất chính đáng, nhưng đừng để nó cản trở tâm trí mình vào giờ phút “câu nguyện với Lời Chúa”.

NĂM CÁI BÃY CẦN NÊN TRÁNH

Nhiều thứ bẫy gặp phải khi đọc Kinh Thánh. Cố gắng tránh bao nhiêu có thể.

1. Coi Kinh Thánh như một cuốn sách cho những giải quyết luân lý

Đó là cái bẫy thường gặp. Người ta tìm mò trong Kinh Thánh những định hướng chính xác để sống cuộc sống thường ngày. Rơi vào cái bẫy này cũng không nguy hiểm lắm nếu người ta đọc Kinh Thánh “trong Hội Thánh”, lúc đó người ta sẽ chỉ tìm những định hướng theo “Tin Mừng”.

Tuy nhiên, đáng tiếc là chỉ gói gọn Kinh Thánh vào những định hướng kiểu này... Hơn nữa, được viết cách đây cả hơn thiên niên kỷ, không chắc gì Kinh Thánh có thể cung cấp những “thực đơn” thích ứng với cuộc sống hôm nay và thích hợp cho mọi người! Kinh Thánh cũng không phải là cẩm nang để sống tốt, nhưng là diễn đạt sứ điệp hạnh phúc đến từ Thiên Chúa.

Trước khi tìm hiểu xem phải dùng bản văn Kinh Thánh trong cuộc sống hằng ngày thế nào, chúng ta nên tìm kiếm đức tin được trình bày trong bản văn đó, và đức tin này có thể tạo cảm hứng cho đức tin của Hội Thánh ngày nay.

2. Coi một đoạn văn nào đó của Kinh Thánh làm như “Lời Tin Mừng”

Chính toàn bộ Kinh Thánh mạc khải sứ điệp hạnh phúc mà Thiên Chúa muốn chuyển trao cho con người. Sứ điệp này không bị đóng khung trong bất kỳ một lời, một đoạn, một cuốn sách nào thuộc Kinh Thánh. Sứ điệp này được khám phá một cách tiệm tiến qua việc các người tin đọc và suy niệm toàn bộ Kinh Thánh.

Một đoạn chọn lọc nào đó luôn phải được soi sáng và ngay cả chỉnh sửa bởi những đoạn khác, hay nói đúng hơn, bởi toàn bộ Kinh Thánh.

Chính Kinh Thánh gồm những cuốn sách khác nhau như để cảnh cáo chúng ta không được luôn bám víu vào cùng một cuốn sách, cùng một đoạn sách, cùng một lời....

3. Điều động Lời Chúa

Bẫy này thường có trong khi đọc và ít khi nhận ra được. Kinh Thánh là “Lời Chúa”, chắc hẳn như thế, và cũng còn cần phải hiểu cho rõ điều này muốn nói gì một cách chính xác. Kinh Thánh không tự động là một lời của Thiên Chúa mà người ta có thể cắt bỏ hay chọn lựa tùy ý! Lời Chúa luôn thoát khỏi chúng ta. Lời Chúa không phải là nô lệ của chúng ta và tuân theo mệnh lệnh của chúng ta. Cũng cần phải cẩn trọng khi sử dụng những kiểu nói như: “Chúa nói với tôi trong đoạn văn này...”, “Hãy lắng nghe điều Hội Thánh muốn nói với chúng ta...”

Thiên Chúa vừa ở rất gần, nhưng cũng hoàn toàn khác. Nếu Chúa nói trong Kinh Thánh, đó là điều chính xác, phải thêm rằng cần phải luôn khám phá ra Lời của Ngài. Người ta không thể đào lỗ chôn Lời Chúa. Không phải cứ đọc Kinh Thánh là Lời Chúa sẽ mạc khải cho chúng ta. Lời Chúa cũng có trong lời đáp của người đọc, trong cách họ sống; và cũng có ở nơi những người khác đang cố gắng sống theo Lời. Lời Chúa hành động cách bí nhiệm. Chúng ta đừng phỉnh gạt bằng những lời của chúng ta, bằng những kinh nguyện của chúng ta khi chúng ta quả quyết rằng Thiên Chúa nói với chúng ta, khi chúng ta nói rằng Thần Khí nói với chúng ta điều này điều nọ... Kiểu cách nói của

chúng ta thường vụng về. Thiên Chúa không bao giờ để chúng ta thao túng. Luôn có nguy cơ thờ ngẫu tượng khi muôn năm bắt, chiếm hữu Lời Chúa như một sự vật...

4. Tin rằng bản văn Kinh Thánh làm cho chúng ta sống lại những biến cố được kể trong đó

Đó là một bẫy đã trở thành kinh điển, là tìm hỏi ở Kinh Thánh điều mà Kinh Thánh không thể cho. Kinh Thánh không bao giờ được thai nghén và được viết ra như một tác phẩm của một sử gia cố gắng làm sống lại quá khứ. Cũng cần phải rất cẩn trọng trong lãnh vực này. Trước cái nhìn của thời đại và của tất cả những gì xảy ra trong phần đất nhỏ hẹp của vùng Cận Đông mà Ít-ra-en đã sống thì chẳng có gì là nhiều. Kinh Thánh chỉ cung cấp một số những dấu vết của quá khứ. Chúng ta hãy để cho các sử gia tạo lại lịch sử khởi đi từ những dấu vết này, phần nào cũng giống như các nhà khảo cổ, nghiên cứu vài mảnh thủy tinh hay gốm sứ, có thể trình bày một ý tưởng về cả một kỹ nghệ thời xa xưa đó.

Thật làm lẫn khi tin rằng Kinh Thánh viết một phóng sự về Áp-ra-ham, I-sa-ác, Gia-cóp, Mô-sê... Những bản văn Kinh Thánh chỉ chú tâm chuyên đạt những xác tín của những người đã viết lại những câu chuyện của các nhân vật này. Các bản văn này chứng tá cho những xác tín của những người đã lặp lại, sửa đổi và chuyển trao qua dòng lịch sử. Những bản văn này cuối cùng và nhất là những xác tín của những người đã chính thức chọn xếp các sách Kinh Thánh, nói cách khác, của những người cuối cùng xuất bản Kinh Thánh.

Đừng đọc Kinh Thánh như các sử gia, nhưng hãy đọc như những kẻ tin.

5. Tản mạn ngoài bản văn

Bản văn thường khơi cho chúng ta nghĩ đến những chuyện khác và chúng ta thường lấy cái hướng mà bản văn hoàn toàn không có ý chỉ tới. Bẫy này thường gặp và không dễ tránh. Đào thoát ra ngoài bản văn, cũng không tệ hại gì cho lắm, hơn nữa còn phải ý thức rằng mình đã đi ra ngoài! Trong khi cầu nguyện với Kinh Thánh và trong mức độ có thể, nên kim hãm trí tưởng tượng và bắt mình làm người tôi tớ rất trung thành của chính bản văn.

Trình thuật on gọi của Áp-ra-ham (*Kn 12*) cho chúng ta một tấm gương khá kinh điển về vấn đề này. Người ta nghĩ ngay từ đầu một cách chắc nịch về đức tin của Áp-ra-ham trong khi bản văn chẳng đá động gì đến! Bản văn chỉ nói về lời hứa cho đất đai và hậu duệ, cũng như chúc lành của Chúa mà mọi người cũng sẽ được hưởng: “Nơi người, tất cả mọi gia đình trên cõi đất cũng sẽ được chúc phúc”.

Dĩ nhiên người ta có lý do biện hộ vì ở đây đã tưởng nghĩ đến đức tin của Áp-ra-ham, bởi vì tất cả truyền thống do thái đã nghĩ như thế và ngay cả tác giả thư Híp-ri* (*11,8*) cũng nghĩ như thế! Tuy nhiên, lúc đi vào cầu nguyện, ở phần đầu chúng ta nên cố gắng tới đa ở lại trong bản văn. Điều này không dễ. Đó là vấn đề ý chí và khổ chế trong việc nghe và tôn trọng là những phẩm chất chính yếu của việc đọc Sách Thánh.

* Theo quyết định mới: “Thư Do Thái” được sửa lại cho đúng là “Thư Hípri” (ký hiệu viết tắt: Hr)

NHỮNG XÁC TÍN CẦN PHẢI CÓ TRONG TÂM TRÍ KHI CẦU NGUYỆN VỚI KINH THÁNH

Chính với đức tin mà người kitô hữu tiếp cận việc đọc Kinh Thánh. Có cả một chuỗi những xác tín cần phải có để đọc Kinh Thánh với tư cách là Kitô hữu.

1- Chỉ có một Thiên Chúa. Ngài không theo hình ảnh của chúng ta: Ngài là Đấng hoàn toàn Khác. Ngài đã tự mạc khải cho một dân tộc, nhưng cũng cho tất cả mọi dân tộc.

2- Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta đến độ đã trở thành người anh của chúng ta trong con người Giêsu Na-da-rét.

3- Qua cuộc sống, cái chết và sự phục sinh của mình, Chúa Giêsu từ nay đã trở thành Chúa của chúng ta. Ngài lôi kéo chúng ta vào trong thế giới mới của Thiên Chúa, trong “Vương Quốc của Thiên Chúa”. Ngài ban cho chúng ta Thần Khí của Ngài.

4- Ôn cứu độ của Chúa Giêsu không phải chỉ dành riêng cho một số người, nhưng là cho mọi người. Thiên Chúa muốn mọi người được hạnh phúc (đó chính là những chủ đề quan trọng của Giao Ước, của ơn Cứu Độ, của sự Giải Phóng). Thật khó sống tính đại đồng này, nhưng tất cả được đo lường ở đó.

5- Các Kitô hữu được mời gọi hoán cải, quay trở về cùng Chúa. Một cách thật trái nghịch, cách thể yêu mến Thiên Chúa tốt nhất, đó là yêu mến anh em đồng loại. “Người nào nói tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại không yêu mến người anh em mình thì chỉ là kẻ nói dối”.

6- Đối với một kitô hữu, tất cả các đoạn văn Kinh Thánh đều liên kết với bản tuyên xưng đức tin của Hội Thánh (Tôi tin).

CHƯƠNG II

NHỮNG CÁCH THỂ ĐỌC SÁCH THÁNH

“Đọc Sách Thánh” là việc đọc với niềm tin trong bầu khí cầu nguyện. Việc đọc này giúp tạo một tâm thức Kinh Thánh và tiếp nhận sứ điệp hạnh phúc mà Chúa gửi đến qua chứng từ của những người tin đã viết Kinh Thánh. Những bản văn Kinh Thánh trong Thánh Lễ mỗi ngày công hiến một lối vào cách đọc Kinh Thánh thân thuộc này. Những ví dụ nêu ra trong tập sách nhỏ này đã được trải nghiệm từ những bản văn Kinh Thánh của Thánh Lễ hằng ngày.

Có nhiều cách thể “đọc Sách Thánh”. Tất cả đều cùng có một đòi hỏi: luôn tiếp cận với bản văn Kinh Thánh. Trước hết, ở đây xin đề nghị vài cách dễ dàng có thể áp dụng khi mới khởi sự.

*** Một lời mỗi ngày**

Những bản văn Kinh Thánh chứa đầy đức tin của những người đã viết các sách Kinh Thánh. Một cách thể tốt để tập luyện “đọc Sách Thánh” là cố gắng tìm ra chứng từ đức tin đó. Tất cả mọi kitô hữu, do chính đức tin của riêng mình, đều có thể khám phá ra những khía cạnh của chứng từ này và nhờ đó làm phong phú việc cầu nguyện của mình.

Lưu ý đến những chữ và những cách diễn tả mang sắc thái tôn giáo là một cách thể đạt được. Cần là khi đọc những bản văn Kinh Thánh trong Thánh Lễ mỗi ngày biết giữ lại một câu, một lời, một lời kinh mà ta sẽ nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong suốt ngày, hoặc ngày hôm sau, hay trọn cả tuần lễ. Ta lợi dụng những lúc được tự do (giờ nghỉ, khi đi chuyển, đi chợ) để nhắc lại “lời” đã chọn.

Không có một quy luật nào cho việc chọn lựa lời này hay câu này. Ta có thể giữ lại lời gây chú ý cho ta nhất khi ta đọc. Trong mức độ có thể, mỗi lần nhắc lại lời này trong ngày, ta có thể dành thêm vài giây để kết nối lời này với một lời kinh liên kết với Chúa Giêsu. Công việc này phải thực hiện một cách rất tự phát và không cần phải suy nghĩ lâu.

Người ta có thể có cảm tưởng là cứ lập đi lập lại mãi một lời. Ngôn từ của đức tin cũng giống như ngôn từ của tình yêu; người ta không bỏ ngỡ ngạc nhiên nếu cùng những lời diễn tả, cùng những câu cứ được lặp lại hoài.

Nếu không có một lời nào trong bản văn Kinh Thánh của một ngày gây chú ý cho ta đặc biệt, không nhất thiết phải cố công moi cho ra một lời. Việc thực hành này không thể trở thành một lao dịch! Tốt hơn nên đợi những bản văn của ngày hôm sau hoặc hôm sau nữa.

Ví dụ

Đây là những ví dụ có thể được rút ra từ việc “đọc Sách Thánh” một lời Phúc Âm trong phụng vụ thánh lễ trong tuần.

- **Mt 6,7.** Câu ghi lại: *"Khi cầu nguyện, anh em đừng lái nhái như dân ngoại; xin.... "VẬY, anh em hãy cầu nguyện như thế này"*.

Cầu nguyện: Lạy Chúa Giêsu, không phải cứ lái nhái “lạy Chúa, lạy Chúa” mà chúng con sẽ vào được Nước Trời. Tất cả điều chúng con cần, Chúa đã diễn tả trong kinh Lạy Cha. Xin cho chúng con nhận biết rằng Thiên Chúa vừa rất khác biệt vì Người ở trên trời, lại vừa rất gần gũi vì chúng con có thể cùng với Chúa gọi Người: “Lạy Cha chúng con”.

- **Lc 4, 16-30:** *"Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn"*.

Lạy Chúa Giêsu, các kitô hữu tiên khởi đã nhận biết Chúa là Đấng các ngôn sứ đã loan báo, là Đấng Thiên Chúa sai đến để đáp lại niềm hy vọng của những người tin. Những người bị áp bức chờ mong được giải thoát. Tin Mừng cứu độ được gửi đến cho những người đó.

- **Lc 4, 31-37:** *"Họ sùng sốt về cách Người giảng dạy, vì lời của Người có uy quyền... "Ông là Đấng Thánh của Thiên Chúa!"*

Lạy Chúa Giêsu, Chúa là Đấng Thánh của Thiên Chúa. Chúa đã đến để giải thoát chúng con khỏi sự dữ. Lời Chúa đầy uy quyền bởi vì Chúa đến từ nơi Thiên Chúa. Chúa là Ngôi Lời của Thiên Chúa.

- **Lc 4, 38-44:** *"Tôi còn phải loan báo Tin Mừng Nước Thiên Chúa cho các thành khác nữa"*.

Lạy Chúa Giêsu, các thần ô uế đã nhận biết Chúa là “Con Thiên Chúa, là Đấng Thiên Sai”. Tin Mừng của Chúa là cho chúng con. Đám đông đã muốn níu kéo giữ Chúa lại cho họ. Nhưng Chúa còn phải ra đi, vì Nước Thiên Chúa phải được loan báo cho mọi người.

- **Lc 5, 1-11:** “*Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi!*”!

Lạy Chúa, chính khi ý thức sự yếu hèn của mình mà thánh Phêrô đã quỳ phục bên chân Chúa và nhận biết Chúa là Chúa. Vâng tất cả Giáo Hội đều thú nhận sự yếu hèn của mình và nhận biết Chúa là Chúa.

- **Lc 6, 1-5:** “*Con Người làm chủ ngày sa-bát*”.

Lạy Chúa Giêsu, Chúa làm chủ ngày sa-bát. Chúa là Con Người”, là Đấng Thiên Chúa sai đến như ngôn sứ Da-ni-en loan báo. Chúa là người Anh của chúng con và Chúa đến từ nơi Thiên Chúa.

- **Ga 15, 1-8:** “*Thầy là cây nho, anh em là cành*”.

Lạy Chúa Giêsu, sự vững mạnh của chúng con với tư cách là môn đệ của Chúa có được là nhờ nơi Chúa. Tách lìa khỏi Chúa, chúng con không có thể làm gì được. Chúa mời gọi chúng con hoán cải, mời gọi chúng con quay trở về với Chúa. Chúa là nguồn sự sống của chúng con.

- **Ga 15, 9-11:** “*Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em như vậy*”.

Lạy Chúa Giêsu, chúng con có được hạnh phúc vì Chúa đã cho chúng con thuộc thành phần các bạn hữu của Chúa. Xin làm cho chúng con luôn sống trong tình yêu này.

- **Ga 15, 12-17:** “*Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em*”.

Lạy Chúa Giêsu, sống là bạn hữu của Chúa, trước hết đó là thực hành điều Chúa truyền, và điều Chúa truyền là Ichúng con yêu thương nhau và yêu thương những người khác. Chính khi chúng con xích gần lại với những người khác là chúng con có thể xích lại bên Chúa và xích lại bên Chúa Cha.

- **Ga 15, 18-21:** “*Nếu thế gian ghét anh em, anh em hãy biết rằng nó đã ghét Thầy trước*”.

Lạy Chúa Giêsu, Chúa đã cảnh giác chúng con: tin nơi Chúa kéo theo bách hại. Nếu chúng con không còn gặp những chống đối, cũng có nghĩa là đức tin của chúng con đang ngủ yên. Xin đánh thức đức tin của chúng con, lạy Chúa: ước gì chúng con có được niềm đam mê chúng tá cho Chúa dù có phải trả bất cứ giá nào.

- **Ga 15, 26 - 16,4:** “*Khi Đấng Bảo Trợ đến ... Người sẽ làm chứng về Thầy*”.

Lạy Chúa Giêsu, chúng con không cô độc khi chúng tá của chúng con cho Chúa trở nên khó khăn. Chúa ban Thần Khí Chúa cho chúng con.

*** Cầu nguyện bằng Thánh Vịnh**

Những hình thức cầu nguyện khác nhau của dân tộc Kinh Thánh đều có trong sách các Thánh Vịnh. Từ nền tảng của tất cả kinh nguyện, có sự nhận biết Chúa là Thiên Chúa, và Người yêu thương chúng ta. Nói cách khác tất cả kinh nguyện đều là ngợi khen hoặc “vinh tụng”, một lời ca chúc tụng lòng nhân hậu của Chúa đối với chúng ta. Không phải không có lý do khi sách các Thánh Vịnh bằng tiếng Hipri được gọi đơn giản là “những lời ngợi khen”.

Đàng sau lời kêu của vịnh gia, người ta nhận ra được kinh nguyện của toàn dân con cái Ít-ra-en. Các kitô hữu có một lý do khác để dùng các thánh vịnh mà cầu nguyện từ khi Chúa Giêsu cũng dùng chính những Thánh Vịnh để thân thưa với Cha.

- Một trong cách thể “đọc Sách Thánh” từ một Thánh Vịnh là suy niệm Thánh Vịnh đó ở những cấp độ khác nhau: cấp độ vịnh gia, cấp độ dân Kinh Thánh và cấp độ Chúa Giêsu.

Ví dụ

- Thánh vịnh 138 (139)

Trong thánh vịnh 138, vịnh gia có cảm nhận Thiên Chúa luôn dò xét mình.

*“Lạy Chúa, Ngài dò xét con và Ngài biết rõ,
biết cả khi con đứng con ngồi.*

*Con nghĩ tưởng gì, Ngài thấu suốt từ xa,
đi lại hay nghỉ ngơi, Chúa đều xem xét,
mọi nẻo đường con đi, Ngài quen thuộc cả”.*

Do vậy vịnh gia bị cám dỗ tìm lẩn tránh Chúa và tìm ẩn náu nơi các ngẫu tượng, các thần khác.

*“Đi mãi đâu cho thoát thần trí Ngài,
lẩn nơi nào cho khuất được Thánh Nhan?
Dù chấp cánh bay từ phía hừng đông xuất hiện...”*

Những không thể được: Thiên Chúa vẫn luôn có đó!: *“tại đó cũng tay Ngài đưa dẫn...”* Như thế, có chạy trốn cũng vô ích; thái độ tốt nhất là quay trở về với Chúa. Vịnh gia ý thức mình làm lẩn. Phản tiếp theo cuối thánh vịnh cho thấy vịnh gia coi cái nhìn của Thiên Chúa như một điều không kham nổi thì đó lại là sự tỏ hiện tình yêu của Người.

Kinh nguyện của dân tộc Kinh Thánh

Thánh vịnh này tiếp nối trải nghiệm của dân tộc Kinh Thánh trong thời bị lưu đày. Trên đường tới Đất Hứa, dân không còn chịu đựng nổi những đòi hỏi của Chúa mà Mô-sê nhắc nhở và họ đã phản loạn. Dân đã quay về với các thần khác, phục lạy trước bò vàng mà họ đúc ra. Nhưng những trình thuật của sách Xuất Hành kể rằng chỉ có sự quay trở về với Chúa mới đem lại cứu độ. Vì Thiên Chúa yêu thương dân Người; Người đã giao ước với dân. Thiên Chúa ở với dân để cứu độ dân.

Kinh nguyện của Chúa Giêsu

Khi bị cám dỗ lúc hấp hối, Chúa Giêsu cũng đã bị cám dỗ không đáp lại ý muốn của Cha Người: *“Nếu được thì xin cất chén này xa con”*. Nhưng Chúa Giêsu không vấp ngã: Người xua đuổi những xúi giục của ma quỷ, Người đặt tin tưởng nơi Cha đến cùng: *“Lạy Cha, xin cho ý Cha được nên trọn chứ không phải ý con”!*

Kinh nguyện của chúng ta

Lạy Chúa, đôi khi chúng con cảm thấy sự hiện diện của Chúa thật nặng nề, những đòi hỏi của Chúa làm chúng con ngộp thở. Chúng con bị cám dỗ gạt bỏ Chúa. Nhiều khi chúng con cũng đã xa lìa Chúa và quên Chúa. Dầu vậy hạnh phúc của chúng con chỉ có thể có được ở trong Chúa. Chúa là một người Cha luôn yêu thương. Xin ban cho chúng con, xin ban cho Giáo Hội của Cha biết luôn tin tưởng nơi Cha như Chúa Giêsu. Xin cho ý Cha được thể hiện!

- Trong mỗi thánh lễ, thánh vịnh đáp ca luôn phản ánh bài đọc thứ nhất. Sau khi đã lặp lại những câu của thánh vịnh hợp với bài đọc thứ nhất, ta có thể chậm rãi đọc lại trong bầu khí cầu nguyện. Đó chính là một cách “đọc Sách Thánh” khởi đi từ thánh vịnh trong thánh lễ.

Ví dụ

- Sách Dân Số 24, 2-17 và Thánh vịnh 24 (25)

Dân số: Bi-lơ-am, ngôn sứ dân ngoại chỉ có thể chúc tụng Ít-ra-en: “*được Đấng Toàn Năng cho nhìn linh thị... một vì sao xuất hiện từ Gia-cóp, một vương trượng trời dấy từ Ít-ra-en*”.

Thánh vịnh: Bi-lơ-am nhận ra bí mật của Thiên Chúa: *Chúa là Đấng nhân từ chỉ lối cho tội nhân, dẫn kẻ nghèo hèn đi theo đường công chính, dạy cho biết đường lối của Người. Tất cả đường lối Chúa đều là yêu thương và thành tín đối với những kẻ nào giữ giao ước và lề luật Chúa*”.

- Xôphônia 3, 1-13 và Thánh vịnh 33 (34)

Xôphônia: “*Ta sẽ cho sót lại giữa người một dân nghèo hèn và bé nhỏ; chúng sẽ tìm nương ẩn nơi danh Đức Chúa*”.

Thánh vịnh: “*Xin các bạn nghèo nghe tôi nói mà vui lên...Kẻ nghèo này kêu lên và Chúa đã nhận lời, cứu cho khỏi mọi cơn nguy khốn... để mắt nhìn người chính trực... Chúa gần gũi những tâm lòng tan vỡ, cứu những tâm thần thất vọng ê chề*”.

- Isaia 45, 6-25 và Thánh vịnh 84 (85)

Isaia: “*Ta là Đức Chúa, không còn chúa nào khác... Ta làm ra bình an ... mây hãy đổ mưa, mưa đức công chính... đất mở ra đi cho nảy mầm ơn cứu độ, đồng thời chính trực sẽ vươn lên...*”

Thánh vịnh: “*Điều Chúa phán là lời chúc bình an cho dân Người, cho kẻ trung hiếu... Tín nghĩa ân tình nay hội ngộ, hoà bình công lý đã giao duyên... Tín nghĩa mọc lên từ đất thấp, công lý nhìn xuống tự trời cao...*”

- Isaia 54, 1-10 và Thánh vịnh 29 (30)

Isaia: “*Người sẽ tràn ra hai bên tả hữu, dòng dõi người sẽ thừa kế các dân tộc... Đấng cùng người sánh duyên cầm sắt chính là Đấng đã tác thành người... Trong một thời gian ngắn, Ta đã ruồng bỏ người, nhưng vì lòng thương xót vô bờ, Ta sẽ đón người về tái hợp...*”

Thánh vịnh: “*Lạy Chúa, vì yêu thương, Ngài đã đặt con trên núi an toàn ... Lạy Chúa, con đã kêu lên Ngài... Khúc ai ca, Chúa đổi thành vũ điệu...*”

- Isaia 56, 1-8 và Thánh vịnh 66 (67)

Isaia: “*Người ngoại bang... đều được Ta dẫn lên núi thánh và cho hoan hỷ nơi nhà cầu nguyện của Ta. Trên bàn thờ của Ta, Ta sẽ ưng nhận những lễ toàn thiêu và hy lễ chúng dâng, vì nhà của Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện của muôn dân...*”

Thánh vịnh: “*Cho cả hoàn cầu biết đường lối Chúa, và muôn nước biết ơn cứu độ của Ngài... Ước chi toàn cõi đất kính sợ Người!*”

- Diễm Ca 2, 8-11 hoặc Xôphônia 3, 14-18 và Thánh vịnh 32 (33)

Diễm ca: “*... người tôi yêu đang tới, nhảy nhót trên đồi, tung tăng trên núi...*”

Xôphônia: “*Đức Chúa, Thiên Chúa của người đang ngự giữa người, Người là Vị cứu tinh*”.

Thánh vịnh: “*Hạnh phúc thay dân nào Người chọn làm gia nghiệp... Vâng, có Người, chúng tôi mừng rỡ, vì hằng tin tưởng ở Thánh Danh*”

Có nhiều cách tiếp cận Kinh Thánh. Người ta có thể đọc chỉ vì tò mò muốn có những kiến thức mới về lịch sử Ít-ra-en và lịch sử những kitô hữu tiên khởi. Với tư cách là người tin, người ta có thể tiếp cận Kinh Thánh để Kinh Thánh cho những lời, những hình ảnh, những khuôn mặt, những chủ đề có thể nuôi dưỡng đức tin và làm cho một lời kinh được thoát ra từ con tim. Đó chính là mục đích của việc “Đọc Sách Thánh”. Trong chương thứ nhất này, chúng tôi đã đề nghị những phương cách đơn giản. Những chương sau cần phải bàn tới con đường hoàng đạo qua ba trục chính: quan sát, suy niệm và chiêm ngắm.

CHƯƠNG III

ĐỌC SÁCH THÁNH QUA BA GIAI ĐOẠN

Đề đi xa hơn trong việc đọc và suy niệm Kinh Thánh, có một phương pháp đã được chứng nghiệm, lấy hứng từ thói quen thực hành cổ xưa là “**lectio divina**”. Nó gồm ba giai đoạn: đọc hoặc quan sát, suy niệm và chiêm niệm. Hồng y Carlo Martini, Tổng giám mục Milano, trình bày như sau:

Đọc (Quan sát)

“Đọc đi đọc lại trang Kinh Thánh và làm nổi bật những yếu tố quan trọng. Tôi khuyên nên có cây bút chì và gạch dưới những lời ta chú ý, hoặc đánh dấu những động từ, chủ từ, những tâm tình được diễn tả hoặc những từ chủ chốt. Làm như thế, sự chú ý của chúng ta được kích thích. Trí hiểu, trí tưởng tượng và sự nhạy cảm hoạt động và một đoạn văn Tin Mừng ra như đã quá quen bỗng trở thành mới mẻ. Tôi đọc sách Tin Mừng nhiều năm lắm rồi thế nhưng mỗi lần tôi đọc lại, tôi lại khám phá ra những khía cạnh mới. Công việc đầu tiên này có thể sẽ chiếm mất một số thời giờ nếu chúng ta mở lòng đón nhận Thần Khí...”

Suy niệm

“Suy niệm là nghĩ về những giá trị mà bản văn đưa ra. Ta đặt câu hỏi: bản văn nói với tôi điều gì? Trong đoạn văn này, có sứ điệp nào được coi là lời của Thiên Chúa hằng sống liên quan đến ngày hôm nay? Tôi được đức tin đã được diễn tả trong các hành động, các lời nói, các đề tài thúc đẩy như thế nào?”

Cầu nguyện hay chiêm niệm

“Chiêm niệm là điều khó diễn tả, khó giải thích. Đó là ở lại trong bản văn với lòng yêu mến và vượt qua bản văn và sứ điệp tới chỗ chiêm ngưỡng Đấng đang nói trong mỗi trang Kinh Thánh: đó là Đức Giê-su, Con của Chúa Cha, Đấng ban cho chúng ta Thần Khí. Chiêm niệm là thờ lạy, ca ngợi, tinh lặng trước Đấng là đối tượng sau cùng của việc cầu nguyện của tôi, Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng chiến thắng tử thần, Đấng tỏ cho chúng ta biết Chúa Cha và cho chúng ta niềm vui của Tin Mừng”.

Thực ra, ba thì này không phân biệt hẳn với nhau. Nhưng phân chia ra như thế là điều hữu ích đối với người đang muốn làm quen với việc đọc Kinh Thánh. Việc cầu nguyện của chúng ta là sợi dây nối kết ngày này với ngày kia. Và có thể trước một bản văn Kinh Thánh, chúng ta dừng lại ngày này nhiều hơn để suy niệm, còn ngày khác lại đi nhanh đến chỗ chiêm niệm.”

Trước khi trở lại mỗi giai đoạn trên rõ hơn, đây là một vài gợi ý để đi vào việc “đọc và suy niệm Kinh Thánh”.

Chuẩn bị

Ta có thể chuẩn bị bằng một giây lát thỉnh lặng cầu xin và ca ngợi để biết đọc với tinh thần đọc bản văn thánh. Ta muốn và ta xin cho mình được sẵn sàng lắng nghe chứng từ đức tin của những người đã tìm kiếm Thiên Chúa hằng sống và đã diễn tả trong bản văn Kinh Thánh mà ta sắp suy niệm.

Thí dụ:

- “Lạy Chúa Giê-su, Chúa là Con Thiên Chúa hằng sống và là người Anh của chúng con. Chúa là Lời đem lại ánh sáng. Xin dạy chúng con biết lắng nghe điều Chúa nói với chúng con trong Kinh Thánh, biết khám phá trong Sách Thánh dung nhan của Chúa”.

- Lạy Chúa Thánh Thần, xin ngự đến tâm hồn chúng con và ban cho chúng con ánh sáng của Ngài. Xin dạy chúng con biết khám phá ra Lời Thiên Chúa trong Sách Thánh”.

- Lạy Chúa Giê-su, xin ban cho chúng con Thần Khí của Chúa để chúng con hôm nay biết đón nhận và sống Lời của Chúa, để chúng con biết yêu mến Chúa và yêu mến Chúa Cha. Xin giúp chúng con biết phân biệt điều gì xuất phát từ Thần Khí của Chúa, điều gì là do tự chúng con”.

- Nếu chọn bản văn trong phụng vụ thánh lễ hằng ngày để đọc và suy niệm, có thể dùng câu tung hô trước bài Tin Mừng (Hallêluia. Hallêluia) của ngày hôm đó làm lời cầu nguyện.

1. Giai đoạn đọc (quan sát)

Sau khi cầu nguyện giây lát, đọc bản văn Kinh Thánh mình đã chọn. Đọc chậm và đọc lớn tiếng tùy có thể. Việc đọc lớn tiếng đáng giá vì nó giúp khám phá ra bản văn khác.

Rồi để cho mình được điều mình đọc lời cuốn đi, không dừng lại ở những khó khăn. Đọc cho hết mà không nêu lên câu hỏi nào.

Đọc lại bản văn một lần thứ hai.

Rồi thử trả lời những câu hỏi dưới đây. Vấn đề không phải là tìm “câu trả lời hay”. Các câu hỏi đơn giản nhằm mục đích lôi kéo sự chú ý vào chính bản văn. Có thể giới hạn ở một hai câu hỏi cũng được.

- Điều nào là chính yếu cần giữ lại trong bài mình vừa đọc? Những từ nào? Những kiểu nói nào?...

- Các bản văn này do những người tin viết ra. Vậy những khía cạnh nào trong đức tin của họ có thể được diễn tả trong các bản văn này?

- Nếu đó là bản văn Cựu Ước, thì Đức Giê-su có thể đã cầu nguyện khi đọc bản văn này như thế nào?

- Nếu đó là bản văn Tân Ước thì bản văn này đã được viết ra sau Phục sinh để diễn tả lòng tin vào Chúa Giê-su như thế nào?

2. Giai đoạn suy niệm

Trong lúc suy niệm, ta xem điều mình vừa khám phá ra có thể chất vấn hoặc soi sáng đức tin như thế nào.

- Có những từ, những hình ảnh, những nhân vật của bản văn mà mình gặp thấy mình trong đó hay không? Bản văn này có liên hệ với những xác tín quan trọng của đức tin Ki-tô giáo hay không? Ở điểm nào?

- Hành trình đức tin của những người viết lên bản văn này có liên hệ với hành trình đức tin của ta ngày hôm nay hay không?

3. Giai đoạn chiêm niệm

Trong việc cầu nguyện chiêm niệm này, ta lấy lại những từ, những kiểu nói đã chú ý đặc biệt.

Thử nói với Chúa Giê-su điều mình đã suy niệm liên hệ hoặc khơi lên đức tin nơi mình như thế nào.

Có thể, nếu muốn, giữ cho mình một lời, một hình ảnh, một kiểu nói của bản văn để “suy đi gẫm lại” nhiều lần trong ngày.

Những Thí dụ

Cần theo diễn tiến vừa nêu trên một cách nhẹ nhàng linh động. Mỗi người phải canh tân, sửa đổi, bổ túc cho hợp với cách thực hành của mình. Những ví dụ sau đây không phải là bắt di bắt dịch. Những bản văn này có thể được trình bày cách khác cho những cách đọc và suy niệm khác. Kinh nghiệm tin rất phong phú đến độ có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau.

1. Ôn gọi của ngôn sứ Isaia (Is 6,1-10)

Năm vua Út-di-gia băng hà, tôi thấy Chúa Thượng ngự trên ngai rất cao; tà áo của Người bao phủ Đền Thờ. Phía bên trên Người, có các thần Xê-ra-phim đứng chầu, mỗi vị có sáu cánh: hai cánh để che mặt, hai cánh để che chân và hai cánh để bay. Các vị ấy đối đáp tung hô: “Thánh ! Thánh ! Chí Thánh ! Đức Chúa các đạo binh là Đấng Thánh ! Cả mặt đất rạng ngời vinh quang Chúa !

Tiếng tung hô đó làm cho các trụ cửa rung chuyển; khắp Đền Thờ toả khói mịt mù. Bấy giờ, tôi thốt lên: “Khốn thân tôi, tôi chết mất ! Vì tôi là một người môi miệng ô uế, tôi ở giữa một dân môi miệng ô uế, thế mà mắt tôi đã thấy Đức Vua là Đức Chúa các đạo binh !”

Một trong các thần Xê-ra-phim bay về phía tôi, tay cầm một hòn than hồng người đã dùng cặp mà gấp từ trên bàn thờ. Người đưa hòn than ấy chạm vào miệng tôi và nói: “Đây, cái này đã chạm đến môi ngươi, ngươi đã được tha lỗi và xá tội”. Bấy giờ, tôi nghe tiếng Chúa Thượng phán: “Ta sẽ sai ai đây? Ai sẽ đi cho chúng ta?” Tôi thưa: “Dạ, con đây, xin sai con đi”. Chúa phán: “Hãy đi nói với dân này rằng: Cứ nghe cho rõ, nhưng đừng hiểu, cứ nhìn thật kỹ, nhưng đừng nhận ra. Hãy làm cho lòng dân này ra đàn độn, cho tai nó điếc, cho mắt nó mù; kéo mắt nó thấy, tai nó nghe và lòng nó hiểu, mà nó trở lại và được chữa lành”.

Chuẩn bị

Cầu xin Chúa Thánh Thần:

“Lạy Thần Khí của Thiên Chúa, xin giúp chúng con khám phá trong bản văn Kinh Thánh này chứng từ đức tin mà ngôn sứ I-sai-a muốn truyền đạt cho các thánh giá của ông”.

Đọc (Quan sát)

Đọc thông thả và lớn tiếng bản văn Is 6,1-8. Đọc lại một lần nữa. Rồi ghi nhận những yếu tố trong bản văn đáng chú ý đặc biệt:

- “Đức Chúa”

Vị ngôn sứ ở trong Đền Thờ. Đức Chúa ngự trên ngai như một Đức Vua. Ngôn sứ I-sai-a chỉ thấy tà áo của Người, kiêu diễm tả có ý nói rằng con người không thể thấy Thiên Chúa hết được.

- “các thần Xê-ra-phin”

Các thần này là ai? Họ che mặt, che chân để tỏ thái độ trọng kính. Họ ca tụng “sự thánh thiện” của Thiên Chúa vũ hoàn. Họ theo lệnh của Thiên Chúa. Họ qui tụ thành triều đình thiên quốc.

- “vinh quang”

Cũng giống như các tà áo che phủ Đền Thờ, “vinh quang” này bao phủ toàn cõi địa cầu.

- “khói”

Bây giờ tối tăm (khói) bao phủ Đền Thờ. Sau ánh quang rạng rỡ, bây giờ là tối tăm. Một cách nói vừa có nghĩa là Thiên Chúa gần nhưng cũng xa.

- “khôn thân tôi !”

Vị ngôn sứ không thuộc về thế giới của Thiên Chúa, vì thế ông không thanh sạch, mà dân cũng thế. Vọng lại tiếng ca của các Xê-ra-phin, ngôn sứ I-sai-a nhìn nhận Thiên Chúa là Vua hoàn vũ. Ngôn sứ ô uế: ông không thuộc về thế giới “thánh” của Thiên Chúa.

- “một hòn than hồng”

Cử chỉ này nhằm thanh tẩy môi miệng của vị ngôn sứ. Vị ngôn sứ sẽ có thể trở thành phát ngôn viên của Thiên Chúa.

- “Ta sẽ sai ai đây?”

Bây giờ, tiếng của Đức Chúa can thiệp vào. Tất cả thị kiến trước đó chỉ là chuẩn bị cho lời này. Thiên Chúa đang tìm một sứ giả. Vị ngôn sứ thưa: “Dạ, con đây”.

- Phần cuối của bản văn lạ. Tại sao ngôn sứ I-sai-a lại phải làm cho lòng dân “ra chai đá”?

Suy niệm

Ngôn sứ I-sai-a được cảm nghiệm sự thánh thiện của Thiên Chúa. Ông biết mình được Đức Chúa sai đến giữa dân của Người. Ông liên đới với dân. Thiên Chúa đã thanh tẩy môi miệng ông. Nhờ đó, ông có thể nói nhân danh chính Thiên Chúa. Kinh nghiệm về lòng tin vào Thiên Chúa chí thánh này soi sáng cả cuộc đời của ông. Thiên Chúa là Đấng hoàn toàn khác: ta không thấy Người được. Nhưng đồng thời, Người cũng là Đấng Thiên Chúa gần gũi, bởi vì Người muốn chia sẻ với dân của Người khi Người sai các sứ giả đến với dân. Ngôn sứ I-sai-a ý thức rõ mình đã được Thiên Chúa gọi để làm phát ngôn nhân của Người.

Thiên Chúa trao cho ngôn sứ I-sai-a nhiệm vụ làm cho lòng của dân ra nặng nề, chai đá để họ không hỏi cải và không được chữa lành. Thực ra, ngôn sứ đã thuật lại ơn gọi của mình dưới hình thức thi ca nhằm bắt các thánh giả phải phản ứng, khiến cho họ đo lường sự xa cách giữa họ với Thiên Chúa, và để cho họ hỏi cải ăn năn mà được chữa lành.

Trong bài thơ này, ta gặp lại những xác tín Kinh Thánh lớn: Thiên Chúa vẫn là Thiên Chúa, Người vượt xa chúng ta vô cùng, nhưng đồng thời Người lại trở nên gần gũi. Người tự mình liên kết với một dân, Người lập giao ước với dân ấy. Vị ngôn sứ cuối cùng của Người, Ngôi Lời của Người, chính là Đức Giê-su, Con của Người. Chúng ta có hình ảnh nào về Thiên Chúa? Câu chuyện này có thể giúp chúng ta làm sống lại bài ca “Thánh ! Thánh ! Thánh !” phụng vụ Thánh lễ mỗi ngày đều vang lên.

Chiêm niệm

“Lạy Chúa là Thiên Chúa, Ngài là Đấng hoàn toàn khác, là Đấng ba lần thánh như vị ngôn sứ đã tung hô. Tự sức của chúng con, chúng con không thể nhận biết Ngài. Trước nhan Ngài, chúng con chỉ là thân cát bụi. Nhưng Ngài đã cho chúng con được nhận biết Ngài. Vũ trụ cho chúng con hình ảnh của vinh quang Ngài. Ngài gắn bó với một dân để dân ấy làm cho toàn thể giới được nhận biết Ngài. Ngài còn đích thân đến để nói với chúng con. Ngôi Lời đã trở thành xác phàm và đã cư ngụ giữa chúng con. “Thánh ! Thánh ! Thánh ! Đức Chúa, Thiên Chúa vũ trụ là Thánh. Trời đất đầy tràn vinh quang Ngài. Hosanna trên chốn trời cao. Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa, Hosanna trên chốn trời cao”. Xin cho chúng con nên giống như ngôn sứ I-sai-a sẵn sàng mang thông điệp hạnh phúc của Ngài”.

2. Chữa lành ông Na-a-man người Xy-ri-a (2 V 5,1-17)

Ông Na-a-man, tướng chỉ huy quân đội của vua A-ram, là người có thần thể và uy tín trước mặt chúa thượng của ông, vì Đức Chúa đã dùng ông mà ban chiến thắng cho A-ram. Nhưng ông lại mắc bệnh phong hủi. Khi những người A-ram đi càn quét, họ đã bắt được một cô bé từ đất Ít-ra-en đưa về. Nó giúp việc cho vợ ông Na-a-man. Nó nói với bà chủ: “Ôi, phải chi ông chủ con được giáp mặt vị ngôn sứ ở Sa-ma-ri, thì chắc ngôn sứ sẽ chữa ông khỏi bệnh phong hủi !” Ông Na-a-man đến tường trình với chúa thượng của ông: “Một thiếu nữ xuất thân từ đất Ít-ra-en đã nói thế này thế này.” Vua A-ram bảo: “Ngươi cứ lên đường và trở đi. Ta sẽ gửi thư cho vua Ít-ra-en.” Ông Na-a-man lên đường, mang theo ba trăm ký bạc, sáu mươi ký vàng và mười bộ quần áo để thay đổi. Ông trình thư lên vua Ít-ra-en. Thư viết : “Cùng với bức thư mà tôi gửi tới ngài đây, tôi sai Na-a-man, thuộc hạ của tôi, đến với ngài, để ngài chữa người này khỏi bệnh phong hủi.” Vua Ít-ra-en đọc thư xong thì xé áo mình ra và nói: “Ta đâu có phải là vị thần cầm quyền sinh tử, mà ông ấy lại sai người này đến nhờ ta chữa hẳn khỏi bệnh phong hủi? Các ngươi phải biết, phải thấy rằng ông ấy muốn sinh sự với ta.”

Vậy, khi ông Ê-li-sa người của Thiên Chúa, nghe biết là vua Ít-ra-en đã xé áo mình ra, thì sai người đến nói với vua: “Sao vua lại xé áo mình ra? Người ấy cứ đến với tôi, thì sẽ biết là có một ngôn sứ ở Ít-ra-en.” Ông Na-a-man đi đến cùng với cả xe và ngựa. Ông đứng trước cửa nhà ông Ê-li-sa. Ông Ê-li-sa sai sứ giả ra nói với ông: “Ông hãy đi tắm bảy lần trong sông Gio-đan. Da thịt ông sẽ trở lại như trước, và ông sẽ được sạch.” Ông Na-a-man nổi giận bỏ đi và nói: “Ta cứ nghĩ bụng là thế nào ông ấy cũng đích thân đi ra, rồi đứng mà cầu khẩn danh Đức Chúa, Thiên Chúa của ông ta. Ông ta sẽ quơ tay lên đúng chỗ phong hủi mà chữa khỏi. Nước các sông A-va-na và Pác-pa ở Đa-mát chẳng tốt hơn tất cả nước sông ở Ít-ra-en sao? Ta lại không thể tắm ở các sông ấy để được sạch hay sao?” Ông quay lưng lại và tức tốc ra đi. Bấy giờ, các tôi tớ của ông đến gần và nói: “Cha ơi, giả như ngôn sứ bảo cha làm một điều gì khó, chẳng lẽ cha lại không làm? Phương chi ngôn sứ chỉ nói “ Ông hãy đi tắm, thì sẽ được sạch !” Vậy ông xuống mình bảy lần trong sông Gio-đan, theo lời người của Thiên Chúa. Da thịt ông lại trở nên như da thịt một trẻ nhỏ. Ông đã được sạch.

Cùng với đoàn tùy tùng, ông trở lại gặp người của Thiên Chúa. Ông vào, đứng trước mặt ông ấy và nói: “Nay tôi biết rằng: trên khắp mặt đất, không đâu có Thiên Chúa, ngoại trừ ở Ít-ra-en. Bấy giờ, xin ngài vui lòng nhận món quà của tôi tớ ngài đây.” Ông Ê-li-sa nói: “Có Đức Chúa hằng sống là Đấng tôi phụng sự, tôi thế sẽ không nhận gì cả.” Ông Na-a-man nài ép ông nhận, nhưng ông vẫn từ chối.” Ông Na-a-man nói: “Nếu ngài từ chối, thì xin cho phép tôi tớ ngài đây mang về một số đất vừa sức hai con lừa chở được, vì tôi tớ ngài sẽ không còn dâng lễ toàn thiêu và hy lễ cho thần nào khác ngoài Đức Chúa.”

Đọc đi đọc lại câu chuyện trên. Trong khi đọc, cần để ý xem có những nhân vật nào. Các tôi tớ có một vai trò và giúp cho câu chuyện tiến triển. Cần để ý là bản văn so sánh các đất đai xứ sở với các con sông. Câu chuyện này là thánh. Không phải chỉ nhằm kể lại chuyện tướng Na-a-man được chữa

lành bệnh, nhưng để nói một điều gì đó về Thiên Chúa, về lòng tin của những người đã viết nên câu chuyện này.

Đọc (Quan sát)

Trình thuật trong sách Các Vua quyển 2 này thuật lại một câu chuyện được chữa lành bệnh. Nhờ sự can thiệp và nhờ các chỉ dẫn của ngôn sứ Ê-li-sa, đại tướng quân đội Xy-ri-a được sạch bệnh phung hủi.

Để ý kỹ bản văn hơn, ta thấy bản văn còn nói nhiều hơn nữa. Việc chữa lành giúp cho ông Na-a-man nhận biết Thiên Chúa của Ít-ra-en. Cho tới lúc tướng Na-a-man đến Ít-ra-en, ông không biết Đức Chúa là Đấng nào. Chỉ sau khi được sạch, ông mới có thể công bố lời tuyên xưng đức tin này: “Nay tôi biết rằng: trên khắp mặt đất không đâu có Thiên Chúa, ngoại trừ ở Ít-ra-en”. Hơn hẳn một việc được lành bệnh, đó là việc một người ngoại quốc trở về với Thiên Chúa.

Suy niệm

Câu chuyện ông Na-a-man được chữa lành trở thành một chứng từ đức tin về Thiên Chúa. Câu chuyện này được dùng để nói lại xác tín này của những người tin trong Kinh Thánh: trên toàn cõi đất, chỉ có một Thiên Chúa và đó là Thiên Chúa của Ít-ra-en.

Người ngoại quốc cần phải đến Ít-ra-en và dầm mình trong dòng sông Gio-đan. Nói cách khác, việc nhận biết Thiên Chúa độc nhất, Thiên Chúa của vũ hoàn, được thực hiện qua trung gian của Ít-ra-en. Theo nghĩa đó, toàn thể Ít-ra-en là ngôn sứ. Ít-ra-en là một dân tộc nhỏ bé, thế nhưng chính nhờ dân tộc ấy những người ngoại quốc có thể học để nhìn nhận và tuyên xưng Thiên Chúa. Đối diện với các dân tộc khác, Ít-ra-en ví được với cô gái tù nhân bé bỏng nắm giữ bí mật của việc chữa lành ông chủ cao sang và quyền thế của cô. Thiên Chúa tỏ mình cho dân tộc Ít-ra-en nhỏ bé từ nay trở đi có trách nhiệm làm cho người người trên toàn thế giới biết điều ấy. Thái độ kháng cự của vua Ít-ra-en cho thấy là dân này thường hay quên nhiệm vụ Thiên Chúa đã trao phó cho mình.

Chiêm niệm

Bản văn chúng ta vừa đọc và suy niệm, theo các sách Tin Mừng, đã khởi hứng cho thái độ của Đức Giê-su (x. Lc 4,27). Bản văn này cũng nuôi dưỡng lời cầu nguyện của chúng ta.

“Xin chúc tụng Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con. Ngài là Đấng hoàn toàn khác. Ngài là Đấng người ta không thể tưởng tượng được. Ngài đã muốn trở nên gần gũi mỗi người trong chúng con. Ngài đã nói qua các ngôn sứ. Ngài nhắc cho chúng con nhớ rằng không có ai là xa lạ trước nhan Ngài. Ngài đã nói qua vị ngôn sứ của Ngài là Đức Giê-su, Đấng đã đến cho hết thảy chúng con. Xin cho chúng con khiêm tốn đón nhận lời của Người”.

3. Thánh vịnh 1

Thánh vịnh 1 ngắn. Vị trí ở đầu tập sách Thánh vịnh cho thấy Thánh vịnh này có tầm mức quan trọng đặc biệt. Thánh vịnh này tạo đường nét cho toàn thể lời cầu nguyện của các Thánh vịnh.

Đọc (Quan sát)

Phúc thay người chẳng nghe theo lời bợn ác nhân,
Chẳng bước vào đường quân tội lỗi,

Không nhập bọn với phường ngạo mạn kiêu căng.
Nhưng vui thú với lề luật Chúa,
Nhằm đi nhằm lại suốt đêm ngày.

Người ấy tựa cây trồng bên dòng nước,
Cứ đúng mùa là hoa quả trở sinh,
Cành lá chẳng khi nào tàn tạ.
Người như thế làm chi cũng sẽ thành.

Ác nhân đâu được vậy,
Chúng khác nào vỏ trấu gió thổi bay.
Nên ngày xử án, bọn ác nhân làm sao đứng vững,
Quân tội lỗi đâu được hợp đoàn với chính nhân !

Vì Chúa hằng che chở
Nẻo đường người công chính,
Còn đường lối ác nhân
Đưa tới chỗ diệt vong.

Hai con đường mở ra trước mặt người đến cầu nguyện: con đường của những người công chính và con đường của những kẻ tội lỗi. Thực ra, muốn được “hạnh phúc”, muốn vươn thẳng lên như cây đang lớn mạnh và sinh hoa kết quả, chỉ có thể có một con đường, đó là con đường của những người công chính. Những kẻ gian ác chỉ là vỏ trấu khô cuốn theo chiều gió. Sức mạnh và sự sống ấy có được là do Lề Luật của Chúa mà người công chính dùng để nuôi dưỡng mình “ngày đêm”.

Suy gẫm

Người đã viết nên lời kinh nguyện này và tất cả những ai qua dòng thời gian đọc lời cầu nguyện này đều nói lên điều làm cho mình sống. Đối với họ, chỉ có một con đường đưa đến sự sống và hạnh phúc, đó là trung thành với Đức Chúa là Thiên Chúa, với Lề Luật của Người. Điều ấy đúng đối với dân của Thiên Chúa, với bất cứ cộng đoàn nào, với mỗi một người tín hữu.

Toàn thể các Thánh vịnh ghi dấu ấn bằng sự đối chọi lớn giữa những người công chính và những kẻ gian ác. Các Thánh vịnh vang dội tiếng kêu của những người có cảm tưởng là những kẻ gian ác bao giờ cũng được phần hơn và Thiên Chúa ra như cứ án binh bất động chẳng làm gì để cho tình trạng thay đổi. Phải chăng Thiên Chúa chấp nhận những hoàn cảnh nghèo khó, bất công và chiến tranh? Thánh vịnh đầu tiên trong bộ Thánh vịnh nhắc lại xác tín trọng tâm của Kinh Thánh: Thiên Chúa là một vị Thiên Chúa cứu thoát và giải phóng. Những kẻ gian ác sẽ bị quét sạch. Những người tin cứ vững lòng và cứ tiếp tục để cho mình được Lề Luật của Chúa dẫn dắt. Mọi tiếng kêu trong các Thánh vịnh đều hoà theo Thánh vịnh thứ nhất này.

Chiêm niệm

Với quan sát và suy niệm như trên, ta có thể lấy Thánh vịnh này để diễn tả tiếng kêu của riêng chúng ta, để làm lời cầu nguyện của riêng chúng ta. Có thể dùng Thánh vịnh này liên tiếp nhiều ngày cũng chẳng thừa.

“Lạy Thiên Chúa là Cha của chúng con, xin làm cho chúng con vui thú trong Tin Mừng của Đức Giê-su, Con của Chúa. Người đã chọn con đường của những người công chính. Người đã vui thích thực hiện thánh ý Cha. Đang lúc cuộc đời của Người có thể ra như thất bại vì cái chết khổ nhục trên thánh

giá, Ngài đã làm cho Người chỗi dậy từ cõi chết. Người lôi kéo chúng con theo Người trên con đường sự sống dẫn chúng con đến với Cha”.

4. Con trai bà goá Na-in được sống lại (Lc 7,11-17)

Sau đó, Đức Giê-su đi đến thành kia gọi là Na-in, có các môn đệ và một đám rất đông cùng đi với Người. Khi Đức Giê-su đến gần cửa thành, thì kìa người ta khiêng một người chết đi chôn, người này là con trai duy nhất, và mẹ anh ta lại là một bà goá. Có một đám đông trong thành cùng đi với bà. Trông thấy bà, Chúa chạnh lòng thương và nói: “Bà đừng khóc nữa !” Rồi Người lại gần, sờ vào quan tài. Các người khiêng dừng lại. Đức Giê-su nói: “Này người thanh niên, tôi bảo anh: hãy chỗi dậy !” Người chết liền ngồi lên và bắt đầu nói. Đức Giê-su trao anh ta cho bà mẹ. Mọi người đều kinh sợ và tôn vinh Thiên Chúa rằng: “Một vị ngôn sứ vĩ đại đã xuất hiện giữa chúng ta, và Thiên Chúa đã viếng thăm dân Người”. Lời này được đồn ra trong khắp cả miền Giu-đê và vùng lân cận.

Chuẩn bị

Cầu xin Chúa Thánh Thần

“Lạy Chúa, xin ban Thánh Thần của Ngài cho chúng con, để Người soi sáng lòng trí chúng con, giúp chúng con hiểu rõ hơn và sống quyết liệt hơn Tin Mừng của Chúa”.

Đọc (Quan sát)

- Hai đám đông gặp nhau ở cửa thành Na-in: đám đông đi theo Đức Giê-su và các môn đệ của Người và đám đông đang đưa đám tang con trai độc nhất của người mẹ goá. Cuối cảnh này, hai đám đông hoà lẫn với nhau để tôn vinh Thiên Chúa và để nhìn nhận Đức Giê-su là vị ngôn sứ cao cả.

- Bản văn của thánh Lu-ca tập trung chú ý nhiều nhất vào Đức Giê-su. Chính Người đi tới Na-in. Chính Người khi nhìn thấy người mẹ đang đau khổ này thì động lòng thương xót. Chính nhờ lời của Người mà người thanh niên được sống lại. Chính Người trao anh thanh niên lại cho mẹ của anh. Chính Người được hai đám đông kết hợp lại nhìn nhận là vị ngôn sứ cao cả. Qua việc Người làm, chính Thiên Chúa đến viếng thăm dân của Người. Người được tuyên xưng là “Chúa”.

- Lời của hai đám đông hợp nhau lại loan ra và vang tới “khắp cả miền Giu-đê và vùng lân cận”.

- “Sự kinh sợ xâm chiếm mọi người” như sự kinh sợ xâm chiếm các ngôn sứ hay dân của Kinh Thánh vào lúc Thiên Chúa ra tay can thiệp.

Suy niệm

Thế giới của người đàn bà này là thế giới của sự chết, vì bà goá và bà lại vừa mất đi đứa con trai. Thế giới của Đức Giê-su là thế giới của sự sống, một thế giới trong đó không còn nước mắt, không còn chết chóc nữa. Đó là thế giới của Đức Chúa, của Đấng phục sinh đã chiến thắng tử thần và ban tặng sự sống.

Người thanh niên bắt đầu nói: thế là rõ ràng anh sống rồi. Còn các đám đông lúc khởi đầu thỉnh lặng, giờ lại bắt đầu nói. Thế là các đám đông đã khám phá ra căn tính đích thực của Đức Giê-su. Khung cảnh giới hạn cửa thành Na-in không đủ và điều các đám đông nói về Đức Giê-su sẽ phải vang ra “khắp cả miền Giu-đê và vùng lân cận”. Đây như thể điệp khúc của lễ Ngũ Tuần, ngày mà Tin Mừng cuộc phục sinh của Đức Giê-su được vang ra khắp nơi, nhờ các môn đệ.

Các đám đông công bố một Tin Mừng: Thiên Chúa đã viếng thăm dân của Người và Đức Giê-su là một vị ngôn sứ cao cả. Như thế, bản văn của thánh Lu-ca truyền đạt cho chúng ta một giáo huấn về Đức Giê-su. Người là Chúa, là vị ngôn sứ dân vẫn mong chờ. Nhờ Người, Thiên Chúa viếng thăm dân của Người. Người ban sự sống. Niềm tin phục sinh đang lấp lánh ở đây.

Ông Ê-li-a, vị ngôn sứ người ta mong chờ sẽ tới khi thời gian đến lúc cùng tận, cũng đã phục sinh con trai một người đàn bà góa. Thế thì chẳng lẽ Đức Giê-su lại không phải là một Ê-li-a mới? Cùng với Người, thời đại mới đang mở ra.

Chiêm niệm

“Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa chúng ta, Người viếng thăm dân Người và ban lại cho dân Người sự sống” (Lc 7,16; Thánh ca Benedictus). “Chúng con xin tôn vinh Ngài, lạy Thiên Chúa là Cha của chúng con, vì Đức Giê-su, Con chí ái của Ngài. Người là vị ngôn sứ Ngài đã phái đến để chúng con được nhận biết Ngài”.

Lạy Chúa Giê-su, Ngài là Trưởng Tử, người đầu tiên chỗi dậy từ trong các kẻ chết. Ngài là Đấng đang sống và Ngài thông truyền sự sống của Ngài cho chúng con. Chính qua cái chết mà Ngài ban cho chúng con sự sống này.

Lạy Thánh Thần của ngày Hiện Xuống, ước gì sự thinh lặng của chúng con biến thành lời công bố tin Mừng của Đức Giê-su cho hết thảy mọi người”.

5. Người Sa-ma-ri nhân hậu (Lc 10,25-37)

Bấy giờ, có người thông luật kia đứng lên hỏi Đức Giê-su để thử Người rằng: “Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?” Người đáp: “Trong Luật đã viết gì? Ông đọc thế nào?” Ông ấy thưa: “Người hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn người, và người thân cận như chính mình.” Đức Giê-su bảo ông ta: “Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống”.

Nhưng ông ấy muốn chứng tỏ là mình có lý, nên mới thưa cùng Đức Giê-su rằng: “Nhưng ai là người thân cận của tôi?” Đức Giê-su đáp: “Một người kia từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-khô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua bên kia mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lê-vi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi. Nhưng một người Sa-ma-ri kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc. Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói: “Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác.” Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận của người đã bị rơi vào tay kẻ cướp?” Người thông luật trả lời: “Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót đối với người ấy.” Đức Giê-su bảo ông ta: “Ông hãy đi và làm như vậy.”

Chuẩn bị

“Lạy Thần Khí của Thiên Chúa, xin ban cho chúng con tâm hồn biết lắng nghe, để chúng con sẵn sàng đón nhận Lời”.

Đọc (Quan sát)

Dụ ngôn người Sa-ma-ri nhân hậu chỉ có ở trong sách Tin Mừng theo thánh Lu-ca. Nhưng dụ ngôn này lại được xen vào trong cuộc đối thoại giữa Đức Giê-su với một người tiến sĩ luật. Trong thánh Lu-ca, dụ ngôn là một câu trả lời cho câu hỏi: “Tôi phải làm gì?”

Đoạn văn gồm hai mẫu đối thoại dựa theo cùng một khuôn mẫu:

- Một câu hỏi của nhà thông luật: “Tôi phải làm gì?” / “Ai là người thân cận của tôi?”
 - Đức Giê-su trả lời bằng một câu hỏi khác: “Trong Lê Luật, ông đọc thế nào?” / “Người nào là người thân cận của tôi?” Dụ ngôn đưa vào câu hỏi thứ hai của Đức Giê-su.
 - Một câu trả lời của nhà thông luật.
 - Lời khuyên của Đức Giê-su mời dẫn thân hành động: “Cứ làm như vậy” / “Hãy làm như vậy”.
- Trong dụ ngôn, thầy tư tế và thầy Lê-vi tượng trưng cho việc phụng tự. Hai thầy thấy nhưng không ra tay làm gì cả. Còn người Sa-ma-ri thấy và dẫn thân hành động.

Suy gẫm

Trọng tâm của Lê Luật là lòng yêu mến kếp. Lòng yêu mến Thiên Chúa không tách ra khỏi lòng yêu thương người thân cận được. Lòng yêu mến Thiên Chúa đòi hỏi dẫn thân. Lòng yêu mến Thiên Chúa không biên giới: “hết lòng...”. Lòng yêu thương người thân cận, theo gương của người Sa-ma-ri, cũng đi xa bao nhiêu có thể được. Người gần gũi những người anh em của mình và gần gũi Thiên Chúa là người “thực thi lòng nhân hậu” đối với những người chẳng còn biết cậy vào cái gì, không còn biết trông nhờ ai nữa.

Dụ ngôn này giúp hiểu rõ lời của ngôn sứ Hô-sê: “Ta muốn lòng thương xót chứ không phải hy lễ”. Sự phụng thờ chân thật là sự phụng thờ do những người làm cho mình trở thành gần gũi những người anh em của mình (ở đây người đó là người Sa-ma-ri hơn là thầy tư tế và thầy Lê-vi).

Chiêm niệm

“Lạy Cha, lời cầu nguyện chân thực Ngài chờ đợi nơi chúng con là làm cho chúng con gần gũi nhau và đối xử với nhau như là những người anh em. “Ai nói mình yêu mến Thiên Chúa mà lại không yêu thương người anh em của mình, thì người ấy là kẻ nói dối:

Ngài không chỉ bằng lòng với việc Ngài gần gũi chúng con. Nơi Đức Giê-su, Con của Ngài, Ngài trở thành một người trong chúng con. Đức Giê-su đã hy sinh mạng sống vì chúng con. “Không có tình yêu nào cao cả hơn là thí mạng sống vì những người mình yêu”.

6. Truyền tin cho ông Da-ca-ri-a và truyền tin cho Đức Ma-ri-a (Lc 1,5-45)

“Thời vua Hê-rô-đê cai trị miền Giu-đê, có một vị tư tế thuộc nhóm A-vi-a, tên là Da-ca-ri-a. Vợ ông là bà Ê-li-sa-bét cũng thuộc dòng tộc tư tế A-ha-ron. Cả hai ông bà đều là người công chính trước mặt Thiên Chúa, sống đúng theo mọi điều răn và mệnh lệnh của Chúa, không ai chê trách được điều gì. Nhưng họ lại không có con, vì bà Ê-li-sa-bét là người hiếm hoi. Và lại, cả hai đều đã cao niên.

Chuyện xảy ra trong lúc ông đang lo việc tế tự trước nhan Thiên Chúa khi đến phiên của nhóm ông. Trong cuộc bắt thăm thường lệ của hàng tư tế, ông đã trúng thăm được vào dâng hương trong Đền Thờ của Đức Chúa, còn toàn dân đồng đảo thì cầu nguyện ở bên ngoài, trong giờ dâng hương.

Vậy một sứ thần của Chúa hiện ra với ông, đứng bên phải hương án. Thấy vậy, ông Da-ca-ri-a bối rối, và nỗi sợ hãi ập xuống trên ông. Nhưng sứ thần bảo ông: “Này ông Da-ca-ri-a, đừng sợ, vì Thiên Chúa đã nhận lời ông cầu xin: bà Ê-li-sa-bét vợ ông sẽ sinh cho ông một đứa con trai, và ông phải đặt tên cho con là Gio-an. Ông sẽ được vui mừng hơn hờ, và nhiều người cũng được hỷ hoan ngày con trẻ chào đời. Vì em bé sẽ nên cao cả trước mặt Chúa. Rượu lạt rượu nồng em sẽ đều không uống. Và ngay khi còn trong lòng mẹ, em đã đầy Thánh Thần. Em sẽ đưa nhiều con cái Ít-ra-en về với Đức Chúa là Thiên Chúa của họ. Em sẽ đi trước mặt Người, đầy Thần Khí và uy quyền của ngôn sứ Ê-li-a, để làm cho lòng cha ông quay về với con cháu, để làm cho tâm tư kẻ ngỗ nghịch lại hướng về nẻo chính đường ngay và chuẩn bị một dân sẵn sàng đón Chúa. Ông Da-ca-ri-a thưa với sứ thần: “Dựa vào đâu mà tôi biết được điều ấy? Vì tôi đã già và nhà tôi cũng đã lớn tuổi.” Sứ thần đáp: “Tôi là Gáp-ri-en, hằng đứng chầu trước mặt Thiên Chúa, tôi được sai đến nói với ông và loan báo tin mừng ấy cho ông. Và này đây ông sẽ bị câm, không nói được, cho đến ngày các điều ấy xảy ra, bởi vì ông đã không tin lời tôi, là những lời sẽ được ứng nghiệm đúng thời đúng buổi.” Dân chúng đợi ông Da-ca-ri-a, và lấy làm lạ sao ông ở lại trong cung thánh lâu như thế. Lúc đi ra, ông không nói với họ được, và dân chúng biết là ông đã thấy một thị kiến trong cung thánh. Còn ông, ông chỉ biết làm hiệu cho dân và vẫn bị câm.

Khi thời gian phục vụ ở Đền Thờ đã mãn, ông trở về nhà. Ít lâu sau, bà Ê-li-sa-bét vợ ông có thai, bà ẩn mình năm tháng. Bà tự nhủ: “Chúa đã làm cho tôi như thế đó, khi Người thương cất nỗi hổ nhục tôi phải chịu trước mặt người đời.”

Bà Ê-li-sa-bét có thai được sáu tháng, thì Thiên Chúa sai sứ thần Gáp-ri-en đến một thành miền Ga-li-lê, gọi là Na-da-rét, gặp một trinh nữ đã đính hôn với một người tên là Giu-se, thuộc nhà Đa-vít. Trinh nữ ấy tên là Ma-ri-a.

Sứ thần vào nhà trinh nữ và nói: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng. Đức Chúa ở cùng bà.” Nghe lời ấy, bà rất bối rối và tự hỏi lời chào như vậy có nghĩa gì?

Sứ thần nói: “Thưa bà Ma-ri-a, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai và đặt tên là Giê-su. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đa-vít, tổ tiên Người. Người sẽ trị vì nhà Gia-cóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận.”

Bà Ma-ri-a thưa với sứ thần: “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng !”

Sứ thần đáp: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa. Kìa bà Ê-li-sa-bét, người họ hàng với bà, tuy già rồi, mà cũng đang cưu mang một người con trai: bà ấy vẫn bị mang tiếng là hiếm hoi, mà nay đã có thai được sáu tháng. Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.”

Bấy giờ, bà Ma-ri-a nói: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói.” Rồi sứ thần từ biệt ra đi.

Hồi ấy, bà Ma-ri-a lên đường vội vã, đến miền núi, vào một thành thuộc chi tộc Giu-đa. Bà vào nhà ông Da-ca-ri-a và chào hỏi bà Ê-li-sa-bét. Bà Ê-li-sa-bét vừa nghe tiếng bà Ma-ri-a chào, thì đứa con trong bụng nhảy lên, và bà được tràn đầy Thánh Thần, liền kêu lớn tiếng và nói rằng: “Em được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc. Bởi đâu tôi được Thân Mẫu Chúa tôi đến với tôi thế này? Vì này đây, tai tôi vừa nghe tiếng em chào, thì đứa con trong bụng đã nhảy lên vui sướng. Em thật có phúc, vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói với em.”

Đọc (Quan sát)

Trong diễn tiến, hai trình thuật truyền tin cho ông Da-ca-ri-a và cho Đức Ma-ri-a giống nhau. Hai trình thuật cũng có những khác biệt có ý nghĩa riêng:

- Nơi chốn: ông Da-ca-ri-a đón nhận lời loan báo ông Gioan sẽ chào đời đang lúc ông Da-ca-ri-a ở trong Đền Thờ, giữa buổi cử hành phụng vụ ngoại thường / Đức Ma-ri-a thì ở xa Giê-ru-sa-lem, ở Na-da-rét, xứ Ga-li-lê. Thiên sứ đến gặp Đức Mẹ.

- Cha mẹ: ông Da-ca-ri-a và bà Ê-li-sa-bét là “những người công chính”. Ông bà đã già. Lời cầu nguyện của ông bà được Thiên Chúa đoái nhận: Thiên Chúa sắp chữa lành tình trạng hiếm muộn của ông bà. Ông Da-ca-ri-a thi hành một phận sự chính thức và tôn giáo: ông là tư tế. Thiên sứ trách ông đã không tin vào các lời thiên sứ loan báo.

- Đức Ma-ri-a thì chẳng có danh hiệu chẳng có phận sự chính thức nào. Người là một thiếu nữ đã được đính hôn với ông Giu-se. Người chẳng xin gì. Chính Thiên Chúa ra sáng kiến can thiệp vào trong cuộc đời của người và cho người đầy ơn phúc. Việc con trẻ chào đời ở đây không phải là hệ quả của một sự chữa lành ! Thánh Thần sẽ đến trên người. Quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ rọi bóng trên người. Đức Ma-ri-a là nữ tỳ của Chúa. Người là người đã tin.

- Bà Ê-li-sa-bét, mẹ của ông Gio-an, nhìn nhận Đức Ma-ri-a là “thân mẫu của Chúa”.

- Các em bé: nét tương phản giữa hai em bé được làm nổi lên.

Gio-an: em sẽ là cao cả trước mặt Chúa / đầy Thánh Thần (giống như các ngôn sứ) / là một ngôn sứ / sứ mạng của em kéo dài trong một giai đoạn: “chuẩn bị cho Chúa một dân có khả năng đón nhận Người”.

Đức Giê-su: Người là vĩ đại / Con của Đấng Tối Cao / Người sẽ trị vì đến muôn đời / triều đại của Người vô tận / Người là Con Thiên Chúa.

Suy gẫm

Tác giả sách Tin Mừng không chỉ bằng lòng với việc thuật lại thuần túy những kỷ niệm về “em bé Gio-an” hay về “em bé Giê-su”. Ông truyền đạt điều mà các môn đệ đã dần dần khám phá ra trong mầu nhiệm về Chúa của mình. Những người đã theo Đức Giê-su cũng là những người làm chứng về những hành vi thương xót của Người. Lúc Đức Giê-su chết trên thánh giá, họ đã sợ hãi chán nản hầu như bỏ cuộc. Nhưng nhờ được Thánh Thần soi sáng vào sáng ngày Phục sinh, họ đã hiểu rằng người con của Đức Ma-ri-a là Đấng đã được Chúa Cha phái đến, là “Con của Đấng Tối Cao”, là Đấng Mê-si-a người người mong đợi. Đức Giê-su là vua, nhưng vương quốc của Người không thuộc về thế gian này, vì vương quốc ấy vô biên vô tận. Người đã không lên ngự trên ngai vàng ở Giê-ru-sa-lem, nhưng Người đã bước lên thánh giá. Giới chức thẩm quyền, như tư tế Da-ca-ri-a, đã không nhận ra điều ấy. Ngược lại, ở Ga-li-lê, xa Giê-ru-sa-lem, có một người đã tin lời loan báo.

Ông Gio-an Tẩy giả là một ngôn sứ đích thực và các Ki-tô hữu đều nhận là như thế. Ông thuộc về một gia đình tư tế gắn liền với Đền Thờ Giê-ru-sa-lem. Thế nhưng ông không phải là Đấng Mê-si-a. Vào lúc bà Ê-li-sa-bét gặp Đức Ma-ri-a, ông Gio-an “nhảy mừng” trong lòng mẹ. Các Ki-tô hữu đọc giả sách Tin Mừng của thánh Lu-ca hiểu rằng họ không được làm. Họ không được làm môn đệ của ông Gio-an Tẩy giả. Vai trò của ông Gio-an giới hạn ở việc loan báo Đấng lớn hơn ông: đó là Đức Giê-su.

Chiêm niệm

Việc chiêm niệm ở đây được nuôi dưỡng nhờ suy đi gẫm lại các bản văn đã đọc trong hai giai đoạn trước. Chẳng hạn có thể lấy lại các tước hiệu của Đức Giê-su để làm thành những khuôn mẫu đức tin cho mình. Cũng có thể dùng bài thánh ca của Đức Ma-ri-a (Magnificat), hoặc bài thánh ca của ông Đa-ca-ri-a (Benedictus). Có thể nói hai bài thánh ca đó đã từng là thành quả chiêm niệm của tác giả sách Tin Mừng rôi.

“Chúc tụng Đức Chúa là Chúa Tể Ít-ra-en
đã viếng thăm cứu chuộc dân Người.
Từ dòng dõi trung thần Đa-vít,
Người đã cho xuất hiện
Vị cứu tinh quyền thế để giúp ta”.

“Lạy Chúa là Thiên Chúa, Chúa mời gọi chúng con gẫm suy mầu nhiệm của Đức Giê-su là Con của Chúa, và là người Anh của chúng con về đấng nhân loại. Người đã đến không phải chỉ cho những người dân Giê-ru-sa-lem, nhưng còn cho những người dân Ga-li-lê, cho mọi dân mọi nước nữa. Xin giúp chúng con tin như Mẹ Ma-ri-a đã tin”.

Ba, bốn hay tám giai đoạn?

Trong tập nhỏ này chúng tôi trình bày việc “Đọc Sách Thánh” qua ba giai đoạn. Có nhiều người lại thích nói đến bốn giai đoạn:

1. Đọc (hoặc quan sát)
2. Suy niệm
3. Cầu nguyện
4. Chiêm niệm

Việc chiêm ngắm, nếu nói thật sát nghĩa, đòi hỏi sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. Có nghĩa rằng nó hoàn toàn vượt ngoài tầm chúng ta. Do vậy, để giản tiện, ở đây chúng tôi chọn đề cập tới hoạt động của người đọc: quan sát, suy niệm và cầu nguyện.

Từ “chiêm ngắm” vẫn được giữ lại, bởi vì trong nghĩa thường dùng từ này thêm vào việc cầu nguyện một khía cạnh có tính cách nhưng không hơn (thuộc về chiêm niệm). Nhưng từ “chiêm niệm”, trong tập sách này, không hoàn toàn chỉ nói đến hoạt động thuộc riêng của Chúa như ý nghĩa tiên khởi của hạn từ này.

Cầu nguyện khởi đi từ Kinh Thánh đã là truyền thống từ lâu đời; ngày nay người ta tái khám phá tầm quan trọng của nó để nuôi dưỡng và nâng đỡ đức tin kitô hữu. Để cầu nguyện từ một bản văn, trước hết cần phải biết bản văn, do vậy giai đoạn quan sát là quan trọng cũng như giai đoạn suy tư hay suy niệm. Chúa can thiệp vào một cách bí nhiệm theo cách riêng của Người, khi Người muốn và nơi nào Người muốn, và chúng ta không thể điều động Người theo ý chúng ta!

Thánh Ignatiô de Loyola thêm vào mấy giai đoạn nữa:

- An ủi: niềm vui cầu nguyện, cảm nhận thân mật với Chúa, và về điều nhắc nhớ đến Chúa Kitô. Ôn ban này thường được trong bầu khí đọc Sách Thánh, và cho dù chắc chắn Chúa Thánh Thần luôn tự do hoạt động khi Người muốn.

- Discretio hay phân định: khả năng phân định điều gì có tính cách Tin Mừng hơn, điều gì là tốt hơn cho cộng đoàn, cho thế giới.
- Sự biện giải: đó là quyết định theo ý Chúa xét từ giai đoạn trước, giai đoạn phân định;
- Hành động: Kết quả chín mùi của tất cả diễn tiến ở trên. Chúng ta đọc và suy niệm Kinh Thánh để có được những quyết định đúng đắn mà sức mạnh của Chúa Thánh Thần sẽ giúp chúng ta đưa ra thực hành.

“Hiện diện trong truyền thống của Giáo Hội từ thuở xa xưa nhất, Lectio divina hay “Đọc Sách Thánh” là một trải nghiệm thiêng liêng xét về mặt thần học là vững bền và chắc chắn nhất, mọi người đều có thể thực hành và nhờ đó đức tin của họ được chín mùi cách hữu hiệu nhất”

*“Kinh Thánh trong đời sống Giáo Hội”
Ủy ban giáo lý thuộc Hội Đồng các giám mục Ý*

Nhân dịp kỷ niệm hai thông điệp lớn về Kinh Thánh (100 năm và 50 năm: Thông điệp “Providentissimus Deus” của ĐTC Lêô XII và thông điệp “Divino afflante Spiritu” của ĐTC Piô XII), năm 1993 Ủy Ban Giáo Hoàng về Kinh Thánh đã xuất bản một tài liệu quan trọng về “Việc giải thích Kinh Thánh trong Giáo Hội”. Ủy ban này nhận thức tầm quan trọng của Lectio divina:

“Lectio divina là việc cá nhân hay cộng đoàn đọc một bản văn Kinh Thánh, dài hay ngắn, tiếp nhận như là Lời Chúa và khai triển dưới tác động của Thánh Linh trong suy niệm, cầu nguyện và chiêm ngắm.

Thường xuyên hoặc mỗi ngày đọc Kinh Thánh đáp ứng với cách thực hành cổ xưa trong Hội Thánh... Việc thực hành Lectio divina dưới hai hình thức, cá nhân và cộng đoàn, đã trở lại thời sự. Mục đích muốn đạt được đó là khơi động và nuôi dưỡng “một tình yêu thiết thực và bền vững” đối với Kinh Thánh, nguồn của đời sống nội tâm và đem lại hiệu quả cho việc tông đồ, giúp hiểu tốt hơn về phụng vụ và bảo đảm cho Kinh Thánh có một chỗ quan trọng trong việc học thần học và cầu nguyện... Cầu nguyện phải song hành với việc đọc Kinh Thánh, bởi vì cầu nguyện là đáp lại Lời Chúa được gặp thấy trong Kinh Thánh dưới sự linh hứng của Thánh Linh...”

CHƯƠNG IV

GIẢI ĐOẠN ĐỌC HOẶC QUAN SÁT

Khi đọc Sách thánh để tìm lương thực thiêng liêng, cảm dỗ lớn nhất thường gặp phải là làm sao cho giai đoạn thứ nhất này càng mau xong càng tốt, tức là đọc vội vàng, đọc lướt qua bản văn, là đốt giai đoạn vì cho rằng mình đã quá quen bản văn, để bước sang phần suy niệm và chiêm niệm càng nhanh càng tốt. Thế nhưng muốn cho suy niệm và chiêm niệm phong phú, nỗ lực phần lớn hệ tại đã đọc, đã quan sát chính bản văn một cách kỹ lưỡng, cẩn thận, chăm chú. Các bản văn Sách thánh không phải là những đường bay, và thực hiện việc đọc cũng không giống như tàu bay càng rời đường bay sớm thì càng hiện đại !

Nhưng thời giờ coi như không ích lợi dành để đọc bản văn là điều rất cần thiết. Xin đừng rút ngắn thời gian này. Chính đây là một khoảnh khắc vắng vợi dành để học hỏi. Thời gian này dài hay ngắn là tùy khả năng của mỗi người. Nhưng không nên lấy làm lạ khi thấy thời gian đó có thể chiếm mất một nửa hay thậm chí hai phần ba thời gian của một buổi đọc và suy niệm Sách thánh. Việc suy niệm và chiêm niệm có thể đòi hỏi ít thời gian hơn là việc đọc. Nhưng không phải vì thế mà giai đoạn suy niệm và chiêm niệm không quan trọng. Không phải hề cứ dài lâu là suy niệm hay chiêm niệm sốt sắng, nhưng chính mật độ của suy niệm và chiêm niệm lại do việc đọc (quan sát) bản văn Sách thánh hỗ trợ. Vì thế, khi đọc và suy niệm Sách thánh, đừng ngại dành thời giờ để đọc thông thả và kỹ lưỡng (quan sát) bản văn.

Có nhiều “phương pháp” để quan sát một bản văn. Năm 1993, Ủy Ban Kinh thánh Giáo Hoàng công bố một văn kiện (Việc giải thích Kinh thánh trong Hội thánh) nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các phương pháp đối với việc giải thích Kinh thánh. Những phương pháp được trình bày vừa nhiều vừa khác nhau, thay vì cho thấy sự phức tạp lung củng, lại là dấu hiệu cho thấy sức sống. Tiến hành tỉ mỉ các phương pháp này là công việc dành cho những nhà chuyên môn, những người lo phục vụ Hội thánh bằng công tác chú giải Kinh thánh. Nhưng do nỗ lực làm việc của các nhà chú giải, đã có các phương tiện dễ dàng và vừa tầm tay của một số rất đông các tín hữu, giúp họ có thể tự mình đi vào trong kho tàng vô tận của các bản văn. Trong các chương trước, đã có những gợi ý về việc quan sát bản văn. Chương này và các chương kế tiếp sẽ khai triển thêm những gợi ý đó. Nhưng vẫn cần phải nhắc lại rằng đức tin của mỗi cá nhân là một dụng cụ bất khả thay thế để tiến vào gặp gỡ các bản văn Kinh thánh. Và điều đó thì không có một phương pháp nào có thể công hiến cho ta được.

Việc đọc Sách thánh ở đây là đọc với lòng tin và cầu nguyện. Hai thì “suy niệm” và “chiêm niệm” là hai thì thích ứng nhất với mục đích của việc đọc này. Tuy nhiên, thì thứ nhất là “quan sát” cũng là thì không thể thiếu.

Vài lời khuyên tổng quát

Đây là vài lời khuyên tổng quát để thực hành giai đoạn quan sát cho hiệu quả:

- Xem kỹ bản văn, nhất là đừng muốn lấp đầy những khoảng thời gian thỉnh lặng bằng những giả thiết kiểu “có lẽ”, “có thể”... Một bản văn chỉ nói điều nó nói : bắt nó nói điều nó không nói là vô ích.

- Chịu mất thời giờ để quan sát bản văn mà thôi. Đừng đi quá nhanh sang giai đoạn “suy niệm” và “chiêm niệm”, cho dù không phải lúc nào cũng dễ dàng phân biệt một cách rõ rệt các giai đoạn trong việc đọc Sách thánh, vì quả thật là việc quan sát bản văn có thể đưa rất sớm tới việc suy niệm hay chiêm niệm hoặc cầu nguyện, và đừng bỏ qua !

- Cố đừng đưa những quan tâm riêng của mình vào bản văn. Tránh muốn tìm bằng bất cứ giá nào một mối dây liên hệ trực tiếp giữa bản văn Kinh thánh với đời sống cụ thể hiện tại.

- Tìm trong bản văn điều có thể là chứng tá cho một Tin mừng xuất phát từ Thiên Chúa. Chỉ sau đó ta mới có thể tìm những đòi hỏi cho ngày hôm nay xuất phát từ Tin mừng ấy.

Lời Thiên Chúa trong Sách thánh đến với con người qua những lời của con người. Đó là qui luật Nhập Thể. Thiên Chúa không viết sẵn Sách thánh từ trời cao rồi gửi xuống cho con người ! Thiên Chúa nói qua chính chứng từ đức tin của những người đã viết nên Kinh thánh. Thế nhưng, có cả một khoảng cách về thời gian, não trạng, hình thức diễn tả giữa người đọc ngày hôm nay với những cộng đoàn đã sản sinh ra các cuốn sách làm thành Kinh thánh. Kinh thánh gồm những bản văn cổ kính, không phải

lúc nào cũng đọc là hiểu ngay. Thế cho nên, cần phải bỏ thời gian để quan sát các bản văn mà ta muốn suy niệm và ngay cả muốn theo để thực hiện một phương pháp đơn giản vừa tầm tay.

Trường hợp đặc biệt của các sách Tin mừng

Các sách Tin mừng phản ánh nhiều chiều kích riêng. Tìm lại được những chiều kích ấy giúp cho việc quan sát được dễ dàng hơn. Đây là bốn chiều kích đáng ghi nhớ hơn cả:

1. Niềm tin vào Chúa Ki-tô phục sinh

Các sách Tin mừng đã được viết ra dưới ánh sáng của biến cố Phục sinh. Cách này hay cách khác, tất cả các sách này đều làm chứng về Chúa Kitô phục sinh.

2. Đời sống của các cộng đoàn

Các sách Tin mừng được viết ra cho các cộng đoàn rõ rệt. Các sách này phản ánh những lo lắng quan tâm, những khó khăn của các cộng đoàn này.

3. Sự thành toàn của Sách thánh

Các sách Tin mừng cho thấy rằng Đức Giêsu đến để làm cho Sách thánh được thành toàn. Mỗi một trang Tin mừng, qua các từ ngữ, các kiểu nói, các hình ảnh, các đề tài, các nhân vật... , đều trực tiếp hoặc ngầm nhắc đến Cựu Ước.

4. Kỷ niệm về Đức Giêsu

Các sách Tin mừng được viết ra vì các môn đệ nhìn nhận Đức Giêsu Nadarét là Đấng được Thiên Chúa sai đến. Các sách Tin mừng kể lại những khoảnh khắc quan trọng trong cuộc đời của Đức Giêsu. Các sách này làm chứng về những xác tín của chính mình.

Tóm lại, các sách Tin mừng kể lại biến cố Phục sinh, đồng thời cũng cho thấy đời sống của các cộng đoàn, Kinh thánh và Đức Giêsu Nadarét. Ta theo dõi từng điểm một.

Các sách Tin mừng tường thuật

Cái gì khi đã thành nếp thật khó mà bỏ đi ! Đó là điều xảy ra với các sách Tin mừng khi ta coi các sách đó như là những bài tường thuật, những thiên phóng sự trực tiếp nói về cuộc đời của Đức Giêsu Nadarét. Làm sao để có thể hiểu rằng các sách Tin mừng còn hơn thế nhiều, và mục đích chính là làm chứng về đức tin của các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi ?

Các sách Tin mừng tường thuật biến cố Vượt qua

Làm sao các tác giả sách Tin mừng có thể quên biến cố Vượt qua huy hoàng được. Biến cố ấy có nghĩa là một thế giới mới từ Thiên Chúa mà đến, dành cho mọi người nay đã tỏ hiện rồi ? Niềm tin Phục sinh phảng phất trong mỗi một quang cảnh trong sách Tin mừng. Khi các sách Tin mừng thuật lại một phép lạ Đức Giêsu thực hiện, đó không phải chỉ là một cử chỉ Đức Giêsu Nadarét đã làm ngày xưa, xa xưa lắm rồi, nhưng đó còn là cử chỉ mà Đấng phục sinh đang làm cho mọi người, trong hiện tại này. Chúng ta được Đức Giêsu mời gọi sống như Người đã mời gọi ông Ladarô. Chúng ta được Người mời gọi tham dự vào yến tiệc Nước Trời như các môn đệ ở Ca-na. Chúng ta được sáng soi như ông Bác-ti-mê đã được... Niềm tin vào Đấng Phục Sinh chiếu sáng mỗi hàng chữ trong các sách Tin mừng.

Các sách Tin mừng tường thuật đời sống của Hội thánh

Các sách Tin mừng tiết lộ cho biết những mối bận tâm, những âu lo của các cộng đoàn ki-tô hữu, qua đó các sách Tin mừng được biên soạn. Một số kỷ niệm về Đức Giêsu được ưu tiên giữ lại vì những kỷ niệm ấy phù hợp hơn với những gì các tác giả sách Tin mừng muốn truyền đạt cho các độc giả. Những kỷ niệm được sửa chữa hoặc bỏ qua là vì chúng không còn phù hợp với tình trạng mới của những cộng đoàn nhiều thập niên sau biến cố Vượt qua. Các sách Tin mừng đã được viết ra để giúp cho các ki-tô hữu hiểu rõ và sống tốt hơn đức tin của mình.

Các sách Tin mừng tường thuật Cựu Ước

Một khía cạnh thường bị bỏ quên, đó là tầm quan trọng của Cựu Ước trong các sách Tin mừng. Các Kitô hữu đầu tiên xuất thân từ Do thái giáo. Họ không có từ ngữ để diễn tả đức tin của họ ngoài những từ ngữ họ đã có trong truyền thống Do thái. Thế nên, họ đã diễn tả lòng tin của họ vào Chúa Kitô bằng những từ ngữ, những hình ảnh ấy từ Kinh thánh Do thái của họ. Họ muốn cho thấy Đức Giêsu không phải là không trung thành với Kinh thánh, nhưng Người còn đưa Kinh thánh đến chỗ thành toàn. Chính vì thế, mỗi trang sách Tin mừng đều có ám chỉ, cách rõ rệt hay kín đáo, đến Cựu Ước.

Các sách Tin mừng tường thuật Đức Giêsu

Làm sao các ki-tô hữu có thể nhận biết và yêu mến Đức Giêsu, Chúa của họ, mà không có các sách Tin mừng? Các sách Tin mừng đưa chúng ta vào trong môi trường của người con của Đức Maria. Người con ấy, sau một thời gian sống và lao động, đã hoàn toàn hiến thân loan báo Vương quốc của Thiên Chúa. Nhờ có các sách Tin mừng, chúng ta có thể đi vào môi trường trung tâm không phai của Đức Giêsu với Thiên Chúa là Cha của Người.

Nhưng cần chú ý là các sách Tin mừng không thoả mãn tính tò mò của chúng ta được đâu, ví dụ ta muốn biết, khuôn mặt, hình dong của Đức Giêsu, Người to lớn hay gầy còm? Tóc màu gì? Mắt màu gì? Có hói đầu không? Bình thường Người ăn mặc như thế nào? Người có hay về thăm thân mẫu của Người không? Có lần nào Người gặp gỡ bạn bè cũ ở Nadarét? ... Những thắc mắc đại loại như thế không phải là những điểm các sách Tin mừng chú ý và lo cung cấp câu trả lời. Các sách Tin mừng chỉ lưu tâm đến điều cốt lõi thôi.

Bù lại, các sách Tin mừng nói dài về những gì Đức Giêsu đặc biệt quan tâm: loan báo Vương quốc giải phóng của Cha Người, phục vụ những người nghèo khổ, những người bị bỏ rơi, qui tụ và huấn luyện các môn đệ... Các sách Tin mừng dẫn tới chính tâm hồn của Đức Giêsu và mời gọi hiệp thông với những điều Người xác tín sâu xa.

Ví dụ:

Ta thử áp dụng bốn chiều kích trên vào một vài bản văn Tin mừng

Sóng gió lặng yên (Mt 8,23-27)

Đức Giêsu xuống thuyền, các môn đệ đi theo Người, và kìa biển động mạnh khiến sóng ập vào thuyền. Nhưng Người vẫn ngủ. Các ông lại gần đánh thức Người và nói: “Thưa Ngài, xin cứu chúng con, chúng con chết mất!” Đức Giêsu nói: “Sao nhát thế, hỡi những người kém lòng tin!” Rồi Người chỗi dậy, ngắm đe gió và biển: biển liền lặng như tờ. Người ta ngạc nhiên và nói: “Người này là người thế nào mà cả đến gió và biển cũng tuân lệnh?”

Bản văn này tường thuật lòng tin của các Kitô hữu

Bản văn có những công thức đã được hình thành vào thời của các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi. Tước hiệu “Chúa” chẳng hạn, là tước hiệu các ki-tô hữu dành để chỉ Đức Giêsu phục sinh. Như vậy, chính Chúa phục sinh là Đấng thánh Mátthêu muốn làm nổi bật lên. Đức Giêsu chỗi dậy và “ngắm đê” gió và biển. Trong các sách Tin mừng, động từ “ngắm đê” là động từ thường được dùng khi Đức Giêsu đối diện với ma quỷ. Như thế, người đọc hiểu là bản văn muốn nói đến một cuộc chiến giữa Đấng phục sinh với kẻ dữ, sự dữ. Đấng phục sinh chiến thắng. Và như thế, ở đây, bản văn muốn trình bày đức tin của Kitô giáo.

Bản văn này tường thuật đời sống của các Kitô hữu tiên khởi

Trong con thuyền có các môn đệ, Đức Giêsu lại đang ngủ. Người có mặt đó, nhưng lại ra như vắng mặt. Nổi kinh hoàng ập tới khi sóng gió nổi lên. Các ki-tô hữu sợ hãi trong khi họ tin rằng Đấng phục sinh đang ở giữa họ ! Họ có cảm tưởng là Chúa của họ không động tĩnh gì để giúp họ trong khi họ gặp những khó khăn thử thách nặng nề như cuộc bách hại. Bản văn của thánh Mátthêu trách họ “kém lòng tin” ! Đức Giêsu đang ở trong con thuyền của các cộng đoàn ki-tô hữu, của Hội thánh. Vì Đức Giêsu đã phục sinh, tại sao lại phải sợ, ngay cả khi ta có cảm giác là thuyền Hội thánh đang ở trong tình trạng nguy ngập ! Sợ hãi là dấu chỉ của một lòng tin yếu kém.

Bản văn này tường thuật Cựu Ước

Theo biểu tượng của Kinh thánh Cựu Ước, biển là nơi ở của các sức lực sự dữ. Các môn đệ của Đức Giêsu phải đương đầu với sự dữ và họ sợ hãi. Thế những, nhờ cuộc phục sinh của Đức Giêsu, họ phải nhớ lại rằng Đức Giêsu đã chiến thắng cái chết, sự dữ. Chính vì thế, biển bị ngắm đê lại lặng yên. Bình thường, Thiên Chúa điều khiển các yếu tố của tạo thành, ở đây Đức Giêsu giữ vị trí của Thiên Chúa. Như thế lại thấy một điểm nữa trong đức tin của các ki-tô hữu tiên khởi : Đức Giêsu là Đấng được Thiên Chúa sai đến. Người đến để giải thoát chúng ta khỏi sự dữ.

Trình thuật sóng gió lặng yên không phải thuần túy là một bản sao kỹ niệm của một sự kiện của quá khứ, nhưng đúng là một chứng từ của đức tin vẫn mãi mãi có tính cách hiện tại : “Đức Kitô đã phục sinh. Thế thì tại sao anh em lại hoảng sợ, hồi những con người kém lòng tin ?”

Bản văn này tường thuật Đức Giêsu Nadarét

Đức Giêsu ở nhà, tại Ga-li-lê. Người làm nghề thợ mộc ở Nadarét. Người đã chọn các bạn hữu và những người cộng tác trong số những người ở Ga-li-lê và đặc biệt trong số những người thuyền chài ở hồ Ghen-nê-xa-rét. Hồ này dân địa phương quen gọi là “biển”. Ta biết là sóng gió ở Biển Hồ này có thể đến bất chợt và dữ dội. Như vậy, trình thuật rất ứng hợp với tình trạng Đức Giêsu và các môn đệ đã gặp trên “biển” này. Nhưng trình thuật muốn dạy cho ta biết rằng Đức Giêsu đã đào tạo các môn đệ của Người và đã truyền thông cho họ lòng tin thác của Người vào Chúa Cha.

Mẻ cá lạ lùng (Lc 5,1-11)

Một hôm, đám đông chen lấn nhau đến sát bên Đức Giêsu để nghe lời Thiên Chúa, mà Người thì đang đứng bên bờ hồ Ghen-nê-xa-rét. Người thấy hai chiếc thuyền đậu dọc bờ hồ, còn những người đánh cá thì đã ra khỏi thuyền và đang giặt lưới. Đức Giêsu xuống một chiếc thuyền, thuyền đó của ông Si-mon, và Người xin ông chèo thuyền ra xa bờ một chút. Rồi Người ngồi xuống, và từ trên thuyền Người giảng dạy đám đông.

Giảng xong, Người bảo ông Si-mon : “Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá.” Ông Si-mon đáp : “Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả. Nhưng dựa vào lời Thầy, tôi sẽ thả lưới. Họ đã làm như vậy, và bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới. Họ làm hiệu cho các bạn chài trên chiếc thuyền kia đến giúp. Những người này tới, và họ đã đổ lên được hai thuyền đầy cá, đến gần chìm. Thấy vậy, ông Si-mon Phê-rô sấp mặt dưới chân Đức Giêsu và nói : “Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi !” Quả vậy, thấy mẻ cá vừa bắt được, ông Si-mon và tất cả những người có mặt ở đó với ông đều kinh ngạc. Cả hai người con ông Ê-bê-đê, là Gia-cô-bê và Gio-an, bạn chài với ông Si-mon, cũng kinh ngạc như vậy. Bấy giờ, Đức Giêsu bảo ông Si-mon : “Đừng sợ, từ nay anh sẽ là người cứu sống người ta.”

Thế là họ đưa thuyền vào bờ, và bỏ hết mọi sự mà theo Người.

Đám đông dân chúng xô lấn nhau chung quanh Đức Giêsu. Ông Si-mon và các bạn của ông không thích như thế và tiếp tục công việc nghề nghiệp của mình cho đến khi Đức Giêsu lên một trong các thuyền của các ông. Ông Si-mon thi hành điều Đức Giêsu truyền, không thắc mắc. Ông ở trong thuyền khi Đức Giêsu dạy dỗ đám đông dân chúng.

Thánh Lu-ca nói về lòng tin của các ki-tô hữu

Lòng tin vào Đấng phục sinh lấp lánh trong tước hiệu ông Si-mon gọi Đức Giêsu : “Chúa”. Tước hiệu này thường dành cho Vua-Mêsia hay cho chính Thiên Chúa, đã giúp các ki-tô hữu tiên khởi diễn tả lòng tin của mình vào Đức Giêsu. Trước mặt Đức Giêsu, Đấng Kitô-Chúa, ta chỉ có thể nhìn nhận mình là tội lỗi mà thôi.

Đám đông xô lấn nhau chung quanh Đức Giêsu để nghe “Lời Thiên Chúa”. Gẫm suy sứ điệp của Đức Giêsu, chiêm ngắm con người của Người, là ta nhận ra chính Lời của Thiên Chúa. Nghe Đức Giêsu, chính là Nghe Lời Thiên Chúa.

Thánh Lu-ca tường thuật về Hội thánh

Không phải chỉ có “Si-mon”, nhưng là “Si-mon – Phê-rô”, người mà Đức Giêsu trao cho trách nhiệm đặc biệt. Như vậy, bản văn nhắc đến các ki-tô hữu tiên khởi, đến vai trò đặc biệt của thánh Phê-rô trong Hội thánh theo chính ý của Đức Giêsu.

Lúc thánh Lu-ca viết sách Tin mừng, các cộng đoàn ki-tô hữu có thể nghĩ là kết quả sứ mạng họ thực hiện là mong manh yếu ớt. Họ vất vả “chài lưới con người”. Họ có cảm tưởng là ở trong đêm tối và chẳng bắt được gì. Trình thuật biến thành một lời khích lệ tiếp tục công việc. Đấng phục sinh đang ở trong con thuyền Hội thánh. Đừng nản lòng bỏ cuộc. Sau đêm đen là ngày và phép lạ diễn ra.

Thánh Lu-ca đọc Sách thánh

Để làm cho trình thuật của mình có hình dạng, thánh Lu-ca lấy cảm hứng từ Kinh thánh. Ông uốn nắn trình thuật của mình theo khuôn mẫu văn chương quen thuộc để nói về “ơn gọi”. Trong thể loại này, điều quan trọng là sứ mạng được trao phó cho người được gọi. Mẻ cá lạ lùng cho thấy rõ sứ mạng của ông Si-mon-Phê-rô: “Từ nay anh sẽ là người thu phục người ta (Lc 5, 10b).

Trong các trình thuật Kinh thánh có tường thuật việc Thiên Chúa tỏ hiện, bao giờ cũng có nói sự sợ hãi. Khi nói đến sự sợ hãi của các môn đệ, thánh Lu-ca cho thấy rằng Thiên Chúa tỏ mình ra nơi bản thân Đức Giêsu.

Trong Kinh thánh, biển thường là nơi ở của các sức mạnh tác hoại, là nơi cư trú của ma quỷ. Khi “chài lưới con người”, thánh Phê-rô sẽ cộng tác vào hoạt động cứu thoát của Đức Giêsu.

Ngày xưa, ông Mô-sê đã cứu những con người đang chạy trốn khỏi nước. Nay một thời kỳ mới mở ra, thời kỳ Đức Giêsu cứu khỏi nước không phải chỉ có một dân, nhưng toàn thể các dân.

Các môn đệ bỏ mọi sự mà theo Đức Giêsu, theo kiểu ngôn sứ Ê-li-sa đã bỏ mọi sự để theo ngôn sứ Ê-li-a. Thánh Lu-ca thích đồng hoá Đức Giêsu với ngôn sứ Ê-li-a, người phải trở lại để khai mạc thời mới của Thiên Chúa. Với sự hiện diện của Đức Giêsu, thời mới đã mở ra.

Thánh Lu-ca nhắc lại điều đã xảy ra trước biển cô Vượt qua

Thánh Lu-ca không sáng tạo một trình thuật chỉ khởi đi từ những xác tín trong lòng tin của mình hoặc bằng cách đọc lại Kinh thánh. Ông tường thuật điều đã xảy ra vào thời của Đức Giêsu. Đức Giêsu đã chọn các môn đệ để theo Người đi giảng. Ông Si-mon là một trong những người được kêu gọi đầu tiên. Trước khi theo Đức Giêsu, ông làm nghề chài lưới ở hồ Ti-bê-ri-a. Chính ông Si-mon này cũng là người sau này được Đức Giêsu trao cho một trách nhiệm rõ ràng là phục vụ toàn thể các môn đệ của Người.

Thánh Lu-ca trình bày cảnh mẻ cá lạ lùng này ở đầu cuộc đời rao giảng của Đức Giêsu (Lc 5,1-11), tác giả sách Tin mừng Gio-an lại đặt vào sau cuộc Phục Sinh (21,4-17). Ai đúng ? Điểm chính yếu không phải ở chỗ đó, vì cả hai sau cùng đều nói đến cùng một chuyện : Đức Giêsu phục sinh đã giải thoát chúng ta khỏi sự dữ để kêu gọi chúng ta đến hưởng hạnh phúc với Thiên Chúa. Loan báo Tin mừng ấy chính là sứ mạng của Hội thánh.

Tóm lại

Vài thập niên sau biển cô Vượt qua, các sách Tin mừng một khi đã có hình thức cố định, trước hết thông truyền đức tin của các ki-tô hữu tiên khởi. Các tác giả sách Tin mừng vừa tường thuật biển cô Vượt qua, đời sống của Hội thánh, Kinh thánh và kỷ niệm về Đức Giêsu Nadarét. Có tìm lại các chiều kích khác nhau này giúp cho khám phá ra rõ hơn chứng từ đức tin mà các sách Tin mừng muốn chuyển đạt. Cũng có thể thêm nhiều chiều kích khác như niềm hy vọng và lòng xác tín rằng với sự hiện diện của Đức Giêsu, thời cuối cùng đã đến. Thực vậy, thành quả của cuộc Phục Sinh có lợi không phải chỉ cho Đức Giêsu, nhưng còn cho toàn thể tạo thành đã được đổi mới nhờ cuộc Phục Sinh. Hết thảy mọi người đều được kêu gọi chỗi dậy với Đức Giêsu, tiến về gặp gỡ Thiên Chúa, tham dự vào thiên giới. Viễn ảnh được chia sẻ cuộc Phục sinh của Đức Giêsu là một niềm hy vọng rất to lớn không thể tưởng tượng nổi đối với các người tin. Niềm hy vọng này người ta gặp thấy ở trong mỗi trang sách Tin mừng. Với Đức Giêsu, người ta có thể nói rằng sự tận cùng của thế giới đã tới để nhường chỗ cho chính cái thế giới của Thiên Chúa. Tất cả những gì các tác giả sách Tin mừng sẽ nói đều đi vào trong xác tín là thế giới mới hay Vương quốc của Thiên Chúa được công hiến cho hết thảy mọi người. Ở đây nữa, xác tín rằng Thiên Chúa kêu gọi chúng ta sống trong vương quốc của Người là màu là sắc của mỗi một trang sách Tin mừng cũng như nó là màu là sắc của mỗi một bức thư của các tông đồ và của sách Khải huyền. Chỉ cho thấy những dấu của niềm hy vọng này, của xác tín rằng Thiên Chúa mời gọi chúng ta chia sẻ cuộc sống của Người, khi ta đọc các bản văn Tân Ước, đó chính là chuẩn bị để đón nhận tốt hơn chứng từ đức tin nơi các trang sách đó.

Thế còn Cựu Ước thì sao ?

Các bản văn Cựu Ước cũng có những chiều kích của chúng. Đặt các chiều kích ấy vào giai đoạn quan sát khi đọc Sách thánh làm phong phú các giai đoạn tiếp sau, đó là suy niệm và chiêm niệm.

1. Niềm tin vào một Đấng Thiên Chúa hữu ngã và giải phóng

Phần được truyền thống Do thái coi là phần quan trọng nhất trong Cựu Ước, đó là “Thorah”, tức là Lê Luật, gồm trong năm cuốn sách đầu tiên của Kinh thánh. Vậy mà bốn trong số năm cuốn Thorah này lại được dành để đọc với con mắt đức tin về thời của ông Mô-sê, tức là thời Xuất hành. Xuất hành hay việc ra khỏi Ai-cập là cái trục đầu tiên của kinh tin kính theo Kinh thánh. Các sách này diễn tả lòng tin của các người tin đã viết ra Cựu Ước. Thiên Chúa của Ít-ra-en không giống như các thần của các dân lân bang. Người không phải là một vị thần của các sức mạnh tự nhiên, một vị thần của gió, của bão. Nhưng người là một Vị Thiên Chúa đồng hành với dân của Người. Thiên Chúa của Ít-ra-en là một Vị Thiên Chúa hữu ngã, là Đấng đã tỏ mình ra cho các tổ phụ và cho ông Mô-sê. Người là một Vị Thiên Chúa muốn đem đến cho dân của Người ơn cứu thoát, ơn giải phóng.

2. Đời sống của các cộng đoàn những người tin

Cũng giống như trường hợp các sách Tin mừng, các bản văn Cựu Ước đã được viết ra và được giữ lại nhằm để cho các cộng đoàn những người tin, hầu kêu gọi họ tin và nâng đỡ họ sống niềm tin này. Nếu tiếp đó, các bản văn này có được đề nghị cho các thế hệ mới, đó là vì các bản văn ấy luôn phù hợp với nhu cầu thiêng liêng của họ.

Điểm nền tảng này có thể giúp giải gỡ được một số khó khăn. Chẳng hạn như khi một số bản văn nói dài dòng về “con giận của Thiên Chúa”, thì người ta hay thắc mắc không biết tại sao các tác giả Kinh thánh lại cần phải nhấn mạnh đến con giận của Thiên Chúa làm gì, các tác giả ấy muốn đáp ứng những ưu tư nào của các cộng đoàn những người tin? Thay vì thấy chướng bởi vì quan niệm về con giận không phù hợp với tư tưởng hiện nay ta có về Thiên Chúa, ta hiểu được những lo lắng của các cộng đoàn bấy giờ cần người ta nói cho họ biết về “con giận của Thiên Chúa” để đề cao khía cạnh này khía cạnh kia trong đức tin của họ.

3. Các kỷ niệm cổ xưa

Theo những gì vừa nói trên, ta hiểu được rằng điểm chính yếu của các bản văn Cựu Ước nhằm vào đức tin của những người đã viết ra các bản văn đó và của những người đã truyền lại các bản văn đó. Các tác giả cổ xưa không có cùng một quan niệm về “lịch sử” như chúng ta, và họ không hề có ý thực hiện những bản tường trình về các sự kiện cổ xưa. Chẳng ai có mặt vào lúc vũ trụ được sáng tạo, và các bài thơ nói về cuộc sáng tạo không hề có tham vọng vén bức màn bí mật để cho thấy thế giới đã thành hình như thế nào. Cũng vậy, chẳng ai có mặt vào thời các tổ phụ Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp. Các trình thuật về các tổ phụ không được thực hiện nhằm cho biết chi tiết về mỗi vị tổ phụ, nhưng là để cho biết lòng tin của những người đã viết hay truyền đạt lại các trình thuật ấy. Có thể, trong một số điều kiện nào đó, theo cách của một sử gia để “thiết lập lại một cách lịch sử” cuộc đời của các tổ phụ hoặc của ông Mô-sê. Dĩ nhiên bản văn này bản văn kia có thể cho biết nhiều chi tiết về cổ sử, và cho biết là có các tổ phụ! Nhưng quan tâm chính của các tác giả Kinh thánh không phải là cung cấp những chi tiết lịch sử mà là giúp người đọc tin vào Thiên Chúa hằng sống và là Đấng giải phóng dân của Người.

Kỷ niệm đầu tiên mà các bản văn này tường thuật lại, chính là lòng tin của những người tin đã viết ra các bản văn đó. Trước một bản văn Cựu Ước, người đọc Kitô hữu phải bỏ đi cái ưu tư của những nhà chuyên môn muốn tái lập lại biến cố đang được tường thuật. Trước tiên, phải cố gắng tìm lấy cho mình đức tin mà các bản văn này muốn nêu lên cho thấy. Thay vì cứ thắc mắc không biết nhân vật Áp-ra-

ham cổ xưa là ai, người đọc phải chú ý đến những xác tín thuộc về đức tin xuất hiện trong các trình thuật về ông Áp-ra-ham.

4. Đọc Cựu Ước theo tinh thần Kitô giáo

Chiều kích này khó nhận ra hơn. Nó được các ki-tô hữu thêm vào khi họ đọc Cựu Ước. Cần phải xác định sự hài hoà giữa Cựu Ước và Tân Ước. Sau khi quan sát bản văn Cựu Ước như chính nó có, Kitô hữu không thể nào không liên kết nó với lòng tin của mình vào Đức Giêsu. Đọc mỗi một trang Tân Ước đã là đọc Cựu Ước theo tinh thần Kitô giáo rồi, tức là cố gắng làm sáng lên chứng từ đức tin của các Ki-tô hữu tiên khởi nhờ vào Cựu Ước. Đối với các Kitô hữu, Đức Giêsu đến để hoàn thành Sách thánh. Xác tín ấy giúp họ thiết lập những mối liên hệ giữa Tân Ước với Cựu Ước.

Ví dụ:

1. Đọc sách Sáng thế (12,1-4)

Bấy giờ ông Áp-ra-ham đang ở Can-đê.

Đức Chúa phán với ông : “Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha người, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho người. Ta sẽ làm cho người thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho người. Ta sẽ cho tên tuổi người được lẫy lừng, và người sẽ là một mối phúc lành.

Ta sẽ chúc phúc cho những ai chúc phúc cho người, ai nhục mạ người, Ta sẽ nguyên rủa. Nhờ người, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc.”

Ông Áp-ram ra đi, như Đức Chúa đã phán với ông. Và có ông Lót cùng đi với ông.

Các trình thuật Kinh thánh liên quan đến ông Áp-ra-ham bắt đầu như vậy, một cách hơi kỳ lạ. Không có vị tổ phụ nào được trình bày như thế. Không có chi tiết gì cho thấy nguồn gốc, con người, hình dáng, tính tình... Vừa mở đầu đã thấy lệnh của Đức Chúa, một lệnh truyền thuộc thiên giới. Mà cũng không có chi tiết nào cho thấy làm cách nào ông Áp-ra-ham có thể nghe thấy Thiên Chúa nói với ông ! Không cúi kính, không gất gông, ông Áp-ra-ham lên đường ngay lập tức, đúng như Thiên Chúa yêu cầu. Hoàn toàn không có gì cho biết những sự chuẩn bị, những cách thức thu xếp để lên đường. Người ta chỉ biết có mỗi một chuyện là ông dẫn theo ông Lót, cháu của ông, cùng đi.

Đọc lướt qua, thật nhanh : đức tin của ông Áp-ra-ham

Đọc trình thuật này thoáng qua, lần đầu thường hay dừng lại ở thái độ của ông Áp-ra-ham. Thiên Chúa yêu cầu và ông Áp-ra-ham thực hiện ngay lời yêu cầu, không thắc mắc hay phản đối. Ông lên đường dấn thân vào cõi hoàn toàn xa lạ : “Nhờ đức tin, ông Áp-ra-ham đã vâng nghe tiếng Chúa gọi mà ra đi đến một nơi ông sẽ được lãnh nhận làm gia nghiệp, và ông đã ra đi mà không biết mình đi đâu” (Dt 11,8). Cách hiểu bản văn như thế là cách hiểu của truyền thống và đã chịu ảnh hưởng của nhiều trình thuật khác, trong những trình thuật ấy hiển nhiên lòng tin của ông Áp-ra-ham được nêu bật lên, chẳng hạn như trong đoạn văn nói về việc ông sẵn sàng hiến tế người con trai duy nhất của ông, bởi vì Thiên Chúa yêu cầu ông như thế (St 22).

Nhưng, để ý hơn, ta sẽ đi đến chỗ nhận thấy rằng bản văn ít chú ý đến tâm lý của ông Áp-ra-ham cũng như những trạng thái của tâm hồn ông. Suy cho cùng cũng là hay. Thật vậy, đức tin không có gì cho thấy đó là một sự vâng phục mù quáng, cho dù là vâng phục Thiên Chúa ! Ông Gióp đã đòi hỏi tại sao ông lại phải khổ, ông tìm xem Thiên Chúa muốn gì ở ông. Như vậy đối với chúng ta, ông Gióp dễ thương và gần gũi chúng ta hơn là ông Áp-ra-ham cứ lầm lũi và thỉnh lặng. Thực ra, bản văn Kinh thánh

ở đây không nói gì đến tình cảm riêng tư của ông Áp-ra-ham. Bù lại, bản văn nhấn mạnh đến điều Thiên Chúa nói.

Giai đoạn quan sát

Trình thuật xoay quanh ba trục : quê hương xứ sở, gia đình, phúc lành.

Chuyện quê hương xứ sở : Can-đê là xứ sở hiện thời của ông Áp-ra-ham. Trong một tương lai gần, ông Áp-ra-ham sẽ tới một xứ khác, xứ Thiên Chúa sẽ chỉ cho ông. Rồi sau cùng Thiên Chúa nhắc đến toàn thể cõi đất : “Nhờ ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc”. Như thế ta đi từ Can-đê đến xứ sở do Thiên Chúa hứa để tới mọi xứ sở, tức là toàn cõi đất này.

Chuyện gia đình, gia tộc : ông Áp-ra-ham từ bỏ không phải chỉ có xứ Can-đê mà thôi, nhưng còn gia tộc, bà con họ hàng hiện thời của ông nữa. Trong một tương lai gần, ông sẽ thấy một gia tộc mới : Thiên Chúa sẽ làm cho ông thành một “dân tộc lớn”. Rồi sau cùng là toàn thể các gia tộc trên cõi đất : “Nhờ ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc”. Ta đi từ cái gia tộc hiện thời của ông Áp-ra-ham đến cái gia tộc tương lai để tới đến mọi gia tộc trên mặt đất. Các tình trạng tiếp nối nhau và tiến triển dần dần : tình trạng hiện thời của ông Áp-ra-ham sắp biến chuyển để đi tới một tình trạng chung cuộc và xa hơn, liên can đến toàn thể cõi đất!

Từ chúc phúc và các từ liên hệ cứ trở đi trở lại nhiều lần ở phần trọng tâm tức là lời Thiên Chúa nói với ông Áp-ra-ham. Sự nguyên rủa chỉ được nhắc đến có một lần. Chính ông Áp-ra-ham sẽ trở thành lời chúc phúc nhưng trong một hướng nhìn rõ rệt chính xác : thành lời chúc phúc cho mọi gia tộc trên mặt đất. Lời chúc phúc nối hai yếu tố đã được nhắc đến rồi, đó là quê hương xứ sở và gia đình gia tộc : “Nhờ ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc”.

Suy niệm khởi đi từ các chiều kích của bản văn

- Lòng tin vào một Thiên Chúa hữu ngã và giải phóng

Nhờ các trình thuật nói về ông Áp-ra-ham, ai đọc các trang Kinh thánh nói về lịch sử thánh của Thiên Chúa với dân của Người không được quên rằng mục đích sau cùng của Thiên Chúa là phúc lành được ban cho hết mọi người. Ta có “kinh tin kính” của Cựu Ước : Thiên Chúa muốn ban lời chúc phúc cho dòng dõi ông Áp-ra-ham, Người muốn cứu thoát dân Người. Đáng Thiên Chúa ấy ngỏ lời trực tiếp với ông Áp-ra-ham. Như thế, đó không phải là một vị thần vô ngã không hề quan tâm đến đường đi nước bước, đến thân phận của con người. Cùng niềm tin ấy vang vọng trong các bản văn của sách Xuất hành.

- Đòi sống của các cộng đoàn

Hai lời hứa liên quan trực tiếp đến ông Áp-ra-ham : một quê hương mới, một gia tộc mới. Hai lời hứa ấy nhằm tới một lời hứa thứ ba : phúc lành dành cho mọi gia tộc trên toàn cõi đất.

Khi nhắc đến tổ tiên của mình, con cháu ông Áp-ra-ham chứng nhận rằng hai lời hứa đầu đã được thực hiện. Họ đã thành một “dân tộc lớn” xuất phát từ ông Áp-ra-ham. Họ đã sở hữu đất mà Thiên Chúa hứa ban cho họ. Nhưng lời hứa thứ ba còn đang chờ được thành toàn : đem lời chúc phúc cho toàn thể giới, cho hết mọi dân tộc trên thế giới. Lời mà Đức Chúa ngỏ với ông Áp-ra-ham trở thành một chương trình đang được thực hiện. Phúc lành của Thiên Chúa cũng liên can đến các dân tộc khác như thế nào?

Qua trình thuật về ông Áp-ra-ham, các người tin nói lên lòng tin của mình. Thiên Chúa của ông Áp-ra-ham là Đấng Thiên Chúa của toàn thể vũ trụ và của hết mọi người. Phúc lành của Thiên Chúa không dành riêng cho một dân tộc sở đắc, nhưng còn phải được mở rộng ra, phải lan tỏa cho hết mọi dân tộc chia sẻ. Thiên Chúa chọn cho mình một dân tộc nhất định để làm cho dân ấy thành chứng nhân cho lòng yêu thương của người đối với toàn thể nhân loại.

Ông Áp-ra-ham được gọi là “cha của mọi dân tộc”. Đối với một cộng đoàn, tường thuật lịch sử các bậc tổ tiên của mình là một cách để cho thấy mình có liên lập, mình có một căn nguyên, đặc sắc. Những người tin trong dân Ít-ra-en giải thích rằng khởi điểm của con đường họ đi là lời Thiên Chúa hứa với ông Áp-ra-ham về một phúc lành còn đang được thực hiện nhằm tới “mọi người”.

- Kỷ niệm cổ xưa

Chẳng ai có mặt ở đây, vào thời của vị tổ phụ xa xưa cổ kính này. Trình thuật này dựa trên sự kiện là các bộ tộc qui tụ lại với nhau dưới tên tuổi của cùng một vị tổ phụ. Khó mà nói nhiều hơn về nhân vật lịch sử là ông Áp-ra-ham, nếu chỉ dựa trên một bản văn ngắn ngủi như trên đây. Bù lại, trình thuật này có liên hệ tới các người tin đang tường thuật chuyện ông Áp-ra-ham. Bản văn cho biết những xác tín của họ vào lúc họ viết lên câu chuyện vị tổ phụ lên đường phiêu lưu theo lời gọi của Thiên Chúa.

- Đọc theo tinh thần Kitô giáo

Vương Quốc của Thiên Chúa được Đức Giêsu công bố cho hết mọi người. Nhờ biến cố Vượt qua của Đức Giêsu, phúc lành của Thiên Chúa nay được ban cho hết mọi người, dĩ nhiên còn cần phải đón nhận và tiến tới chỗ thành toàn. Cũng như đối với ông Áp-ra-ham, cũng như đối với dân của Kinh thánh, cũng như đối với các ki-tô hữu thuở đầu, Đức Chúa đòi phải tham dự vào việc mở rộng phúc lành của Người cho mọi gia tộc trên cõi đất. Đức Chúa đã cần ông Áp-ra-ham, Người cũng cần dân của Người, Người cũng cần những người tin vào Người để làm cho điều Người muốn đi tới chỗ thành toàn. Vậy thì câu trả lời sẽ như thế nào đây?

2. Ôn gọi của ông Mô-sê (Xh 3,1-12)

Bấy giờ, ông Mô-sê đang chăn chiên cho bố vợ là Gít-rô, tư tế Ma-đi-an. Ông dẫn đàn chiên qua bên kia sa mạc, đến núi của Thiên Chúa, là núi Khô-rép. Thiên sứ của Đức Chúa hiện ra với ông trong đám lửa từ giữa bụi cây. Ông Mô-sê nhìn thì thấy bụi cây cháy bùng, nhưng bụi cây không bị thiêu rụi. Ông tự bảo : “Mình lại xem cảnh tượng kỳ lạ này mới được : vì sao bụi cây lại không cháy rụi ?” Đức Chúa thấy ông lại xem, thì từ giữa bụi cây, Thiên Chúa gọi ông : “Mô-sê ! Mô-sê !” Ông thưa : “Dạ, tôi đây!” Người phán : “Chớ lại gần ! Cởi dép ở chân ra, vì nơi ngươi đang đứng là đất thánh.” Người lại phán : “Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp.” Ông Mô-sê che mặt đi, vì sợ nhìn phải Thiên Chúa.

Đức Chúa phán : “Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân ta bên Ai-cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. Ta xuống giải thoát chúng khỏi tay người Ai-cập, và đưa chúng từ đây lên một miền đất tốt tươi, rộng lớn, một miền đất tràn trề sữa và mật, xứ sở của người Ca-na-an, Khét, Ê-mô-ri, Pơ-rít-di, Khi-vi và Giơ-vút. Giờ đây, tiếng rên siết của con cái Ít-ra-en đã thấu tới Ta ; Ta cũng đã thấy cảnh áp bức chúng phải chịu vì người Ai-cập. Bây giờ, ngươi hãy đi ! Ta sai ngươi đến với Pha-ra-ô để đưa dân Ta là con cái Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập.”

Ông Mô-sê thưa với Thiên Chúa : “Con là ai mà dám đến với Pha-ra-ô và đưa con cái Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập ?” Người phán: “Ta sẽ ở với ngươi... Ta là Đấng Hiện Hữu...”

Đang là mục tử chăn bầy súc vật cho nhạc phụ, ông Mô-sê – sau khi được Thiên Chúa gọi – đã trở thành vị mục tử của một dân tộc để dẫn dắt dân ấy trên con đường giải phóng. Cấu trúc của trình thuật làm nổi bật cuộc giải phóng trong đó ông Mô-sê là khí cụ của Thiên Chúa.

Thiên Chúa đã nghe tiếng kêu của dân Người và Người đã nhìn thấy cảnh áp bức dân Người phải chịu. Lúc đầu, ông Mô-sê chỉ thấy một biến cố kỳ lạ. Sau đó ông hướng con mắt lơ tai về phía các người anh em đồng bào. Ông sẽ nhìn theo cách nhìn của Thiên Chúa.

Các chiều kích của bản văn

- Lòng tin vào một Thiên Chúa hữu ngã và giải phóng

Bản văn nói lên lòng tin của những người đã viết ra bản văn. Thiên Chúa của họ là một Đấng-hoàn-toàn-khác, như hình ảnh lửa không thiêu rụi và đất là “đất thánh” cho thấy. Vị Thiên Chúa này đồng thời cũng gần gũi và cứu thoát. Người dẫn thân đến gặp gỡ dân Người. Người đã thấy cảnh áp bức dân Người phải chịu và đã nghe thấy tiếng họ *kêu* than. Người giải phóng họ không phải bằng cây đũa thần, nhưng bằng cách đồng hành với họ. Người tỏ cho họ biết danh của Người. Vị Thiên Chúa của tổ tiên, Đấng đã chọn ông Mô-sê làm ngôn sứ của Người, không chịu được cảnh người yếu bị áp bức.

Những người đã viết lên hay đã truyền đạt lại trình thuật này biết rằng vị Thiên Chúa của Kinh thánh không phải là đối tượng để thoả mãn tính tò mò muốn tìm xem cho biết Người là ai. Người chính là vị Thiên Chúa bên vực những người bị áp bức. Người kêu gọi các tín hữu tiếp tục làm việc cho ơn cứu thoát mà Người đã cống hiến cho họ.

- Đời sống của các cộng đoàn

Đấng đã giải phóng dân của Người ngày xưa nhờ tay ông Mô-sê có khả năng làm lại một hành vi mới ở ngày hôm nay. Các người tin không được quên rằng sự tự do họ có được là một hồng ân do Thiên Chúa ban tặng.

Đấng Thiên Chúa cứu thoát đã giữ các lời Người hứa. Dân giờ đây phải nhớ và cần phải tín trung.

- Kỷ niệm cổ xưa

Những người viết lên bản văn này nhớ rằng trong các truyền thống của dân tộc họ, có một ông Mô-sê kia lãnh đạo một nhóm người, đã thành công trong việc giải thoát dân. Kỷ niệm này vẫn còn khắc ghi trong tâm khảm họ, họ đã chọn để làm một lá cờ, một biểu tượng cho toàn dân tộc.

- Đọc theo tinh thần Kitô giáo

Người Kitô hữu đã nhận ra nơi Đức Giêsu những đường nét của ông Mô-sê. Đức Giêsu đã đến để giải phóng và dẫn dắt nhân loại về Vương Quốc của Thiên Chúa. Người là “Vị Ngôn Sứ”, là chính Lời của Thiên Chúa.

CHƯƠNG V

GIẢI ĐOẠN SUY NIỆM

Nếu như trong giai đoạn thứ nhất của việc “đọc và suy niệm Sách thánh”, đọc hay còn gọi là quan sát, ta để ý kỹ lưỡng bản văn Sách thánh đã chọn, đó chính là để đạt tới giai đoạn thứ hai, tức là suy niệm, cách ích lợi hơn.

Suy niệm bản văn Kinh thánh, đó là nghe xem bản văn nói điều gì, xem hôm nay bản văn muốn nói gì nhằm nuôi dưỡng đức tin. Cũng không nên quên rằng bản văn này đã được đón nhận và đọc lên trong Hội thánh.

Để nghe một bản văn, phải biết bản văn đó đã. Do đó có yêu cầu của chặng thứ nhất là làm sao quan sát bản văn cho thật kỹ lưỡng để tránh bắt bản văn nói điều mà bản văn đã chẳng có ý nói. Như thế, chỉ có thể suy gẫm sau khi đã có một cái nhìn chính xác đối với bản văn, theo như chính bản văn. Đôi khi nếu không muốn nói là thường khi ta tiếp cận bản văn với những tư tưởng ta có sẵn. Khi ấy, thay vì nghe chính bản văn nói, ta lại nghe chính mình nói trong bản văn ! Bản văn chỉ là một tấm gương phản chiếu hình ảnh của chính ta thôi!

Hơn nữa, cũng không hiếm khi ta có một ý tưởng “hữu dụng” về các bản văn Kinh thánh. Ta cho rằng các bản văn này phải tuyệt đối hữu ích và phải cung cấp đủ loại lương thực cho đời sống mỗi ngày. Sẵn có ý tưởng như thế trong đầu, ta không còn đọc bản văn theo chính bản văn, mà đọc để tìm những mảnh vụn lương thực. Cách đọc này không chóng thì chầy “mang tính cách dạy luân lý” và thậm chí làm nghèo nàn bản văn. Ta không được quan niệm là các bản văn Kinh thánh không trực tiếp “hữu dụng”. Các bản văn này được viết ra để tiên vàn cho nghe thấy một sứ điệp hạnh phúc Thiên Chúa gửi đến, để giúp khám phá và tái khám phá ra rằng Thiên Chúa yêu thương, rằng Người thương mến mọi người, rằng Người là bạn đường của những người đang đau khổ và những người nghèo, rằng Người là Đấng giải phóng. Khám phá ra điều đó là điều rất ích lợi, nhưng “sự ích lợi này” không có gì giống với kiểu “tìm bài học để dạy luân lý”.

Các kitô hữu là những người mang sứ điệp hạnh phúc này, sứ điệp làm cho họ sống và hy vọng. Họ không phải là những người yêu thích những mảnh vụn của cuộc đời. Họ là những người yêu mến sự sống của Thiên Chúa. Các sách Kinh thánh làm chứng về sứ điệp hạnh phúc đến từ Thiên Chúa. Việc đón nhận sứ điệp này làm biến đổi cuộc đời của người tin.

Trong việc đọc Sách thánh để suy niệm, mục đích của việc suy niệm là, trong giai đoạn thứ nhất, tìm lại “sứ điệp hạnh phúc” hay “Tin mừng” này và dừng lại ở điểm đó. Trong giai đoạn thứ hai, chỉ khi và nếu bản văn có sẵn, ta mới có thể hướng các yêu cầu và “hiện tại hoá” bản văn. Giai đoạn suy niệm có thể chia làm hai thì:

1. Tìm sứ điệp hạnh phúc hay Tin mừng, tức là lời chứng của đức tin mà bản văn muốn nêu lên và xuất hiện nhờ giai đoạn trước đó, tức là giai đoạn quan sát.

2. Suy nghĩ về những hệ luận mà ta có thể rút ra cho đời sống kitô hữu ngày hôm nay. Phải dùng những phương thế nào để làm cho khía cạnh sứ điệp hạnh phúc đã được bản văn miêu tả được nổi bật lên.

Quả là không thể phân biệt rạch ròi ranh giới của những giai đoạn khác nhau trong việc đọc Sách thánh để suy niệm. Suy niệm và chiêm niệm thường hoà trộn với việc quan sát. Theo phương pháp sư phạm và để đi sâu hơn vào cái lô-gích của việc đọc Sách thánh để suy niệm, ta phải cố gắng tối đa để phân biệt các giai đoạn này hầu tiếp theo đó có thể thoát ra.

Bước đầu tiên của việc suy niệm:

NÊU LÊN SỨ ĐIỆP HẠNH PHÚC

Khởi đi từ việc quan sát bản văn đã được thực hiện ở giai đoạn thứ nhất và mất nhiều thời giờ, nay đến vấn đề nêu lên điệp đức tin được diễn ra trong đó, bởi vì đức tin mà các bản văn muốn làm chứng nuôi dưỡng đức tin của người tin hôm nay. Để tránh mọi thái độ ngây ngô, trong khi làm công việc suy niệm này, ta sẽ bắt đầu bằng việc chú ý đến những điểm sau:

- Chứng từ đức tin mà một bản văn đem lại phải được làm cho sáng tỏ và được bỏ tước bởi chứng từ đã được các bản văn khác trong Kinh thánh nêu lên ! Nói cách khác, ta phải thận trọng đối với những gì mình khám phá thấy và nhất là phải tránh tuyệt đối hoá các yếu tố đức tin khởi xuất từ một bản văn duy nhất.

- Ta phải ý thức rằng việc suy niệm, cho dù đã ý tứ cẩn trọng hết sức, luôn luôn mang dấu vết của cá nhân người suy niệm, của cách suy nghĩ, của thời đại người ấy đang sống... Cho nên không có suy niệm nào có thể đem áp đặt cho mọi người ở mọi thời và mọi lúc. Đó chính là lý do khiến ta không bao giờ thôi đọc và đọc lại các bản văn.

- Đức tin cũng được sống trong Hội thánh, trong một cộng đoàn gồm những người anh em. Chứng từ đức tin mà việc suy niệm tìm cách làm nổi bật liên quan không chỉ đến người suy niệm, nhưng toàn thể Hội thánh. Cũng chỉ theo mức độ ta cố gắng sống trong Hội thánh bao nhiêu mà suy niệm có được độ sâu sắc bấy nhiêu.

- Ta đừng ngạc nhiên, trong một nhóm, nếu việc chia sẻ dựa trên suy niệm của mỗi người khiến cho có nhiều điểm thậm chí khác biệt. Những người tham gia vào một nhóm có thể có những độ cảm nhận khác nhau và không có cùng một cách nhìn vấn đề như nhau. Đức tin mang những sắc thái khác nhau, tùy lúc người ta còn trẻ, khi người ta đã đứng tuổi, lúc người ta về già. Tương tự như thế, suy niệm dựa trên cùng một bản văn có thể mang những màu sắc khác nhau tùy theo nơi chốn. Những yêu cầu ở Á châu, ở Âu châu, ở Nam Mỹ không hết như nhau, do đó có những cách nhìn, có những cảm quan khác nhau là điều dễ hiểu.

- Tin mừng tìm thấy trong các bản văn Kinh thánh là một thực tại năng động chứ không phải là một đối tượng chết, chỉ cần tìm thấy một lần là xong. Đức tin được diễn tả trong các bản văn ấy không có tính cách tĩnh. Đó là sự sống mà ta không thể nhốt, không thể giam hãm vào từ ngữ mãi được. Cho nên, ở đây cũng thế, ta chẳng bao giờ có thể thôi không suy niệm nữa được.

Chứng từ của đức tin

Các bản văn Kinh thánh hình như đề cập đến hầu hết mọi vấn đề. Thực ra, các bản văn ấy chỉ nói đến mỗi một chủ đề mà thôi : đó là đức tin. Các bản văn ấy do những người tin viết ra cho những người tin. Đó chính là chìa khoá để mở ra ý nghĩa của tất cả mọi bản văn Kinh thánh. Trước bất cứ đoạn văn Kinh thánh nào, phản xạ đầu tiên cần có là “tìm kiếm đức tin” : tìm xem các tác giả hay những người biên soạn đã muốn diễn tả chứng từ đức tin thế nào khi soạn ra bản văn. Các bản văn này không được

viết ra để “làm văn”, cũng không nhằm để trở thành nổi tiếng, nhưng để tường thuật những kinh nghiệm, những xác tín của các cộng đoàn của những người đã viết ra. Các văn phẩm này đã được gìn giữ và lưu truyền bởi vì các thế hệ tiếp theo đã thấy đó là phương tiện trợ giúp cần thiết để đến lượt họ, họ có thể tìm kiếm Thiên Chúa (x. chương một, trang...).

Mở sách Kinh thánh, đó là mở tâm hồn mình ra đón nhận đức tin của Dân Thiên Chúa, là đón nhận kinh nghiệm riêng để liên kết với những kinh nghiệm của những người tin khác, những kinh nghiệm rất khác nhau và luôn luôn mới mẻ. Tại sao lại phải tìm trong các bản văn Kinh thánh phản ánh của những gì người ta đã nghĩ rồi. Điều đó ít quan trọng. Nhưng mở sách Kinh thánh, đó chính là đi tới gặp gỡ những người tin khác, đã sống trong những hoàn cảnh khác. Những điểm dị biệt này mời gọi nhìn cách khác, lùi lại. Những điểm dị biệt này cho phép khám phá ra những thái độ khác của đức tin, những kinh nghiệm khác. Thực ra, các vấn nạn của cá nhân không biến mất, nhưng biến đổi: có một sự biến chuyển, có một sự xê dịch mời gọi những sự thay đổi khác, những sự “hoán cải” khác.

Các trình thuật phép lạ chẳng hạn, có thể ra như xa xôi so với những gì ta đang sống. Thế nhưng những trình thuật ấy mời gọi nhận ra mình nơi những bệnh nhân hay những người bị quỉ ám kia: hôm nay, Chúa Kitô vẫn còn đang hoạt động để chữa lành những sợ hãi. Mọi cư dân trên cõi đất đều là những người Chúa Kitô muốn chữa cho lành mọi bệnh hoạn tật nguyên, mọi hàm hồ tội lỗi. Người chờ đợi nơi Hội thánh của Người một sự tin tưởng phó thác lớn hơn và niềm tin tưởng chắc chắn rằng Người có thể cứu thoát.

Đọc một lá thư thánh Phaolô viết trong tù, hoặc một bản văn trong sách Khải huyền, ta cảm thấy mình rất xa so với những hoàn cảnh thử thách và bách hại các Kitô hữu thời đầu phải chịu. Thế nhưng hôm nay, trong những xứ những miền khác, biết bao người tin đang phải nếm cảnh tù ngục vì cách họ sống, họ trung thành với Tin mừng.

Đọc với lòng tin và trong cộng đoàn

Không có ăng-ten, không có cáp thì không thể nhận những chương trình tivi chuyển đi bằng vệ tinh. Đức tin của mỗi người ví được như một thứ ăng-ten giúp có thể bắt được những xác tín của những người tin đã được diễn tả ra trong Kinh thánh. Đức tin không phải chỉ là công việc của riêng cá nhân. Đức tin được sống trong cộng đoàn. Cho nên việc đọc Kinh thánh cũng phải có tính cách cộng đoàn, phải đọc Kinh thánh “trong Hội thánh”.

Hội thánh tức là cộng đoàn các môn đệ của Đức Giêsu, được khai sinh vào ngày Hiện Xuống. Cộng đoàn này mang một sứ mệnh, đó là loan báo Tin mừng của Đức Giêsu, cũng chính là Đức Giêsu “cho đến tận cùng thế giới” (Cv 1,8). Để diễn tả lòng tin của mình vào Chúa Kitô, cộng đoàn này đã dùng lại Kinh thánh của người Do Thái và dần dần nối dài các sách ấy ra bằng những văn phẩm thuộc Tân ước. Hội thánh đã nhận Kinh thánh là của mình và tiếp tục trình bày cho mọi tín hữu. Ngay cả khi một Kitô hữu đọc Kinh thánh một mình, việc đọc của người ấy vẫn ở trong mối dây liên kết với hết thảy các Kitô hữu khác, không phải chỉ để nuôi dưỡng đức tin của riêng người ấy, nhưng còn nuôi dưỡng và làm phong phú đức tin của Hội thánh mà người tín hữu ấy là chi thể.

Việc đọc Kinh thánh trong Hội thánh như thế là một trong những nền tảng của Hội thánh này. Nếu các Kitô hữu không đọc Kinh thánh, thì họ đã thiếu mất một điều thật quan trọng đối với Hội thánh. Suốt dòng các thế kỷ, nhiều vấn đề được đặt ra cho cộng đoàn Kitô hữu đã được sáng tỏ một phần nhờ việc các tín hữu đọc Kinh thánh. Không có việc đọc Kinh thánh, thần học không thể tiến triển và hoàn thành phận vụ của mình cách đúng đắn được. Trong sứ mạng giảng dạy, Đức Giáo hoàng và các giám mục cũng dựa vào “cảm thức đức tin” (sensus fidei) của các tín hữu, những người vẫn thường xuyên nuôi dưỡng mình bằng Lời Thiên Chúa.

Hệ thống những xác tín

Chính khởi đi từ những gì đã sống với Đức Giêsu, khởi đi từ cái chết, từ sự phục sinh của Người và từ cuộc sống của các cộng đoàn trong Thần Khí mà các Kitô hữu đã đọc Kinh thánh. Nói cách khác, Tin mừng của Đức Giêsu đã hướng dẫn các Kitô hữu trong việc đọc của họ. Đối với các Kitô hữu ngày hôm nay cũng thế. Họ không tiếp cận Kinh thánh một cách hoàn toàn mới và trung dung, nhưng xét như họ là những chi thể của Hội thánh. Đức tin của Hội thánh hướng dẫn việc đọc của họ.

Các công thức của kinh tin kính diễn tả những trục chính của niềm tin này. Dựa trên hệ thống các xác tín này, một cách nào đó, cần phải phân nhánh việc đọc Kinh thánh của họ, để việc đọc thực sự trở thành một việc đọc “trong Hội thánh” (x. chương một).

Một việc đọc mang những sắc thái Kitô giáo

Việc đọc Kinh thánh như thế là một việc đọc “trong Hội thánh”, một việc đọc không sợ khi phải có những sắc thái Kitô giáo. Ta đã thấy những hệ luận của cách đọc như thế này rồi. Khi tiếp cận một đoạn văn Cựu ước, người Kitô hữu vào lúc này hay lúc khác của việc đọc Kinh thánh nối đoạn văn này với Đức Giêsu. Chẳng hạn người ấy có thể thắc mắc là : chính Đức Giêsu đã đọc đoạn văn này và đã dựa trên bản văn này để hiểu, để cắt nghĩa sứ mạng của Người như thế nào ? Đoạn văn này đã được các Kitô hữu tiên khởi coi như là chuẩn bị cho việc Tin mừng của Đức Giêsu đến như thế nào ? Đoạn văn này có thể giúp cho lòng tin vào Đức Giêsu thêm mạnh mẽ, giúp khám phá thêm màu nhiệm tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Giêsu như thế nào?

Những cách đọc khác có thể có

Kinh thánh không phải là sở hữu tuyệt đối của các Kitô hữu và có nhiều hình thức đọc khác có thể cũng rất phong phú. Chẳng hạn cách đọc của Do Thái, một cách đọc mang cả một truyền thống suy tư dài. Có những cách đọc của các sử gia, các nhà khoa học, các nhà ngữ học giúp cho Kinh thánh rõ nghĩa tùy theo chuyên môn của họ. Có cách đọc của những người vô thần... Kinh thánh là một phần trong kho tàng của nhân loại.

Nhưng việc đọc Sách thánh muốn là cách đọc của Kitô giáo lại có điểm chú ý khác, tùy mức độ có thể, là lắng nghe những cách đọc khác nhau. Từ việc chạm trán với các cách đọc khác như thế có thể xuất phát những khám phá mới mẻ. Nhưng việc đọc Sách thánh này không được là việc đọc phục vụ cho những quyền lợi của chỉ một nhóm, cho dù đó là nhóm thuộc Kitô giáo, một việc đọc hẹp hòi từ chối tinh phổ quát, một việc đọc có tính cách phe nhóm, tất một lời là việc đọc làm tổn thương sứ điệp hạnh phúc là chính Tin mừng.

Bước thứ hai của việc suy niệm:

HIỆN TẠI HOÁ HOẶC ĐẶC HỮU HOÁ

Làm sao chúng ta từ đức tin được nhận thức trong bước thứ nhất của việc suy niệm có thể nuôi dưỡng đức tin ngày hôm nay? Nói cách khác, đi vào việc đọc và suy niệm Kinh thánh thì ích lợi gì ? Có thể rút ra được phúc lợi nào ? Để làm việc đó, còn cần phải “hiện tại hoá” bản văn, tức là cho thấy bản văn thực sự soi sáng cuộc sống của chúng ta như thế nào.

Từ “hiện tại hoá” có chính đáng không ? Các bản văn Kinh thánh là các bản văn cổ, được viết vào một thời đại xa xưa và để đáp ứng những nhu cầu nhất định mà lại không phải là những nhu cầu của chúng ta hôm nay. Như vậy, có một khoảng cách giữa các bản văn với chúng ta, không những không gì

có thể lấp đầy được mà còn phải tôn trọng nữa. Theo một nghĩa nào đó, không thể làm cho một cái gì đã già thành trẻ, làm cho một cái đã thuộc về quá khứ thành hiện tại. Chủ trương “đồng hợp” (concordisme) ra sức làm cho những hoàn cảnh của quá khứ phải tương đồng ngay với những hoàn cảnh của ngày hôm nay là đi lầm đường.

Không phải những mảnh vụn dư thừa, nhưng là một sự năng động

Thay vì hiện tại hoá, nói là đặc hữu hoá (appropriation) chẳng lẽ lại không được ? Từ này có ý nói là bước khởi động không nằm ở phía bản văn đi đến với chúng ta mà nhảy qua các thế kỷ, nhưng bước khởi động ở về phía chúng ta. Chúng ta đi tới các bản văn, chúng ta làm cho các bản văn thành của riêng mình, “đặc hữu hoá”. “Hiện tại hoá”, “đặc hữu hoá”, vấn đề từ ngữ không phải là không quan trọng. Nhưng bởi vì từ “hiện tại hoá” đã đi sâu vào các Kitô hữu, cho nên ta có thể giữ lại miễn là phải nghĩ ngay đến khoảng cách vốn có giữa hiện tại của chúng ta với các bản văn Kinh thánh.

Các cộng đoàn Kitô hữu coi cuộc phiêu lưu tôn giáo được Kinh thánh thuật lại như là độc nhất vô nhị và có tính cách gợi hứng cho cuộc phiêu lưu tôn giáo của mình. Chính vì thế, các cộng đoàn ấy tra vấn Kinh thánh không phải để tìm những giải đáp kiểu “ăn liền” cho đức tin, nhưng đúng hơn tìm những tiêu điểm, những điểm qui chiếu, một chỉ dẫn, một sức năng động. Tính cách gợi hứng này phải rời khỏi mặt chữ của Kinh thánh. Nó có thể được diễn tả rất khác nhau tùy theo cộng đoàn và tùy theo nơi chốn.

Kinh thánh không phải là Lời Thiên Chúa, kiểu Thiên Chúa từ trời “gọi tê-lê-phôn” xuống. Nó không có tính cách tự động, cũng không có tính cách phù thuật. Kinh thánh là Lời Thiên Chúa khi nó gợi hứng để sống theo Tin mừng, ngày hôm nay, trong Hội thánh và cho thế giới.

Các cách đặc hữu hoá khác nhau

Tìm sự điệp hạnh phúc, tìm “Tin mừng”

Các bản văn Kinh thánh do những người tin viết ra. Khi viết, họ có ý nâng đỡ và sáng soi đức tin của những người tin khác, đồng thời giúp những người ấy sống đức tin đó. Họ làm chứng về Thiên Chúa của Giao ước và chương trình của Thiên Chúa nhằm đem đến hạnh phúc cho mọi người. Hình thức đặc hữu hoá đầu tiên là làm nổi bật sự điệp hạnh phúc này mà không cần tìm ngay những yêu cầu cụ thể phải sống như thế này, như thế kia.

Đặc hữu hoá trước hết là một suy niệm vô thường về lòng yêu thương của Thiên Chúa, Đấng đã đoái thương tỏ mình ra cho chúng ta. Một suy niệm như thế không thể không có ảnh hưởng trên cách sống của người tin.

Tìm những chỉ dẫn, những yêu cầu sống cần phải có (hình thức “luân lý hoá”)

Rất thường, ta tìm ở Kinh thánh những yêu cầu để biết phải sống cụ thể như thế nào : “Giờ đây, Thiên Chúa đang chờ đợi gì ở tôi, ở chúng tôi ?” Thái độ tốt, đáng khen này có thể đưa đến kiểu đọc Kinh thánh giản lược, đôi khi còn nguy hiểm là đàng khác.

Có khi các Kitô hữu mở Kinh thánh kiểu “xem bói” và cứ ngỡ rằng rõ ràng mình tìm thấy trong vài câu mình vừa đọc điều Thiên Chúa đang đợi chờ mình. Hiển nhiên bao giờ thì họ cũng thấy một điều gì đó, vì quả là dễ giải thích các bản văn nhằm vào điều người ta đang muốn tìm. Nếu một phương pháp như thế giả thiết thái độ vâng phục đáng khen ngợi đối với thánh ý Thiên Chúa, thì nó lại tỏ ra nguy hiểm vì Kinh thánh không phải là Lời Thiên Chúa theo kiểu “tự động”, cứ hỏi là có và lại không mấy vât vâ! Thiên Chúa không miễn cho các người tin khỏi phải suy nghĩ và sử dụng tự do của mình.

Kinh thánh không cho những bài giải chính xác, cụ thể, nhưng ra những hướng đi, những chỉ dẫn. Chính trong Hội thánh, cùng với các Kitô hữu khác, mà người ta phải tìm những áp dụng thực hành. Những hướng đi ấy có thể được cụ thể hoá trong những cách làm khác nhau tùy theo các cộng đoàn, tùy theo các nơi chốn. Các Kitô hữu ở Âu châu sẽ không có cùng một cách sống những chỉ dẫn của Kinh thánh về lòng yêu thương tha nhân, những người nghèo khó nhất hay những chỉ dẫn về thái độ trọng kính công trình sáng tạo như các Kitô hữu ở Mỹ châu La tinh.

Chẳng hạn, ta thấy trình thuật các đạo sĩ (Mt 2,1-12) mời các Kitô hữu mở tâm hồn ra đón nhận cái phổ quát, vì chính những người ngoại quốc là những người đầu tiên đã đến phủ phục thờ lạy Chúa Giêsu. Chúa Giêsu đã đến cho mọi người chứ không phải chỉ cho con cái Ít-ra-en mà thôi. Nhưng làm thế nào để sống cái tính phổ quát của ơn cứu độ này trong cuộc sống thường nhật? Ta sẽ không tìm thấy ở bản văn một câu trả lời nào! Bây giờ cần phải rời bản văn và đi tìm, cùng với các Kitô hữu khác, xem làm thế nào để thực hiện hướng dẫn của bản văn nói về các đạo sĩ. Những câu trả lời tất nhiên sẽ hạn chế. Các câu trả lời sẽ mang dấu ấn của nhóm người ở đây và bây giờ. Những người khác, ở chỗ khác và vào lúc khác, sẽ hiện tại hoá và đặc hữu hoá những hướng dẫn của bản văn này có khi khác hẳn.

Tìm những biểu tượng

Hình thức hiện tại hoá hay đặc hữu hoá này nhằm tìm những yếu tố biểu tượng trong bản văn. Chẳng hạn như núi non, sa mạc, con đường, nước, nơi cao, chỗ thấp, các chuyển động... Vấn đề là tìm xem bản văn muốn dành cho các yếu tố ấy chức năng nào. Tìm hiểu đơn giản này thường giúp hiểu rõ hơn niềm tin mà bản văn đang muốn làm chứng. Các thái độ của những nhân vật này nhân vật kia đang xuất hiện ở các trình thuật Kinh thánh, các hoạt động, các biểu tượng giúp đi vào trong những giá trị của bản văn.

Thiên Chúa đang nói ngày hôm nay

Cũng như ngày xưa, Thiên Chúa hiện vẫn đang thông truyền chính mình Người. Người thực hiện điều ấy bằng ngàn cách: trong những biến cố, trong cuộc sống của các cộng đoàn, trong những người anh em... Đối với các Kitô hữu, Người mạc khải chính mình Người bằng cách thể độc nhất nơi Đức Giêsu Kitô, Đấng phục sinh.

Kinh thánh ở trong Lời này, Lời mà Thiên Chúa đang không ngừng ngỏ. Kinh thánh giúp cho các cộng đoàn Kitô hữu đọc Lời này trong cuộc sống thường nhật. Chính trong việc trao đổi giữa các chiều kích khác nhau của đời sống Kitô hữu với Kinh thánh mà Lời Thiên Chúa được khám phá ra, trong đức tin.

Đối với người tin, đọc và hiểu Kinh thánh mà thôi không đủ. Còn phải làm sao “Lời Thiên Chúa” mà mình am hiểu đầy thay đổi mình, biến đổi mình, hoán cải mình nữa. Và sự hoán cải cá nhân này không thể có được nếu không có sự trợ giúp của cộng đoàn, Hội thánh, trong đó mọi người tin đều liên đới với nhau. Lời Thiên Chúa chỉ có thể sinh hoa kết quả trọn vẹn trong cộng đoàn đọc Sách thánh và đem ra thực hành. Người tin được lôi cuốn vào trong một cuộc phiêu lưu lớn vừa của cá nhân mình vừa của cộng đoàn Hội thánh.

Đức tin Kitô giáo không phải là tôn giáo của cuốn sách

Kinh thánh không phải là kinh Coran. Sách thánh của những người theo Hồi giáo được coi như là được gửi trực tiếp từ trời xuống. Cần phải đón nhận mỗi câu và mỗi dấu chấm mỗi dấu phẩy, vì nó được Thiên Chúa đọc cho viết.

Trọng tâm của đức tin Kitô giáo là con người Đức Giêsu Kitô, là Lời Thiên Chúa và là người anh em của chúng ta. Không phải là cuốn sách. Kinh thánh chỉ là một phương thế. Thật vậy, phương thế này cốt yếu để đào sâu và sống lòng tin vào Đức Kitô, nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Có nhiều điều khác cũng thiết yếu, chẳng hạn như các bí tích, đời sống yêu thương huynh đệ, cầu nguyện, tình liên đới với những người nghèo khổ nhất... Kinh thánh là một cơ may được cống hiến để có thể đón nhận và đem Lời Thiên Chúa ra thực hành. Kinh thánh không phải là cách chuyển tự một lời nói được trực tiếp truyền đi từ trời.

Chúng ta không được sao chép y chang các hành vi cử chỉ của những người tin đã được diễn tả ra trong Kinh thánh. Chúng ta phải sao chép lòng tin của họ và gắng sống cùng một lòng tin ấy để đối phó với những nhu cầu cấp bách của thời đại chúng ta. Theo nghĩa đó, cho dù Kinh thánh không cho chúng ta một giải pháp thực tiễn nào để có thể giải đáp các vấn nạn hiện thời, Kinh thánh vẫn cần thiết. Kinh thánh đặt nền cho đức tin của Hội thánh và, qua đó, đức tin của chúng ta. Kinh thánh mời gọi chúng ta, cũng như đã mời gọi các tiền nhân của chúng ta trong đức tin, làm chứng nhân tích cực cho sứ điệp hạnh phúc mà Thiên Chúa muốn thông truyền cho chúng ta.

Kinh thánh rèn nên nếp suy nghĩ Kitô giáo

Người ta không sống đức tin một mình, nhưng trong Hội thánh. Chính với những người anh em của mình trong đức tin mà người Kitô hữu đọc Kinh thánh để có nguồn mạch và chứng thực xem cách mình sống đức tin ngày hôm nay có ăn khớp với mạch suối Kinh thánh hay không.

Đàng khác, và đây không phải là điều thứ yếu, Kinh thánh cũng cung cấp từ ngữ để chúng ta cầu nguyện. Kinh thánh là trường cầu nguyện. Kinh thánh đã đưa các Thánh vịnh và thánh ca Tân ước vào trong truyền thống lâu dài.

Vậy đang khi vẫn tôn trọng tự do và những đặc nét của mỗi người, Kinh thánh lại rèn luyện giữa các người tin một nếp suy nghĩ làm cho họ chăm chú để ý đến sự hiện diện của Thiên Chúa trong lịch sử hiện thời.

Khi đọc Kinh thánh, đừng vội phải nghĩ xem ứng dụng vào đời sống cụ thể hôm nay như thế nào. Bước chuyển cuối cùng rồi cũng sẽ được thực hiện khi người ta đã quen với việc đọc Kinh thánh. Mỗi ngày ta đâu có phải xem mình phải làm những công việc nào để giúp một người bạn, nhưng vì đã chơi với nhau lâu, đã thân với nhau nhiều, đã thành bạn hữu của nhau, nên ta làm nhiều việc để giúp người bạn ấy mà chính ta cũng chẳng nhận ra.

Ví dụ

Trong các ví dụ sau đây, khía cạnh “hiện tại hoá” không được làm rõ lên. Sở dĩ như thế là vì những lý do vừa nêu trên. Thế nhưng khía cạnh này vẫn có đó. Sự kiện tìm ra những xác tín đức tin của các tín hữu được diễn tả trong các bản văn Kinh thánh là một lời mời gọi xem xét các xác tín đức tin của riêng mình và làm cho thêm vững mạnh bằng cuộc đời Kitô hữu. Việc “hiện tại hoá” cũng có mặt trong phần “chiêm niệm” hoặc cầu nguyện.

Trang đầu tiên của Kinh thánh (St 1,1-2.4)

Giai đoạn quan sát

Kinh thánh mở đầu bằng bài thơ nghiêm trang và hoành tráng, được ngắt nhờ những điệp khúc:

- “Thiên Chúa phán”, “phân rẽ”, “gọi”

- “Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp”
- “Qua một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày thứ...”

Cỏ mang “hạt giống” ; thú vật và con người thì “sinh sôi nảy nở thật nhiều”.

Lời Thiên Chúa hữu hiệu: điều gì Thiên Chúa phán thì được thực hiện. Việc sáng tạo cốt ở chỗ “phân rẽ”. Ban đầu đất “không có hình thể”. Sự hỗn độn này, thôu bôhu, bị xoá đi nhường chỗ cho những khác biệt (ánh sáng/bóng tối; ngày/đêm; nước/đất; đàn ông/đàn bà...).

Ngày cuối cùng, ngày thứ bảy, Thiên Chúa “nghỉ ngơi” (il fait le sabbat). Ngày này trở thành “thánh thiêng”.

Giai đoạn suy niệm

Bài thơ về cuộc sáng tạo này ứng với những xác tín đức tin của những người đã soạn ra bài thơ này, của những người đã đặt bài thờ này lên đầu cuốn Kinh thánh và của những người đã lưu truyền lại.

- Đối với các người tin, Thiên Chúa không phải là một vị Thiên Chúa được chế tạo để đáp ứng những nhu cầu của các người tin và không phải là một vị Thiên Chúa mà người ta có thể giam hãm vào một nơi nào đó. Đây chính là vị Thiên Chúa của toàn thể vũ trụ, vị Thiên Chúa hoàn toàn khác mà không có người nào nhóm nào chi phối lèo lái được Người.

- Nhưng đồng thời, vị Thiên Chúa này là Đấng gần gũi, vì Người “nói” ; Người thông truyền chính mình Người bằng Lời sáng tạo của Người.

- Nhưng hình ảnh giống Thiên Chúa nhất lại vẫn là con người. Vì phẩm giá là hình ảnh của Thiên Chúa nên con người cần phải được tôn trọng. Cũng bởi vì người ta không thể điều động Thiên Chúa nên cũng không có quyền điều động tha nhân, điều động người khác.

- Con người được tạo dựng cùng với các thú vật. Nếu con người được dựng nên theo hình ảnh và giống Thiên Chúa, con người không là Thiên Chúa và thuộc thành phần của thế giới loài vật.

- Thiên Chúa không muốn dựng nên một thế giới hỗn tạp, bát nháo. Thế giới được tạo thành do khác biệt. Đặc tính của những khác biệt đó là sự sống và sinh sôi phát triển.

- Sự chúc phúc và thánh hóa của ngày thứ bảy nhắc cho con người biết rằng mình phải mở rộng vượt ra ngoài con người của mình. Chân trời của con người không chỉ là địa giới; có một chiều kích trong con người kết nối với Thiên Chúa.

Giai đoạn chiêm niệm

“Lạy Chúa là Thiên Chúa, sự chán nản rình rập chúng con bởi vì thế giới chúng con đang sống đầy những tiếng vang động của chiến tranh, khủng bố, những tiếng kêu la của những người đau khổ. Ngài là vị Thiên Chúa nhân lành, là Thiên Chúa của sự sống. Bài thơ mở đầu toàn thể Sách thánh và cho Sách thánh một giọng điệu riêng nói lại điều ấy. Bài thơ ấy đem lại cho chúng con niềm hy vọng. Ngài đã muốn có một thế giới tốt lành. Hơn thế nữa, Ngài đã quá yêu thế giới đến nỗi đã phá vỡ con độc nhất của Ngài là Đức Giêsu đến để cứu thoát thế giới. Vậy chúng con còn phải lo sợ gì nữa ? Không gì có thể tách chúng con ra khỏi Ngài.”

Lc 5, 27-31 : gọi ông Lê-vi

Đức Giêsu trông thấy một người thu thuế, tên là Lê-vi, đang ngồi ở trạm thu thuế. Người bảo ông : “Anh hãy theo tôi !” Ông bỏ tất cả, đứng dậy đi theo Người. Ông Lê-vi làm tiệc lớn đãi Người tại nhà ông. Có đông đảo người thu thuế và những người khác. Những người Pha-ri-sêu và những kinh sư thuộc nhóm của họ mới lắm bằm trách các môn đệ Đức Giêsu rằng : “Tại sao các ông lại ăn uống với bọn thu thuế và quân tội lỗi ?” Đức Giêsu đáp lại họ rằng : “Người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần. Tôi đến không phải để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn.”

Giai đoạn quan sát

- Đức Giêsu nhìn thấy một người thu thuế. Người đi bước đầu, Người chủ động trong cuộc gặp gỡ này. Vấn đề và không cần giải thích dài dòng, Người gọi ông Lê-vi “đi theo” Người. Người buộc phải lý giải thái độ của mình và của các môn đệ đối diện với những người Pha-ri-sêu thắc mắc.

- Ông Lê-vi được giới thiệu là “người thu thuế” đang thi hành công việc. Khi nghe Đức Giêsu kêu gọi, ông bỏ công việc và đi theo Đức Giêsu. Ông làm một bữa tiệc tại nhà ông để thết đãi Đức Giêsu. Ông cũng mời cả “một đám đông những người thu thuế” ! Có những người khác, không rõ là ai, cũng được ông mời. Dĩ nhiên, các môn đệ của Đức Giêsu cũng có mặt trong bữa tiệc này.

- Bỗng nhiên, những người Pha-ri-sêu và những kinh sư thuộc phái Pha-ri-sêu xuất hiện. Họ từ đâu đến ? Bản văn không cho biết. Có mỗi một chuyện ta biết, đó là “họ lắm bằm”. Họ cho các môn đệ biết lý do tại sao họ lắm bằm. Họ lấy làm chướng vì làm sao người ta lại có thể ăn uống chung với những người thu thuế, tức là những người bị đồng hoá với “những người tội lỗi”. Đó là điều trái với các qui tắc đạo đức.

- Các môn đệ của Đức Giêsu nhận câu hỏi của những người Pha-ri-sêu và những người kinh sư, như thể những người này không dám trực tiếp giáp mặt với Đức Giêsu. Các môn đệ không trả lời chi. Đức Giêsu chịu trách nhiệm và Người trả lời bằng cách xưng hô “Tôi” : Tôi đến không phải để kêu gọi những người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn”. Bản văn không cho biết người Pha-ri-sêu có chịu thuyết phục không.

Giai đoạn suy niệm

- Trong trình thuật này, thánh Lu-ca diễn tả đức tin của các Kitô hữu sau biến cố Vượt Qua. Đối với các Kitô hữu này, Đức Giêsu, Đấng phục sinh, là Đấng đã đến để cứu thoát những người tội lỗi.

- Thánh Lu-ca cũng giải đáp những khó khăn xuất hiện trong các cộng đồng Kitô hữu mà thánh nhân muốn viết sách Tin mừng cho họ. Theo các qui tắc thời bấy giờ, khi dùng bữa, các Kitô hữu gốc Do Thái giáo phải ngồi riêng ra khỏi các Kitô hữu gốc ngoại giáo. Chính thánh Phê-rô đã từng do dự. Sứ điệp của thánh Lu-ca là rõ rệt. Lễ Tạ Ơn buộc phải được ăn chung với nhau. Đức Giêsu mời tất cả, Do Thái cũng như ngoại giáo, vào ăn cùng một bàn, tham dự một bữa tiệc thời Mê-si-a.

- Thánh Lu-ca nhớ rằng Đức Giêsu Na-da-rét đã làm cho người ta cảm thấy chướng bởi vì Người không chịu khép mình vào truyền thống. Người không ngần ngại ăn uống và sống với những người tội lỗi. Các Kitô hữu có thể lấy thái độ này của Chúa mình làm gương.

- Thường trong sách Tin mừng của thánh Lu-ca, người ta hay lắm bằm phàn nàn Đức Giêsu. Mà bao giờ cũng là vấn đề liên can đến tính phổ quát của ơn cứu độ. Đức Giêsu đã đến vì mọi người. Trong

câu chuyện về ông Da-kêu chẳng hạn, người ta phàn nàn kêu trách vì họ không hiểu rằng ơn cứu độ của Thiên Chúa có thể được tặng ban cho hết mọi người, người Do Thái cũng như người ngoại giáo, người công chính cũng như người tội lỗi. Đứa con hoang đàng, người tội lỗi, cũng được mến được thương như người con cả, người công chính.

Giai đoạn chiêm niệm

“Lạy Chúa, không ai bị loại trừ khỏi Tin mừng của Chúa. Chúng con xin cảm tạ vì ơn cứu độ của Chúa dành cho mỗi người. Không hề có thiên tư tây vị trước mặt Chúa. Tất cả chúng con cần Chúa. Xin tha thứ cho những thái độ loại trừ kẻ khác. Xin tha thứ cho những xét đoán, những phân biệt loại trừ của chúng con. Xin cho chúng con đừng quên rằng công giáo có nghĩa là phổ quát, mọi người ở mọi nơi, mọi thời”.

NHỮNG PHẢN QUAN TRỌNG CỦA KINH THÁNH NÓI ĐẾN NHỮNG XÁC TÍN CỦA ĐỨC TIN

Sách Luật

Ít-ra-en tại sa mạc đã có kinh nghiệm về việc lập dân của mình. Chúa của họ đã giải phóng họ khỏi cảnh nô lệ và khỏi quân đội ai cập, rồi khỏi cảnh đói khát, thất vọng v.v.... Những trình thuật trong 5 cuốn sách đầu tiên (Ngũ Kinh) của Kinh Thánh chính là những tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa cứu độ. Nhưng nếu, ngược lại, Ít-ra-en đã lầm bầm than vãn nghịch lại với Thiên Chúa, nổi loạn và nuối tiếc Ai Cập, cũng chính là kinh nghiệm về đức tin nhưng với cách tiêu cực. Thiên Chúa phải can thiệp và cứu vớt dân Ngài khỏi cứng lòng tin, khỏi sự mất đức tin dẫn đến tự sát. Ngài đã ban cho dân Lê Luật để hướng dẫn dân.

Các ngôn sứ

Các sấm ngôn tiên tri, trước thời bị lưu đày, thường là những loan báo về phán xét của Thiên Chúa: như những tối hậu thư gửi đến cho Ít-ra-en hoặc cho những người trách nhiệm dân, để họ hoán cải bao lâu còn có giờ. Trong khi vạch trần những tội phạm của dân Ít-ra-en, các ngôn sứ muốn nhắc nhở họ về những yêu sách của giao ước với Thiên Chúa. Kể từ khi bị lưu đày, khá nhiều sấm ngôn tiên tri loan báo ơn giải thoát mà Thiên Chúa sẽ gửi đến cho dân Ngài, như một xuất hành mới.

Các nhà khôn ngoan

Những lời khuyên dụ của các ông đôi khi chỉ là hợp lý và dựa trên kinh nghiệm con người thôi, nhưng lý tưởng sống mà các ông đề nghị luôn hợp với đức tin; họ chứng tỏ rằng không có chia cắt giữa tôn giáo và cuộc sống. Càng ngày họ càng xác tín rằng chỉ có Thiên Chúa mới có thể ban sự khôn ngoan cần thiết để thành công trong cuộc sống.

Các trình thuật Tin Mừng

Trung tâm điểm của tất cả các trình thuật tin mừng là tuyên bố Giêsu là Chúa, có nghĩa là Đấng Phục Sinh luôn sống một cách bí nhiệm giữa các môn đệ. Có lúc trình thuật giới thiệu Chúa Giêsu như người được Cha sai đến, mạc khải về Cha, ví dụ như trong các bài giảng của Ngài; có lúc trình thuật đã cho thấy sự vinh thắng của Đấng Phục Sinh trên sự dữ và sự thua cuộc của bệnh tật, cái chết và tội lỗi. Tất cả các trang Tin Mừng, được viết trong niềm tin phục sinh, với bối cảnh của Kinh Thánh, đều là những tuyên xưng đức tin liên quan đến những mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Cũng thật

như thế trong sách Công Vụ. Sách này cho thấy Đấng Phục Sinh tiếp tục hoạt động trong thế giới qua những người được sai đi và các cộng đoàn.

Các bản văn của các Tông Đồ

Thư của các Tông Đồ luôn nhắc nhở đến trung tâm điểm của đức tin: sự liên đới với Chúa Giêsu, sống và hoạt động trong Hội Thánh của Ngài. Dù bất cứ vấn đề gì, các Tông Đồ cũng giải quyết trong nối kết với Chúa Kitô: hoặc là nhắc cho biết Ngài là ai, hoặc nhắc nhở những yêu sách của đời sống kitô hữu.

CHƯƠNG VI

GIAI ĐOẠN CHIÊM NIỆM

Quan sát, suy niệm, chiêm niệm là ba giai đoạn có thể được dùng để “đọc và suy niệm Kinh thánh” hoặc đọc Kinh thánh với tinh thần tin và cầu nguyện. Khi quan sát, ta hỏi xem : “Bản văn được làm nên như thế nào?” Khi suy niệm : “Bản văn muốn truyền đạt chứng từ đức tin nào?” Khi chiêm niệm, câu hỏi sẽ là: “Bản văn khiến chúng ta phải nói gì? Bản văn muốn giúp chúng ta nói với Thiên Chúa điều gì?” Đây chính là lúc phải diễn tả ra trước mặt Thiên Chúa phản ứng của chúng ta do Lời Thiên Chúa đã được nghe và suy niệm khơi lên. Chương cuối cùng này đề cập đến giai đoạn cuối cùng của việc đọc và suy niệm Kinh thánh, đó là giai đoạn cầu nguyện hoặc chiêm niệm.

Cầu nguyện, khẩn nài, ca ngợi

Dành riêng một giai đoạn để gọi là giai đoạn cầu nguyện không có nghĩa là không được cầu nguyện trong giai đoạn quan sát và suy niệm. Thái độ cầu nguyện có thể có ngay từ khi bắt đầu việc đọc Sách thánh này. Bắt đầu, ta có thể cầu xin Chúa Thánh Thần. Trong khi đọc, luôn có những khoảnh khắc ngắn ngủi để cầu nguyện. Ngay việc suy niệm đã là cầu nguyện rồi. Nhưng khi đọc Sách thánh để cầu nguyện, cho dù là ở giai đoạn nào cũng có thể cầu nguyện, vẫn có một khoảnh khắc đặc biệt dành để cầu nguyện. Khoảnh khắc này là giai đoạn thứ ba, giai đoạn chiêm niệm.

- Lời cầu nguyện theo sau việc suy niệm có thể là một lời cầu nguyện tự phát. Để cho hợp với điều mình đã nghe là Lời Thiên Chúa khi đọc và suy niệm, lời cầu nguyện có thể là lời ca ngợi hoặc tạ ơn, khẩn nài hoặc xin tha thứ. Lời cầu nguyện có thể thậm chí mượn những lời cứng cỏi như trong một số đoạn văn của sách Gióp hay Giê-rê-mi-a hoặc trong nhiều Thánh vịnh. Điều quan trọng là lời cầu nguyện tự phát không được chỉ có tính cách cá nhân, nhưng còn phải phản ánh chiều kích cộng đoàn. Nên nhớ, chúng ta đang cầu nguyện trong Hội thánh.

- Lời cầu nguyện này có thể được lấy từ những lời cầu nguyện đã có sẵn. Chẳng hạn ta có thể lấy một Thánh vịnh diễn tả điều ta đang muốn nói. Ta có thể nhớ thuộc lòng tất cả Thánh vịnh hoặc một đoạn ngắn để đọc lại mà cầu nguyện khi này khi khác trong ngày. Ta cũng có thể lấy lại một bài hát có thể nối dài các giai đoạn trước. Cũng có thể tìm trong tập sách thu góp các lời cầu nguyện xem lời nào có âm hưởng giống đoạn sách ta vừa đọc.

Như vậy, lời cầu nguyện có thể mặc những hình thức khác nhau tùy theo người. Không có “khuôn mẫu” sẵn chung cho mọi người. Ta chỉ có thể gợi lên chứ không thể bó buộc vào một hình thức nào duy nhất. Cho nên cần phải chú ý để thay đổi các hình thức cầu nguyện : lời cầu nguyện của cá

nhân, lời cầu nguyện có sẵn, bài hát, lặp lại một Thánh vịnh, lời cầu nguyện ca ngợi, lời cầu nguyện khẩn nài...

Ví dụ

Đọc để suy niệm và cầu nguyện dụ ngôn những người thợ làm vườn nho sát nhân (Mc 12,1-12).

Đức Giêsu bắt đầu dùng dụ ngôn mà nói với các thượng tế, kinh sư và kỳ mục rằng : “Có người kia trồng được một vườn nho : ông rào giậu chung quanh, đào bồn đập nho và xây một tháp canh. Ông cho tá điền canh tác, rồi trở đi xa. Đến mùa, ông sai một đầy tớ đến gặp các tá điền để thu hoa lợi vườn nho mà họ phải nộp. Nhưng họ bắt người đầy tớ, đánh đập và đuổi về tay không. Ông lại sai một đầy tớ khác đến với họ. Họ đánh vào đầu anh ta và hạ nhục. Ông sai một người khác nữa, họ cũng giết luôn. Rồi ông lại sai nhiều người khác : kẻ thì họ đánh, người thì họ giết. Ông chỉ còn một người nữa là người con yêu dấu : người này là người cuối cùng ông sai đến gặp họ. Ông nói: “Chúng sẽ nể con ta.” Nhưng bọn tá điền ấy bảo nhau: “Đưa thừa tự đây rồi! Nào ta giết quách nó đi, và gia tài sẽ về tay ta.” Thế là họ bắt cậu, giết chết rồi quăng ra bên ngoài vườn nho. Vậy ông chủ vườn nho sẽ làm gì ? Ông sẽ đến tiêu diệt các tá điền, rồi giao vườn nho cho người khác. Các ông chưa đọc câu Kinh thánh này sao ? Tảng đá thợ xây nhà loại bỏ lại trở nên tảng đá góc tường. Đó chính là công trình của Chúa, công trình kỳ diệu trước mắt chúng ta !” Họ tìm cách bắt Đức Giêsu, nhưng lại sợ dân chúng. Quả vậy, họ thừa hiểu Người đã nhắm vào họ mà kể dụ ngôn ấy. Thế là họ để Người lại đó mà đi.

Giai đoạn quan sát

- Đức Giêsu nói dụ ngôn này đối lại với giới chức tôn giáo: đó là các thượng tế, các kinh sư và các kỳ mục, thủ lãnh của người Do Thái.

- Dụ ngôn Đức Giêsu kể đưa ra nhiều nhân vật:

1. Một người trồng một vườn nho. Bên dưới là bồn đập nho để đựng nho đã thu hoạch được. Bên trên là tháp canh để bảo vệ, canh giữ vườn nho. Giậu để ngăn nơi sản xuất này với bên ngoài. Tất cả được làm ra để cho vườn nho sinh lợi và càng ngày càng sinh lợi nhiều. Đến mùa thu hoạch, người chủ thiết lập tương quan bằng cách sai các đầy tớ của mình đến. Mỗi tương quan này mau chóng bị cắt đứt. Vườn nho trở thành tử địa vì những người thợ làm vườn nho muốn chiếm đoạt vườn nho. Những người thợ làm vườn nho chẳng hiểu gì cả. Thái độ của họ sắp khiến cho họ phải chuốc lấy thảm họa.

2. Các đầy tớ chịu trách nhiệm nối mối dây liên kết giữa ông chủ vườn nho với các người thợ. Các đầy tớ này bị đối xử tệ : người thì bị đánh, người thì bị đập, một số bị giết chết.

3. Cuối cùng đến người con trai của ông chủ vườn. Cậu được phái tới. Nhưng đến lượt cậu cũng bị giết luôn. Cậu “bị quăng ra bên ngoài vườn nho”.

- Hình ảnh vườn nho nhường chỗ cho hình ảnh một công trình kiến trúc : viên đá bị loại bỏ lại trở nên tảng đá góc tường.

Giai đoạn suy niệm

- Bản văn này tường thuật niềm tin Phục sinh. Hình ảnh so sánh của một công trình kiến trúc là một giải thích dụ ngôn sau Phục sinh. Đức Giêsu đã chịu chết, đã bị giết ngoài thành. Tiếp theo sau nhiều tội ác của Thiên Chúa, tức là các ngôn sứ, Đức Giêsu được Chúa Cha phái đến, nhưng Người không được tiếp nhận. Cái chết thương đau của Người không làm cho sứ mạng của Người chấm dứt. Tuy bị loại trừ, nhờ cuộc phục sinh Người đã trở nên tảng đá góc tường nâng đỡ toàn thể tòa kiến trúc.

- Bản văn này tường thuật Cựu ước. Vườn nho là một hình ảnh cổ điển trong Cựu ước để nhắc đến sản nghiệp của Thiên Chúa, tức là Dân của Người. Dụ ngôn mở đầu bằng cách lặp lại bài ca vườn nho nổi tiếng của ngôn sứ I-sai-a (5,1-7). Trong bài ca ấy, ông chủ rõ ràng là Thiên Chúa, Đấng đã làm tất cả cho vườn nho của mình, nhưng vườn nho ấy không chu toàn vai trò của nó.

Việc nhắc đến các đầy tớ được phái đến và bị giết khiến ta nghĩ đến các ngôn sứ. Các vị này, theo truyền thống cổ xưa, đều bị những người được các ông đến loan báo Lời Thiên Chúa cho đối xử tệ.

- Bản văn này tường thuật đời sống của Hội thánh. Các Kitô hữu dần dần khám phá thấy rằng Tin mừng của Đức Giêsu không chỉ được gửi đến Dân của Thiên Chúa mà thôi, nhưng còn gửi đến tất cả các dân tộc. Các Kitô hữu cần phải đấu tranh với chính mình để hiểu rằng họ không phải là những người độc quyền sở hữu Tin mừng. Không có hàng rào ngăn cách.

- Bản văn này tường thuật Đức Giêsu Na-da-rét. Đức Giêsu chạm trán với một số người đồng thời với Người. Những người này có khuynh hướng cho rằng họ là những người sở hữu ân huệ của Thiên Chúa. Đức Giêsu biết và chấp nhận rằng sứ mạng của Người đưa Người tới chỗ chết.

Giai đoạn cầu nguyện hoặc chiêm niệm

Có rất nhiều cách, nhưng đây là một vài ví dụ để làm lời cầu nguyện :

- Một lời cầu nguyện lưu ý đến những giai đoạn trước

“Lạy Thiên Chúa là Cha chúng con, chúng con xin cảm tạ Cha vì đã ban cho chúng con Đức Giêsu là Con của Cha. Người đã hiến mạng sống của Người cho đến cùng, đến cái chết. Nhưng Cha đã cho Người chỗi dậy. Xin cho chúng con biết tiếp đón Người, biết đón nhận và sống lời của Cha.

Lạy Chúa là Thiên Chúa, ra như Chúa thường ở xa, như thể “đang đi đường”. Chúng con quên rằng Chúa đã trao phó cho chúng con Tin Mừng của Con Chúa, Đấng đã chết và đã phục sinh, để cho mọi người được nghe biết Tin mừng ấy. Xin Chúa giúp chúng con đừng bao giờ coi chỉ có mình là những người duy nhất sở hữu lời của Chúa”.

- Một bài thơ

Ta muốn sự sống
Chứ không muốn cái chết.
Hàng giàu chẳng bao lâu
Đã biến thành một bức tường
Và những ranh giới
Vây quanh lấy chúng
Bên trong là sự sống :
Nó thuộc về chúng ta.
Bên ngoài là sự chết :
Chúng ta không được không biết đến điều này.
Chính khoảng không gian chết chóc
Họ lo bảo vệ;
Cái máy ép và tháp canh
Người đã quên mất

Cái máy ép và cái tháp canh
Chú ý đến người con
Chính sự sống Người muốn
Thì họ lại quăng đi làm cho chết
Sự sống, họ không yêu không thích,
Họ lại muốn duy trì
Sự sống chỉ giữ được
Một khi nó được sinh sôi nảy nở.
Và chính cái chết đó
Còn phong phú hơn
Là bất kỳ sự sống nào khác,
Bởi vì lời không hư hoại.
“Điều ta muốn là người sống”
Thiên Chúa phán như vậy.

*(Arnold Kok, Jean Rouy, Marc Sevin, Crie et Vis,
Une lecture de l'Évangile de Marc, p.85)*

- **Thánh vịnh 117** (118) được trích dùng trong Mác-cô 12:

Tảng đá thợ xây nhà loại bỏ
lại trở nên đá tảng góc tường.
Đó chính là công trình của Chúa,
công trình kỳ diệu trước mắt chúng ta!

* * *

ĐỌC SÁCH THÁNH TRONG MỘT NHÓM

Nhiều người cùng đọc một bản văn Kinh Thánh thường đem lại một chiều kích khác cho Lectio divina. Nhưng thực hành thế nào? Đây là một đề nghị trong nhiều cách thế. Thực hành cho một nhóm khoảng từ 5 đến 10 người (đừng quá đông). Bản văn được chọn trong phụng vụ thánh lễ.

Cuộc gặp gỡ được bắt đầu bằng một lúc cầu nguyện ngắn gọn. Rồi đến những giai đoạn quan sát, suy niệm và cầu nguyện.

*** Cầu nguyện hoặc hát để chuẩn bị lectio divina**

Nhớ lại lời Chúa Giêsu: “Khi hai hoặc ba người họp nhau lại nhân danh Thầy, Thầy ở giữa họ” (Mt 18,20). Tiếp đến có thể dâng một lời khẩn nguyện, như: “Lạy Chúa, xin hãy phán, tôi tớ Chúa xin lắng nghe” (1 S 3,10) hoặc: “Lạy Chúa, chỉ mình Chúa có những lời ban sự sống đời đời” (Ga 6,68). Cũng có thể khẩn cầu Chúa Thánh Thần. Một bài hát tất cả nhóm đều thuộc sẽ giúp cho việc tụ họp và tạo bầu khí cầu nguyện thích hợp.

*** Thời gian quan sát**

- Một người đọc chậm và lớn tiếng bản văn đã chọn trước.
- Sau đó dành ra 5, 7 phút thinh lặng tuyệt đối, mỗi người quan sát những yếu tố làm nên bản văn (ví dụ: những từ, những nhân vật, những cử động, nơi chốn, những danh xưng người ta nói về Chúa Giêsu v.v...).

- Chia sẻ.

Lần lượt mỗi người trình bày cho nhóm, qua chỉ một hai câu ngắn gọn, điều mình quan sát xét thấy là quan trọng nhất.

Thời gian quan sát này cần tất cả mọi người trong nhóm cùng có một bản dịch Kinh Thánh như nhau. (Sách riêng nên dùng bút chì để đánh dấu những từ, những câu được coi là đặc thù trong bản văn).

*** Thời gian suy niệm**

- Người thứ hai đọc lại lớn tiếng, rõ ràng bản văn.
- Trong 5, 7 phút thình lặn, dùng lại bản văn để cố gắng nhận ra đức tin được diễn đạt trong đó, và xét xem điều đó có vang vọng đối với đức tin của chính mình hay không.

- Chia sẻ lần nữa.

Mỗi người, qua một hai câu ngắn gọn, tóm tắt điều đối với mình là một huân dụ về đức tin trong bản văn và có ảnh hưởng gì đối với đức tin của riêng cá nhân mình.

Để cho cuộc chia sẻ trao đổi này hoàn toàn mang tính cách cá nhân, mỗi người cố gắng diễn tả bằng ngôi thứ nhất số ít (“tôi”, “em”, “đối với tôi”, “tôi nhận thấy trong bản văn...”, và tránh những kiểu nói chung chung (như “chúng ta”, hoặc “bản văn muốn nói”...). Ở đây cốt yếu là đơn thuần là chuyển trao ý của mình cho người khác. Tránh không đi vào tranh luận. Mỗi người đơn sơ lắng nghe điều người khác nói ra...

*** Thời gian chiêm ngắm hay cầu nguyện**

- Người thứ ba đọc lại bản văn lớn tiếng, rõ ràng.
- Trong 5, 7 phút thình lặn, mỗi người cầu nguyện tùy theo quan sát và suy niệm khởi động cho cá nhân mình, và cũng từ những gì nghe được từ những người trong nhóm nói ra. Trong lời cầu nguyện cố gắng đừng quên dùng chính những từ những câu của bản văn. Mỗi người chọn hình thức của lời cầu tùy theo nội dung của bản văn: tin tưởng, ngợi khen, xin ơn, chuyển cầu v.v...

- Chia sẻ cuối cùng.

Mỗi người tham dự ngắn gọn nói lên trước nhóm một câu, một lời nguyện. Mỗi người giữ lại cho mình một lời trong trao đổi để đưa vào trong kinh nguyện riêng tư của mình trong ngày hoặc trong tuần.

*** Kết thúc**

Kết thúc buổi gặp mặt bằng một lời kinh của Hội Thánh mà tất cả đều thuộc (Kinh Lạy Cha, Magnificat, Kinh Tin Kính....)

Mỗi người đón nhận những gì người khác nói trong giờ lectio divina không phán đoán, nhận định, phê bình hay góp ý. Mục đích của buổi họp mặt không phải là để học hỏi về bản văn, cũng không phải để trao đổi tranh luận về bản văn, nhưng đơn thuần là để chia sẻ niềm tin của cá nhân mình trong khi đọc bản văn đó. Thế thôi.

“Nếu cầu nguyện thực sự khuyến khích chúng ta hoạt động và giúp chúng ta yêu mến người lân cận, vậy thì chúng ta hãy cầu nguyện! Chúng ta hãy nâng đỡ nhau trong cố gắng này: mong rằng mỗi người có thể chọn dừng lại trong khoảng thời gian mười mười lăm phút để mỗi ngày cầu nguyện với bản văn Phúc Âm được đề nghị trong phụng vụ. Nếu mỗi người thực hành điều đó trong sự thật, sẽ có cái gì đó chắc chắn thay đổi trong chúng ta, chung quanh chúng ta, giữa lòng cộng đoàn giáo xứ chúng ta. Đây một phương pháp có thể thực hiện:

* Bắt đầu cầu nguyện bằng một cử chỉ (dấu thánh giá, phủ phục, thấp một cây nến...) để đặt mình trước Nhan Thánh Chúa. Người ở đó, hiện diện, và Người muốn gặp tôi. Tiếp nhận ánh mắt yêu thương Người nhìn tôi.

* Đọc lớn tiếng lần thứ nhất bản văn của ngày và quan sát điều gì xảy ra: những nhân vật, những động từ được dùng, điều gì thay đổi giữa lúc đầu và lúc cuối. (Tôi có thể gạch dưới câu hay khoanh tròn bằng bút chì nếu làm thế có thể giúp tôi lưu ý hơn).

* Đọc bản văn lần hai. Bản văn dạy tôi biết gì về Chúa Giêsu, về đức tin? Đây là thời gian suy niệm.

* Nói với Chúa như nói với một bạn thân. Tôi xin Chúa hiểu biết thêm về Chúa Giêsu, làm cho đức tin của tôi đối với Chúa Giêsu thêm lớn, làm cho tình yêu của tôi đối với người lân cận thêm mạnh... Tôi đơn sơ thưa với Người điều chất chứa trong lòng tôi. Đó là thời gian chiêm ngắm”.

(Trích từ một tờ bướm của giáo xứ do một nữ độc giả của Prions En Église gửi đến tòa soạn)

+ “Đọc Sách Thánh” hoặc đọc Kinh Thánh với niềm tin không là chuyện dành riêng cho các chuyên gia. Tất cả các kitô hữu đều có khả năng đọc khi họ đọc trong tinh thần đức tin và tìm cầu nguyện “trong Giáo Hội”.

+ Mục tiêu của việc “Đọc Sách Thánh” không phải là đạt được kết quả ngay. Nhưng mục tiêu là xoáy động trong ta một tâm thức của kẻ tin. Đó là vấn đề làm bạn với Kinh Thánh, qua đó giúp ta đắc thủ được một cảm thức Kinh Thánh, một cảm thức kitô hữu. Dần dần đức tin hòa quyện trong bản văn sẽ hòa nhập người suy niệm và cầu nguyện với bản văn Kinh Thánh đó.

+ Khi người ta quyết định đọc sách thánh, phải kiên tâm. Việc đọc Sách Thánh có thể có khía cạnh lặp đi lặp lại gây chán nản. Chỉ cần kiên trì, việc đọc này sẽ trở nên thích thú. Việc đọc này sẽ giúp cho ta có cái nhìn khác đối với điều ta đang sống và những biến cố trong thế giới.

(11g00 ngày 11.01.2011)

Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist